



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Quan im ca ng v ch ngha xã hi và con ng quá lên ch
ngha xã hi Vit Nam: Tài liu tham kho**

inh Huy Liêm

2011

Trng i hc CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/139>

**BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO
QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM**

TP. HỒ CHÍ MINH - 2011

TÀI LIỆU ĐƯỢC HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCSSND

- Công nhận kết quả biên soạn tại Quyết định số 1243/QĐ-T48 ngày 30 tháng 12 năm 2011.
- Ban hành và sử dụng tại Quyết định số 1247/QĐ-T48 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

TS. ĐÌNH HUY LIÊM

Chủ biên

Tham gia biên soạn:

TS. Đình Huy Liêm: Chuyên đề 1

CN. Nguyễn Chí Hiếu: Chuyên đề 2

ThS. Trần Minh Nghĩa: Chuyên đề 3

ThS. Nguyễn Văn Lai: Chuyên đề 4

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	1
<i>Chuyên đề 1:</i> TÌM HIỂU TƯ DUY MỚI CỦA ĐẢNG TA VỀ XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA ĐANG XÂY DỰNG	2
<i>Chuyên đề 2:</i> TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI VÀ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ.....	5
<i>Chuyên đề 3:</i> NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA	28
<i>Chuyên đề 4:</i> QUAN HỆ KINH TẾ VỚI CHÍNH TRỊ VÀ ĐỔI MỚI KINH TẾ, ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	49

LỜI NÓI ĐẦU

Đánh giá hai mươi năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011), Đại hội XI của Đảng đã khẳng định nước ta **“*đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*”**. Từ những thành tựu đó, Đại hội XI kết luận sự đúng đắn và ý nghĩa quan trọng của Cương lĩnh năm 1991. Cũng từ đó, “quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp”¹.

Để giúp sinh viên Đại học Cảnh sát nhân dân nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn các môn học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin”, “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, nhất là những quan điểm cơ bản của Đại hội XI, Bộ môn Mác – Lênin và khoa học xã hội nhân văn thực hiện sự chỉ đạo của Gan Giám hiệu tổ chức biên soạn tài liệu tham khảo *Quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*.

Tài liệu tham khảo này gồm các chuyên đề do một số giảng viên giảng dạy chuyên ngành các môn khoa học Mác – Lênin, Trường Đại học CSND biên soạn. Nội dung các chuyên đề được khai thác cả lý luận và thực tiễn nước ta, giúp sinh viên đi sâu hơn những vấn đề lý luận, đồng thời liên hệ với thực tế công cuộc đổi mới ở nước ta. Tuy nhiên, do phải khẩn trương để đáp ứng yêu cầu học tập sau Đại hội XI, nên nội dung tài liệu mới đề cập được một số vấn đề nhất định và chắc chắn có những thiếu sót, mong các đồng chí phê bình, góp ý.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu tài liệu tham khảo cùng bạn đọc!

BỘ MÔN MÁC-LÊNIN & KHXHNV

¹. Trích Văn kiện ĐHĐBTQ lần thứ XI, Nxb. CTQG-ST, HN. 2011, tr. 23.

Chuyên đề 1
TÌM HIỂU TƯ DUY MỚI CỦA ĐẢNG TA
VỀ XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA ĐANG XÂY DỰNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp. Nội dung các văn kiện của Đại hội là sự kết tinh trí tuệ, ý chí và tình cảm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đó là sự tổng kết một cách sâu sắc thực tiễn và lý luận 25 năm đổi mới để tiếp tục hoàn thiện và phát triển đường lối, quan điểm đổi mới toàn diện đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Việc học tập, nghiên cứu nghiêm túc, quán triệt sâu sắc và có hiệu quả những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, chủ trương, chính sách được thể hiện trong các Văn kiện Đại hội là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân ta, nhằm đưa Nghị quyết Đại hội XI vào thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới đất nước. Đối với trường Đại học Cảnh sát nhân dân, việc nghiên cứu, nắm vững và vận dụng các quan điểm cơ bản của Đại hội X vào giảng dạy, học tập, nhất là giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Trong các quan điểm đó, một vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chi phối các quan điểm khác, đó là tư duy mới của Đảng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng.

1. Năm 1991, vào thời điểm chủ nghĩa xã hội khủng hoảng cả về lý luận và hiện thực, Đảng ta khẳng định đối với nước ta, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn, “nhân dân ta quyết không chấp nhận con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa”².

Trải qua 15 năm cả nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt, qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội VII nhận định: “*Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã có thể hình thành trên những đường nét chủ yếu*”³. Nhận định đó vừa nói lên yêu cầu, vừa thể hiện tính khả thi trong việc nêu ra “những nét chủ yếu” về một “xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta định xây dựng”⁴, để từ đó, giúp hành động cách mạng tự giác, định hướng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta.

Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh của Đảng⁵, trong đó, “những nét chủ yếu” được nêu lên gồm 6 đặc trưng thể hiện sự khác biệt về chất của chủ nghĩa xã hội so với các hình thái kinh tế - xã hội khác. Sáu đặc trưng gắn bó hữu cơ thành một thể thống nhất, vền vẹn có 121 chữ. Chỉ có 121 chữ, nhưng là tất cả giá trị bản chất có thể đạt tới đầy đủ và chín muồi khi kết thúc thời kỳ quá độ và thể hiện quan điểm chủ nghĩa xã hội phát triển dựa trên cơ sở của chính nó. Song cũng tại thời điểm đó, Đảng ta rất biện chứng khi xác định rằng “những gì mà nhận thức chúng ta đạt tới hôm nay sẽ còn được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển sau này của thực tiễn và của tư duy lý luận”⁶. Đến Đại hội VIII, Đảng ta nhận định “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”⁷. Đại hội IX tiếp tục nhận định tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII, “chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”⁸.

² . VK ĐH ĐBTQ lần thứ VII, Nxb. Sự Thật, HN.1991, tr. 110.

³ . Sđd, tr. 111.

⁴ . Sđd, tr. 111.

⁵ . “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH”.

⁶ . VK ĐH ĐBTQ lần thứ VII, Nxb. Sự Thật, HN.1991, tr. 111.

⁷ . VK ĐH ĐBTQ lần thứ VIII, Nxb. CTQG, HN.1996, tr. 68.

⁸ . VK ĐH ĐBTQ lần thứ IX, Nxb. CTQG, HN.2001, tr.20.

Đại hội X, trải qua 15 năm thực hiện Cương lĩnh, 6 đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa thực sự đã định hướng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta, chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với Việt Nam. Tại Đại hội X, cùng với việc khẳng định những thành tựu đạt được trong đổi mới, Đảng đã nhận định: “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”⁹.

Đến Đại hội XI, sau 25 năm từ khi khởi xướng đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đảng chỉ rõ: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹⁰.

Như vậy, tiến trình nhận thức của Đảng về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã trải qua những nấc thang quan trọng. Đại hội VII (1991) đã *hình thành trên những đường nét chủ yếu*. Đại hội X (2006), Đại hội XI (2011) đã *hình thành trên những nét cơ bản*.

2. Những nét cơ bản về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng theo tư duy mới của Đảng ta là gì, có gì mới so với nội dung trong Cương lĩnh 1991 của Đảng ?

- Cương lĩnh 1991 nêu ra sáu đặc trưng, Đại hội XI nêu ra tám đặc trưng. Ngoài việc kế thừa sáu đặc trưng trong Cương lĩnh, Đại hội XI bổ sung mới hai đặc trưng (thứ nhất và thứ bảy). Đó là:

Đặc trưng thứ nhất: ***“Một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”***. Đây là mục tiêu bao trùm của đổi mới ở nước ta, nay được xác định rõ thêm, không chỉ là cái đích hướng tới mà còn là cái hiện thực hàng ngày yêu cầu toàn Đảng, toàn dân ta cần bám sát để biến cái mục tiêu thành hiện thực sinh động của quá trình xây dựng trong đổi mới.

Đặc trưng thứ bảy là: ***“Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”***. Đặc trưng này là sự trở về với vấn đề dân chủ đích thực. Xã hội mà nhân dân ta đang hướng tới xây dựng trong giai đoạn đầu này phải có nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Với sáu đặc trưng được nêu ra trong Cương lĩnh 1991, Đại hội XI đã kế thừa, có sự “gọt giũa” bằng việc bỏ 34 chữ, thêm 18 chữ để đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng được sáng tỏ hơn. Cụ thể là:

Đặc trưng thứ hai (đặc trưng thứ nhất của Cương lĩnh) bỏ hai chữ “lao động”, để thành ***“Do nhân dân làm chủ”***. Như vậy, phạm vi chủ thể làm chủ xã hội được xác định rộng lớn hơn.

Đặc trưng thứ ba (đặc trưng thứ hai của Cương lĩnh) bỏ 14 chữ “dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, thay vào đó bằng 12 chữ “phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, để thành ***“Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”***. Tư duy mới ở đây là xác định rõ hơn cơ sở của nền kinh tế. Nền kinh tế chúng ta xây dựng phải trên cơ sở giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Sự “phù hợp” ấy không trái với việc xác định “quan

⁹. Trích VK ĐH ĐBTQ lần thứ X, Nxb. CTQG, HN.2006, tr. 68.

¹⁰. Trích VK ĐH ĐBTQ lần thứ XI, Nxb. CTQG-ST, HN.2011, tr. 24.

hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”, song có thể hiện tính đồng bộ, bao quát thực tế hơn. Tư duy mới này vừa là sự vận dụng quy luật kinh tế, vừa phù hợp với điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta đang xây dựng, phát triển.

Đặc trưng thứ tư được giữ nguyên: **“Có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”**.

Đặc trưng thứ năm (đặc trưng thứ tư của Cương lĩnh) bỏ 13 chữ gồm 3 cụm từ “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”, “có điều kiện”, “cá nhân”. Diễn đạt mới của đặc trưng này là: **“Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện”**. Cách diễn đạt mới này vừa sáng sủa hơn, vừa thể hiện rõ hơn vị thế của con người, không chỉ “có điều kiện” mà thực sự “phát triển toàn diện”. Ở đây, không cần thiết dùng từ “cá nhân”, bởi vì đang đề cập đến con người.

Đặc trưng thứ sáu (đặc trưng thứ năm của Cương lĩnh) bỏ 3 chữ “nước được”, “lẫn”, thêm 6 chữ “cộng đồng Việt Nam”, “tương trợ”. Nội dung đặc trưng này là **“Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”**. Tư duy mới đây chính là khẳng định phạm vi chủ thể của sự “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”, không chỉ là các dân tộc trong nước, mà là cộng đồng Việt Nam bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài. Điều này thể hiện sự nhất quán quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng hiện nay.

Đặc trưng thứ tám (đặc trưng thứ sáu của Cương lĩnh) bỏ 2 chữ “tất cả” cũng là hợp lý. Diễn đạt mới của đặc trưng này là: **“Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”**.

Tóm lại, tư duy mới của Đảng về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện sự kế thừa và phát triển trong tiến trình nhận thức lý luận của Đảng ta. Đây là một vấn đề lớn, cần được nghiên cứu theo nhiều góc độ khoa học và thực tiễn, làm cho toàn Đảng, toàn dân ta nhận diện rõ hơn thế nào là chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ./.

Chuyên đề 2

TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI VÀ TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

Sau những biến động chính trị ở Đông Âu và Liên Xô cuối thập niên 80 đầu 90 thế kỷ XX, một chiến dịch công kích, phê phán, xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác – Lênin dấy lên từ nhiều phía. Kẻ thù chủ nghĩa Mác từng vu cáo, xuyên tạc, bác bỏ học thuyết cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động suốt một thế kỷ rưỡi nay, giờ đây như có được cơ hội vàng, chúng càng ra sức xuyên tạc, bác bỏ hòng chôn vùi nó vĩnh viễn.

Trước tình hình đó, nhiều người hoang mang, dao động về lý tưởng, có người khuyên Đảng ta từ bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin, từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã đề ra Cương lĩnh 1991 khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục “Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”, khẳng định sẽ lãnh đạo Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đến nay sau 20 năm, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã và đang từng bước đưa đất nước ta tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa với những thành tựu hết sức to lớn mà không ai có thể phủ nhận được. Tuy nhiên, đối thủ tư tưởng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và nhân loại tiến bộ vẫn không từ bỏ mưu đồ chống phá chủ nghĩa xã hội, chúng vẫn đang bằng nhiều thủ đoạn bôi nhọ chủ nghĩa xã hội hiện thực, phủ nhận tương lai của nó. Do vậy, đấu tranh nhằm vạch trần những nguy hiểm, phê phán những tư tưởng sai trái, điều chỉnh những nhận thức sai lệch về tương lai của chủ nghĩa xã hội đang là một trận tuyến nóng bỏng của công tác lý luận. Để có thể làm được điều đó thì việc nhận định một cách đúng đắn, khoa học về triển vọng của chủ nghĩa xã hội có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Nhìn tổng quát *triển vọng của chủ nghĩa xã hội được xác định bởi một hệ thống gồm nhiều yếu tố với các vai trò khác nhau*: có yếu tố đóng vai trò là bối cảnh (toàn cầu hoá kinh tế, bối cảnh chính trị hiện đại); có yếu tố đóng vai trò chủ thể (Đảng cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại các nước đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và cả các lực lượng tiến bộ của nhân loại); lại có yếu tố vừa là bối cảnh vừa là động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội (cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức)...

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* Đảng ta đã nhận định:

“Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến sự phát triển của nhiều nước. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên và cạnh tranh quyết liệt về lợi ích kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Tình hình đó tạo thời

cơ phát triển, đồng thời đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước đang và kém phát triển”¹¹.

Có thể thấy hiện nay 2 yếu tố nổi bật đang tác động rất lớn đến triển vọng của chủ nghĩa xã hội nói chung, và đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói riêng là cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa về kinh tế.

Do đó, chúng tôi chọn đề tài “*Triển vọng của chủ nghĩa xã hội nhìn từ góc độ cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa kinh tế*” làm đề tài nghiên cứu cho tài liệu tham khảo của mình, nhằm cung cấp thêm tài liệu để nghiên cứu môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

*

* *

1. Một số vấn đề phương pháp luận nhận thức về triển vọng của chủ nghĩa xã hội

1.1. Quan niệm về triển vọng của chủ nghĩa xã hội

Triển vọng, theo quan niệm chung, là “khả năng phát triển trong tương lai”¹² của một sự vật. Khả năng phát triển đó lại được quy định bởi những yếu tố bên trong của sự vật và những điều kiện, bối cảnh khách quan cho nó. Thông qua sự tác động của các yếu tố ấy, triển vọng được xác định trên hiện thực và được phản ánh vào trong tư duy. Đặc tính nổi bật của triển vọng ở một sự vật là tính chất “động”, đang định hình, hàm chứa nhiều khả năng và hướng vận động khác nhau. Song đối với tư duy của con người, khi một triển vọng được nhận thức tương đối đầy đủ, thì nó hiển thị ra bằng xu thế, xu hướng. Từ đó hành động của con người có thể điều chỉnh để hiện thực hóa triển vọng theo chiều hướng tích cực. Đến đây, sự vật và triển vọng của nó, chuyển hóa từ “tự nó” đến “cho ta”.

Triển vọng của chủ nghĩa xã hội, có thể được hiểu theo các nghĩa sau:

- *Nghĩa thứ nhất*, triển vọng của chủ nghĩa xã hội thường được hiểu như một *khả năng tồn tại và tiếp tục phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực mà cụ thể hiện nay là các nước Việt Nam, Trung Quốc, Cu ba, Lào và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên*. Đây là nghĩa hẹp và hiện được không ít người dùng. Cách hiểu này có khía cạnh đúng, vì một triển vọng bao giờ cũng được nhận biết từ quá trình hiện thực hoá. Chủ nghĩa xã hội hiện thực hiển nhiên là thành tựu thực tiễn quan trọng nhất của quá trình hiện thực hóa triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Nhưng, cách hiểu này cũng dễ rơi vào siêu hình, vì triển vọng của chủ nghĩa xã hội còn được một hiện thực khác quy định. Đó là chủ nghĩa tư bản hiện đại với tư cách là nhân tố chuẩn bị những tiền đề vật chất cho một xã hội sẽ phủ định nó. Trong quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin và trên thực tế, triển vọng của chủ nghĩa xã hội là một phạm trù có nội hàm rộng. Các cách hiểu sau bổ sung cho quan niệm trên.

¹¹ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội, 2011, tr 10,11

¹² *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển tiếng Việt, Hà Nội, 1998, tr. 999.

- *Nghĩa thứ hai*, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, *triển vọng của chủ nghĩa xã hội là một xu thế lịch sử xuất phát từ sự vận động của thực tiễn*: “Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần phải sáng tạo ra, không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực, nó xoá bỏ trạng thái hiện nay”¹³, tức là chủ nghĩa tư bản. Xu thế đó được hiện thực hóa bởi nhiều yếu tố khác nhau. Trước tiên nó “được chuẩn bị bởi toàn bộ quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản”¹⁴. Chủ nghĩa tư bản *tạo ra tiền đề kinh tế - xã hội* (lực lượng sản xuất xã hội hóa ở trình độ cao), *đặt ra những vấn đề cần giải quyết* (mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa), *chuẩn bị những lực lượng xã hội* (giai cấp công nhân hiện đại) và *chỉ ra cách thức* để giải quyết vấn đề đó: Thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, “đập tan nhà nước tư sản”, xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xác lập chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa... Từ đó, “giải phóng những nhân tố của xã hội mới đã phát triển trong lòng xã hội tư sản cũ đang sụp đổ”¹⁵. Nhìn chung, quá trình vận động của chủ nghĩa tư bản, trong quan niệm phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin là một quá trình “lịch sử - tự nhiên”, thì: “Xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai, sản phẩm đặc biệt và cuối cùng do chủ nghĩa tư bản sản sinh ra”¹⁶.

Xu thế đó được hiện thực hóa thông qua quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ và cuộc đấu tranh của các lực lượng vì tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay. Tất cả đều hướng tới chủ nghĩa xã hội với những trình độ khác nhau, song cùng một logic mà V.I.Lênin vạch ra là “tất cả các dân tộc đều đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Tất yếu lịch sử ấy được hiện thực hóa bằng hoạt động tự giác và sáng tạo của các chủ thể làm nên tiến trình của chủ nghĩa xã hội. Về cơ bản, đó là các đảng cộng sản (có thể đã, hoặc chưa nắm được chính quyền) giữ vai trò lãnh đạo tiến trình, nhà nước xã hội chủ nghĩa - thành quả cơ bản của quá trình hiện thực hóa triển vọng của chủ nghĩa xã hội; nhân dân lao động mà nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức và các lực lượng tiến bộ đang đấu tranh vì những mục tiêu của thời đại: hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội... Các chủ thể này đang hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau và đóng góp vào triển vọng của chủ nghĩa xã hội bằng cách riêng của mình. Chủ nghĩa Mác - Lênin coi “chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân”. Chính họ chứ không phải ai khác sẽ bằng kinh nghiệm của mình xác định triển vọng của chủ nghĩa xã hội. “Về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì kinh nghiệm của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động”¹⁷. Chủ thể của tiến trình chủ nghĩa

¹³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr. 297.

¹⁴ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, 1975, bản tiếng Việt, t. 6, tr. 261.

¹⁵ C.Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđđ, t. 4, tr.99.

¹⁶ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđđ, t. 4, tr. 450

¹⁷ V I. Lênin: *Toàn tập*. Sđđ, t.34, tr.152 - 153

xã hội dù khác nhau, song đều bị chi phối bởi quy luật “thất bại của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”.

- *Nghĩa thứ ba, triển vọng của chủ nghĩa xã hội là một kiểu phát triển mà nhân loại đang hướng tới vì mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và nhân bản.* Kiểu phát triển có thể được coi là vấn đề xã hội lớn nhất trong quá trình phát triển của nhân loại. Bản chất của nó là cách giải quyết hai mối quan hệ cơ bản giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người trong phát triển. Mỗi thời đại có một kiểu phát triển riêng được định hình thông qua việc giải quyết hai quan hệ trên.

Vấn đề kiểu phát triển đang đặt ra cực kỳ gay gắt trong xã hội hiện đại. Kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa không chỉ gây ra áp bức, bất công và phản phát triển mà ngày nay thậm chí còn đang đặt ra vấn đề “tồn tại hay không tồn tại” của nhân loại. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt cả trái đất, những thảm họa môi trường sinh thái, bất bình đẳng trong phát triển đang làm cho nhiều quốc gia chìm đắm trong nghèo nàn, lạc hậu, xung đột. Trong quá trình tìm kiếm sự hài hoà giữa cái kinh tế và cái xã hội, cái xã hội và cái cá nhân..., kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa đã tỏ ra là không thể chấp nhận được. Chủ nghĩa tư bản bị đặt vấn đề không phải do sự tồn tại của nó mà là do kiểu tồn tại của nó.

Kiểu phát triển xã hội chủ nghĩa được xác định trước tiên không phải từ tư tưởng mà từ thực tiễn của chủ nghĩa tư bản: “Chủ nghĩa cộng sản nảy sinh ra từ nền đại công nghiệp và những hậu quả của đại công nghiệp, từ sự xuất hiện của thị trường thế giới và... những cuộc khủng hoảng của thị trường thế giới”¹⁸. Theo Mác, bản chất triết học của kiểu phát triển này là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị. “Chủ nghĩa cộng sản như vậy với tính cách là chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị, = chủ nghĩa nhân đạo, với tính cách là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị, = chủ nghĩa tự nhiên; nó là sự giải quyết *thực sự* mâu thuẫn giữa con người và tự nhiên, giữa con người và con người, là sự giải quyết thực sự cuộc tranh chấp giữa tồn tại và bản chất, giữa sự đối tượng hoá và sự tự khẳng định, giữa tự do và tất yếu, giữa cá thể và loài”¹⁹. Lênin chỉ rõ cơ sở *kinh tế của nó* là việc “đưa ra được và thực hiện được một kiểu tổ chức xã hội về lao động cao hơn” kiểu tổ chức xã hội về lao động của chủ nghĩa tư bản. Đó là “Sự thay thế vĩ đại lao động nô lệ bằng lao động cho mình, bằng lao động tổ chức có quy củ, trên một quy mô rộng lớn trong phạm vi toàn quốc (và trong một chừng mực nào đó, trên quy mô quốc tế, toàn thế giới nữa)”²⁰. Nó hướng tới giải quyết hài hoà *mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội* để “Sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do và toàn diện của mọi người”. Chính từ đây, quan hệ giữa con người với tự nhiên cũng được đặt trên một chất lượng mới: chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản tạo ra cơ sở kinh tế - xã hội cho sự hài hòa giữa con người với tự nhiên.

Kiểu phát triển xã hội chủ nghĩa được *hiện thực hóa thông qua thực tiễn xây dựng những mô hình của chủ nghĩa xã hội*. Lịch sử đã chứng kiến nhiều mô hình của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Mô hình đầu tiên là công xã Pari, sau đó là mô hình Xôviết với hai giai đoạn phát triển: Cộng sản thời chiến và chính sách kinh tế mới; tiếp sau là mô hình kế hoạch hóa tập trung bao cấp thời chiến và thời hòa bình. Mỗi mô hình có một

¹⁸ C.Mác và Ph. Ăngghen: Tuyển tập, Sđd, t.1, tr. 433.

¹⁹ C.Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 42, tr.167.

²⁰ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.35, tr. 236.

sứ mệnh của nó và qua đó đóng góp cho lý luận về chủ nghĩa xã hội những điều không thể có trong sách vở. Logic vận động của các mô hình chủ nghĩa xã hội là càng về sau càng mang tính hiện thực hơn, hợp lý hơn và do đó tồn tại càng lâu hơn cho đến khi chính nó tự lật xác để có một hình thức hoàn chỉnh hơn. Mô hình có thể dần lỗi thời, và bị hiện thực vượt qua, nhưng từ đó, nhận thức lý luận được không ngừng bồi đắp, hoàn thiện. Kiểu phát triển xã hội chủ nghĩa hôm nay đang tiếp tục hiện thực hóa logic ấy. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội là quá trình nhân loại đấu tranh để xác định một kiểu phát triển mới cao hơn chủ nghĩa tư bản thông qua những mô hình hiện thực.

- *Nghĩa thứ tư, triển vọng của chủ nghĩa xã hội còn được nói tới như một quá trình dân chủ hóa - phát triển dân chủ - một mục tiêu cơ bản và cũng là một điều kiện tiên quyết cho quá trình phát triển.* Quy luật phát triển dân chủ theo đúng nghĩa đen của từ khinh là “quyền lực thuộc về nhân dân”. Nó là sự phản ánh quá trình xã hội hóa của sự phát triển lực lượng sản xuất và được *thể hiện trước tiên qua hình thức cách mạng.* Biểu hiện tập trung của nó là các nền dân chủ liên tục bị phủ định theo quy luật ngày càng hoàn thiện hơn, ngày càng tạo ra điều kiện rộng rãi hơn để nhân dân tham gia vào công việc của nhà nước. Lý luận mác xít và thực tiễn đều khẳng định rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo ra điều kiện chính trị - xã hội cơ bản để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và nhân loại, qua đó, tạo ra một chất lượng dân chủ mới. “Biện chứng của sự phát triển là: Từ chuyên chế đến dân chủ tư sản; từ dân chủ tư sản đến dân chủ vô sản, từ dân chủ vô sản đến không còn dân chủ nữa”²¹. Lênin cũng chỉ rõ: “Chế độ dân chủ hoàn toàn không phải là một giới hạn không thể vượt được, nó chỉ là một giai đoạn trên con đường từ chế độ phong kiến đến chủ nghĩa tư bản và từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa cộng sản”²². Xác lập và hoàn thiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa là khâu cơ bản của quá trình dân chủ hoá đời sống chính trị - xã hội hiện đại và hiện thực hóa triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

Nhu cầu phát triển dân chủ còn được thể hiện qua hình thức tiệm tiến dân chủ - tức là thông qua cuộc đấu tranh của các lực lượng tiến bộ trong lòng xã hội tư bản để dân chủ hoá xã hội. Tiệm tiến về dân chủ có thể coi là một cách thức tích lũy về lượng để có sự chuyển hoá về chất thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa - giải pháp thực tiễn để giải quyết triệt để vấn đề phát triển dân chủ. Chừng nào còn áp bức, bất công, bất bình đẳng trong phát triển... thì nhân loại còn tiếp tục đấu tranh vì mục tiêu này. Theo tư tưởng của Lênin, cuộc đấu tranh vì mục tiêu dân chủ hoá xã hội đóng vai trò là “trường học chính trị lâu dài của các thiết chế dân chủ”. Và, “Phát triển dân chủ đến cùng, tìm ra những hình thức của sự phát triển ấy, đem thí nghiệm những hình thức ấy trong thực tiễn, v.v., - đó là một trong những nhiệm vụ cấu thành của cuộc đấu tranh vì cách mạng xã hội... Đó là biện chứng của lịch sử sinh động”²³. Cũng theo Lênin: “ý nghĩa của nó là ở chỗ nó làm cho cuộc đấu tranh giai cấp trở nên rộng rãi, công khai, có ý thức”²⁴. Lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học khẳng định vai trò to lớn của cuộc đấu tranh vì dân chủ của các lực lượng tiến bộ trong lòng chủ nghĩa tư bản và trong những điều kiện có thể, phải ủng hộ và tích cực hoá nó; song không bao giờ coi những cuộc đấu tranh trong khuôn khổ luật pháp tư sản là giải pháp duy nhất để giải quyết vấn đề dân chủ. Đây chính là điểm phân biệt giữa chủ nghĩa xã hội khoa học với chủ nghĩa xã hội dân chủ.

²¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđđ, t.33, tr.206.

²² Sđđ, t.33, tr.122.

²³ Sđđ, t.33, tr. 97.

²⁴ Sđđ, t.22, tr. 139.

- Nghĩa thứ năm, triển vọng của chủ nghĩa xã hội là khả năng phát triển nhận thức lý luận về xu hướng phát triển tất yếu, kiểu phát triển, mô hình và phương pháp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa; và cũng là con đường để hiện thực hoá lý tưởng nhân đạo... của cả nhân loại hôm nay. Nhận thức đó được tập trung trong lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học. “Chủ nghĩa cộng sản, ở mức độ nó là lý luận, là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh đó và sự khái quát lý luận của những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản”²⁵; chủ nghĩa xã hội hiện đại không phải là cái gì khác mà “chỉ là sự phản ánh của sự xung đột có thật ấy vào trong tư duy, là sự phản ánh tư tưởng của sự xung đột ấy vào đầu óc, trước hết là của giai cấp trực tiếp chịu đau khổ vì sự xung đột ấy, tức là giai cấp công nhân”²⁶. Chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ là lời giải cho bài toán phát triển nhanh bền vững và nhân bản mà còn là nhân tố lý luận làm cho quá trình phát triển mang tính chủ động để nhân loại dần “từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do”. Nó là “cái phản ánh” các khía cạnh trên, song đồng thời cũng đóng vai trò định hướng, dẫn dắt cho hoạt động sáng tạo một xã hội mới bằng cách làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân và giúp họ “hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ”.

Điều đáng lưu ý là hiện nay, chủ thể của nhận thức này khá phong phú. Bên cạnh giai cấp công nhân, các đảng cộng sản, các nhà nghiên cứu mác xít còn có các lực lượng yêu chuộng hoà bình và tiến bộ xã hội, các nhà khoa học và thậm chí có cả những người từng là chính khách tư sản, các nhà tư bản... Họ khác nhau về mục tiêu nghiên cứu, song giống nhau ở sự “phê phán cái hiện tồn” là chủ nghĩa tư bản đương đại. Điểm tương đồng đó đang là cơ sở mới để kết nối các lực lượng trong quá trình tư duy về tương lai: “Đồng quy những cuộc đấu tranh, hội tụ các tri thức, hội tụ các cuộc chống đối, hội tụ các sáng kiến, hội tụ các trái tim hướng tới một thế giới công bằng và bình đẳng... bằng cách tìm ra những sự thay thế chủ nghĩa tự do mới và cho sự toàn cầu hoá đơn phương...”²⁷. Tư duy chính trị của nhân loại hôm nay (cho dù, ở một số người, vẫn còn ở trình độ chưa tự giác) là không chấp nhận “trật tự thế giới” của chủ nghĩa tư bản; và tuy không phải ở đâu cũng là trực tuyến, nhưng tất cả đang dần hướng tới chủ nghĩa xã hội như một trình độ mới của giải phóng con người. Với ý nghĩa đó, triển vọng của chủ nghĩa xã hội là một quá trình mà tư duy của nhân loại, đã và đang nỗ lực hướng tới.

Năm nội dung trên cho chúng ta một nhận thức tương đối đầy đủ về triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, triển vọng của chủ nghĩa xã hội là biểu hiện của xu thế thời đại tiến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Xu thế này đang được hiện thực hóa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước, đang hằng ngày hằng giờ tác động vào chủ nghĩa tư bản để phát triển nó, phủ định nó và thông qua vai trò tự giác, tích cực sáng tạo của các chủ thể đang tham gia vào đời sống xã hội hiện đại mà hạt nhân là giai cấp công nhân và các đảng cộng sản. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội chính là quá trình hiện thực hóa sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội còn là một nhu cầu của quá trình phát triển nhanh, bền vững và nhân bản đang dần chín muồi trong thực tiễn và trong tư duy của nhân loại.

²⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđd, t.1, tr. 433.

²⁶ 2. Sđd, t.5, tr. 594.

²⁷ F.Uta và F.Pôle: *Một diễn đàn Davốt khác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 250.

1.2. Những tình huống có vấn đề trong nhận thức triển vọng của chủ nghĩa xã hội

Các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng trước Mác nhận thức và xác định triển vọng của chủ nghĩa xã hội chủ yếu bằng nguyện vọng chủ quan, cách dự báo tương lai của họ, như nhận xét của Ph. Ăngghen, còn mang nhiều yếu tố duy tâm. Ngày nay, khi dự báo về triển vọng của chủ nghĩa xã hội, chính những đối thủ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - các trí thức tư sản - lại tiếp tục phương pháp ấy theo một hướng khác. Họ thừa nhận tất cả đều đổi thay, song lại không thừa nhận nổi cái triển vọng mà chủ nghĩa tư bản sẽ bị thay thế bằng một kiểu tổ chức xã hội khác cao hơn; thậm chí còn mô tả chủ nghĩa tư bản như một cái gì đó vĩnh tồn. Họ cũng thấy được rằng kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa là không thể chấp nhận được và cố gắng tìm một cái gì đó để điều chỉnh, chấp nói: “Hậu tư bản chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản không có tư bản, chủ nghĩa tư bản mới của những người lao động, v.v.”. Song việc không chấp nhận chủ nghĩa tư bản và phủ định nó là hai chuyện khác nhau. Có một nhận xét khá tinh tế của một chính khách tư sản hiện đại: “Việc lựa chọn chủ yếu đặt ra giữa cải cách và cách mạng”; dĩ nhiên phương án thứ nhất là cách lựa chọn cổ điển của giai cấp tư sản. Song cũng có người không ngại ngần khi cho rằng: Vấn đề loài người phải đối mặt nằm trong sự thật là lực lượng sản xuất – sự thịnh vượng được công nhân toàn thế giới tạo ra, đã bỏ qua các quan hệ xã hội dựa trên sở hữu tư nhân, lợi nhuận riêng và cái quốc gia dân tộc do chính họ tạo lập nên²⁸. Bị chi phối rất nhiều bởi thế giới quan và nhân sinh quan, lại là trọng điểm trong cuộc đấu tranh giai cấp về tư tưởng cho nên triển vọng của chủ nghĩa xã hội được mô tả rất khác nhau. Cái khác nhau này không chỉ do độ lớn của một xu thế chung đang quán xuyên cả thời đại ngày nay với nhiều biểu hiện đa dạng, mà còn do *phương pháp nhận thức và tính quyết liệt của cuộc đấu tranh tư tưởng hiện đại tạo ra*. Nói chung, khi duy tâm về lịch sử, thì dù thiện chí hay ác ý với triển vọng của một cái tất yếu đều không phản ánh đúng và cũng không thể tác động đến logic vận động của nó.

Song, ở đây quan tâm tới một hiện trạng tư tưởng khác. Đó là *những tình huống có vấn đề trong khi nhận thức về triển vọng của chủ nghĩa xã hội của những người mác xít*. Nhận thức khác nhau về triển vọng của chủ nghĩa xã hội đang là một hiện tượng trong nghiên cứu lý luận hiện đại, nó làm nảy sinh những cuộc “giao phong tư tưởng”, “đại luận chiến”... *Điều nguy hại* lại không chỉ là những tư tưởng phủ định của bên kia “chiến tuyến” mà chủ yếu là những tư tưởng mơ hồ, hồ đồ, suông sáo, giáo điều... Những trạng thái đó, khi va chạm với thực tiễn sẽ bắt lực trong khi giải thích thế giới và làm nảy sinh các hiện tượng mất hướng, hoang loạn; cuối cùng, có không ít kẻ “quay 180 độ” trở thành những kẻ phục vụ cho giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh tư tưởng này, điều đáng sợ nhất không phải là cái sai mà là “cái tựa như đúng”- những nhận thức mơ hồ hoặc giáo điều, những kiểu hô khẩu hiệu “suông”.

Những sai lầm, lệch lạc, thiếu sót khi nhận thức về triển vọng của chủ nghĩa xã hội thể hiện chủ yếu dưới *các biểu hiện* sau:

- *Cô lập trong nhận thức về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.*

Người ta chỉ thấy những tác động một chiều của cách mạng khoa học và công nghệ, của quá trình toàn cầu hoá kinh tế... đang tạo ra cho chủ nghĩa tư bản

²⁸ Niks Beam (Bộ trưởng Bộ Bình đẳng xã hội Ôxtrâyliya): *Cuộc suy thoái châu Á - một cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu*, trong: *Những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

những sinh lực mới mà không thấy rằng, những quá trình này dù muốn hay không đều khách quan tạo ra những tiền đề cho triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Điều đáng lưu ý là chính ngay nhiều đại biểu của giai cấp tư sản đương đại lại sớm cảm thấy điều đó. Lionel Jospin - nguyên Thủ tướng Pháp, thấy rằng: “kẻ thù của chủ nghĩa tư bản lại chính là chủ nghĩa tư bản”; còn G.Soros thì thừa nhận sự bất lực của giai cấp tư sản trong vai trò quản lý xã hội: “chúng ta đang sở thuộc một cách không thích hợp quá trình toàn cầu hoá”... Hai trạng thái này của nhận thức một là của người “cận thị” về chính trị và một là của người bất lực trước hoàn cảnh, là sắc thái khá rõ nét trong nhận thức về triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

- *Bệnh phiền diện trong nhận thức*, rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội hiện thực mới là biểu hiện của triển vọng của chủ nghĩa xã hội mà không thấy tính chất lịch sử tự nhiên của quá trình phát triển - chủ nghĩa tư bản đang tích lũy tiền đề vật chất cho triển vọng ấy. Trong lòng xã hội tư bản hôm nay, bên cạnh giai cấp công nhân còn có nhiều lực lượng xã hội tiến bộ đang đấu tranh vì dân chủ, hoà bình, tiến bộ xã hội... Chính các lực lượng này đang nói lên lời phán quyết rằng: kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa là phản phát triển. Cũng có thể còn những quan niệm khác nhau về mô hình xã hội tương lai, song tất cả đều giống nhau ở chỗ coi chủ nghĩa tư bản “là một thế giới không thể chấp nhận được”. Và những con đường, có thể khác nhau, song đều tự nhiên thừa nhận hướng tới một cái đích chung: một xã hội khác xã hội tư bản chủ nghĩa với những đặc trưng công bằng, nhân bản, lao động và hoà bình.

Những nhu cầu đa dạng của phát triển đang tạo ra những con đường khác nhau, song hợp quy luật phát triển lịch sử tự nhiên như: xã hội hoá, dân chủ hoá, chống độc quyền và “chủ nghĩa đơn phương”, phát triển nhanh, bền vững và nhân bản... đang trực tiếp đặt ra vấn đề và tạo triển vọng cho chủ nghĩa xã hội.

- *Cách nhìn đơn tuyến về động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội*: Chỉ coi đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa mới là động lực duy nhất thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa chứ không thấy vai trò cách mạng của quá trình xã hội hoá lực lượng sản xuất với những biểu hiện như toàn cầu hoá kinh tế, cách mạng khoa học công nghệ, kinh tế tri thức... cũng là những yếu tố cơ bản làm nên triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Khoa học, công nghệ, văn hoá... đang là những động lực phát triển của xã hội hiện đại, chúng đang góp phần kiến tạo ra triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Hoặc chỉ thấy những xung lực mà chủ nghĩa tư bản lấy được từ cách mạng khoa học, công nghệ, từ những giải pháp kinh tế kỹ thuật... mà không thấy rằng từ đây, những vấn đề chính trị - xã hội cũng đặt ra ngày càng gay gắt. Tất cả đều là những hiện thực không thể chối bỏ. Một vấn đề có tính quy luật mà Ăngghen chỉ ra, đang hiện rõ: những thành tựu lớn lao của cách mạng khoa học và công nghệ, của phát triển hiện đại đang đòi hỏi “chủ nghĩa duy vật phải thay đổi hình thức của nó”.

- *Chỉ tính đến sự phát triển của chủ nghĩa xã hội bằng những bước tiến, những thành tựu hiện thực* mà không thấy một vấn đề có tính quy luật đã được Mác đúc kết rằng trong hoạt động thực tiễn, những thất bại, những sai lầm khi được nhận thức một cách nghiêm túc cũng có giá trị giúp cho chủ nghĩa xã hội phát triển, rằng cách mạng tiến lên dường như bởi “những lần lùi lại, làm lại”... Hoặc chỉ thừa nhận xã

hội hoá lực lượng sản xuất mà không thừa nhận xu thế xã hội hoá quan hệ sản xuất đương đại cũng là một logic tự nhiên của lịch sử. Chẳng hạn xã hội hoá là một xu thế, một nhu cầu bức thiết của phát triển. Cựu Tổng thư ký Liên hiệp quốc, B. Butrot Ghali nói: “Khía cạnh xã hội của sự phát triển ngày càng cấp bách, không chỉ vì điều kiện sống tốt đẹp hơn cho con người mà còn vì hoà bình và an ninh quốc tế”²⁹. Trở lực ngăn cản quá trình đó chính là quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa; giai cấp tư sản đã bất lực trong việc điều tiết quá trình xã hội hoá ấy. Phát triển hiện đại đang cần một cơ sở xã hội khác, một hệ dẫn truyền khác chủ nghĩa tư bản.

- *Những biểu hiện của chủ nghĩa thực chứng cũng đã xuất hiện.* Họ hoài nghi phủ nhận quy luật phát triển khách quan của xã hội; họ coi những trực giác, những thể nghiệm, những kinh nghiệm chủ quan là thực tại duy nhất. Thực chất đây “là sự xa rời lập trường của giai cấp vô sản” song dưới chiêu bài “thực chứng luận” thuần túy dựa vào những sự việc “thực chứng” và phủ nhận quy luật của lịch sử, phủ nhận khả năng phát hiện quy luật xã hội của nhận thức lý tính. Sự phát triển của khoa học hiện đại đã cho phép con người có thể dự đoán hoặc xác định một mô hình từ những dữ liệu cơ bản ban đầu. Những người theo thực chứng luận đang gặp phải một nghịch lý khó có thể giải thích: Người ta có thể thừa nhận một mô hình khủng long từ một vài chi tiết hoá thạch, song xem ra người ta lại khá khó khăn trong việc thừa nhận tính tất yếu và triển vọng của một xã hội sẽ thay thế xã hội tư bản chủ nghĩa hiện tồn, cho dù những tiền đề và hiện thực về quá trình thay đổi ấy đã khá rõ ràng.

- *Sự nhầm lẫn giữa thực tế và thực tiễn* trong khi nhận thức triển vọng của chủ nghĩa xã hội, đôi khi đã làm “cận thị” không ít người. Trước đây, có căn bệnh đùng lý luận để giải thích vấn đề lý luận, hoặc “cắt gọt” thực tiễn cho vừa lý luận, thì ngày nay căn bệnh này xuất hiện như một cực đoan khác. Thực tế và thực tiễn khác nhau ở trình độ tham gia tự phát hay tự giác của chủ thể. Thực tế đôi khi rất “phũ phàng” song nó chưa phải là thực tiễn vì có những thực tế diễn ra bên ngoài chủ thể. Khi mà giai cấp công nhân, nhân dân lao động... chưa tham gia một cách tích cực, tự giác vào quá trình sáng tạo xã hội mới thì đó vẫn chưa đầy đủ tư cách là “một phong trào hiện thực” của chủ thể đang chủ động làm nên lịch sử. Vì lầm lẫn giữa thực tế và thực tiễn nên cách phản ánh cũng “nhiều lịch sử mà ít logic” ngay trong cái lịch sử cũng quên đi tính lịch sử của các sự kiện; bởi sự kiện không chỉ là nó mà còn là phản ánh cái logic. Kết quả là trong nghiên cứu thường bị nhiễu loạn và “lẽo đẽo theo đuôi sự kiện”; khi phong trào lên thì đưa ra những nhận định nóng vội, khi chủ nghĩa xã hội gặp khó khăn thì bi quan hoài nghi.

- *Nhầm lẫn giữa phương pháp luận nhận thức triển vọng của chủ nghĩa xã hội với “mô hình mà hiện thực phải khuôn theo”.* Từ đó, khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, nhiều người không chú ý đến tính phương pháp luận mà lại coi đó là những “khuôn mẫu có khả năng vừa vặn với mọi thực tiễn. Khi có biểu hiện chệch lệch giữa lý luận mác xít và thực tế lại cho là lý luận sai. Sự đổ vỡ của một mô hình vốn bị biến dạng bởi nhiều nhận thức ấu trĩ và

²⁹ Ban Đối ngoại, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam: *Toàn cầu hóa và phong trào công đoàn quốc tế*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000, tr. 26.

xa rời với chủ nghĩa xã hội khoa học lại bị ngộ nhận là sai lầm về lý luận chủ nghĩa xã hội; vì vậy nên nhiều người hoang mang, mất hướng và có khi “rẽ sang lối khác”. Tính đúng đắn của một quy luật xã hội thể hiện ra bằng độ dài của lịch sử và muốn nhận thức đúng, cần có cái nhìn khái quát và biện chứng. Bởi vậy khi muốn nhận thức về triển vọng của chủ nghĩa xã hội mà chỉ nắm lấy một vài sự kiện, một giai đoạn mà không thấy được cái chung, cái xu hướng, cái tổng thể thì rất dễ hoang mang, hồ đồ.

- *Hiện tượng mất nguyên tắc đang xuất hiện.* Cũng có những đảng mang danh “đột phá” song thực tế đang có biểu hiện xa rời nguyên lý, tự bôi nhọ về tư tưởng. Trước đây họ là người phê phán tư tưởng xét lại, hôm nay đang xa rời thậm chí phá bỏ cả những nguyên tắc cơ bản về xây dựng đảng của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, ở một số đảng đang có những biểu hiện bị vi phạm. Họ thậm chí dung nạp cả những phần tử đối lập về địa vị giai cấp vào đảng cộng sản. Theo cách nói của Mác, tư tưởng về giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội mà tách rời khỏi lợi ích của giai cấp công nhân, triển vọng của chủ nghĩa xã hội thì “tự nó đang làm nhục mình”.

Nhận thức đúng triển vọng của chủ nghĩa xã hội đang là nhu cầu thực tiễn của cả nhân loại về tương lai. Sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội đã bị biến dạng bởi bệnh giáo điều và chủ nghĩa quan liêu không luận chứng cho tính “vĩnh tồn” của chủ nghĩa tư bản. Richar Bergerron trong “Phản phát triển - cái giá phải trả cho chủ nghĩa tự do” viết: “Chúng ta đang phải đương đầu với một sự lừa dối lớn nhất thế kỷ. Đó là sự đắc thắng của chủ nghĩa tự do”. Chính bản thân chủ nghĩa tư bản cũng đang khủng hoảng về triển vọng, nó phải né tránh chính cái tên của mình để tìm tới những gì đó khác đi, như “xã hội hậu tư bản”, “con đường thứ ba mới” vì nó cũng thấy chủ nghĩa tư bản là “không thể chấp nhận được”.

Tất cả những biểu hiện phong phú của hiện thực tư tưởng đang làm nảy sinh nhu cầu nhận thức đúng những yếu tố cơ bản đang tác động đến triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

2. Phương pháp nhận thức triển vọng chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác-Lênin

Nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội và triển vọng của nó, đến nay không ít, song về phương pháp thì chưa nhiều. Đây lại là điều hết sức quan trọng bởi chính chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời từ hai phát kiến vĩ đại rất giàu tính phương pháp là phương pháp duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư. Có thể nói lịch sử nghiên cứu triển vọng của chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ đâu thì phương pháp cũng bắt đầu từ đó và tạo nên chất lượng khoa học, tính cách mạng, tinh thần thực tiễn cho nó.

Phương pháp của chủ nghĩa xã hội khoa học về cơ bản là trên cơ sở của phương pháp duy vật lịch sử để nghiên cứu những quy luật, những vấn đề có tính quy luật chung nhất của đời sống chính trị - xã hội trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Cái đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học (so với triết học Mác - Lênin) là đặc thù về đối tượng, diện nghiên cứu chứ không hoàn toàn đặc thù về phương pháp. Song, cũng có cái rất riêng, đó là hệ thống quy chiếu. Ví dụ điển hình là: “Lịch sử (thành văn) tất cả các xã hội cho đến ngày nay, chỉ là lịch sử đấu tranh giai

cấp”. Đó là *hệ quy chiếu từ góc độ chính trị - xã hội*. Hệ quy chiếu này vừa tạo ra định hướng khoa học vừa tạo ra một hệ thống khái niệm đặc thù và *phương pháp đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học*. Bởi vậy, cần bắt đầu từ “cái quý nhất của chủ nghĩa Mác là phương pháp tư duy” (Hồ Chí Minh).

Chủ nghĩa Mác - Lênin nhận thức triển vọng của chủ nghĩa xã hội như thế nào?

- *Thứ nhất*, triển vọng của chủ nghĩa xã hội như một xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận thức được logic cơ bản của nó và vạch ra trong lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học của mình.

Với thái độ khoa học, Mác thừa nhận vấn đề xác định triển vọng của chủ nghĩa xã hội, “với tư cách là những giai đoạn quá độ lên xã hội cộng sản” là “vấn đề khó nhất trong tất cả những vấn đề còn tồn tại vì rằng các điều kiện không ngừng thay đổi”³⁰, song những dữ kiện cơ bản cho quá trình tư duy về tương lai đã xuất hiện tương đối đầy đủ: “Căn cứ vào sự hiểu biết của chúng ta về những điều kiện cơ bản của tất cả những phương thức sản xuất đã có từ trước đến nay”³¹, “Chúng ta không cố đoán trước về tương lai một cách giáo điều mà chỉ mong tìm ra cái thế giới mới qua sự phê phán thế giới cũ”³² hay “sự phê phán thẳng tay toàn bộ cái hiện tồn” là xã hội tư bản. Xã hội ấy đã có đủ những điều kiện cơ bản cho một quá trình phát triển mới. Yếu tố cơ bản thúc đẩy quá trình tiến bộ xã hội là sự phát triển của sản xuất xã hội với biểu hiện cụ thể là sự phát triển lực lượng sản xuất theo hướng xã hội hoá. Nó đòi hỏi phải có những quan hệ xã hội thích ứng với tính chất và trình độ ấy. Lực lượng sản xuất của nhân loại trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đã xã hội hoá ở mức độ cao, đến mức “cái vỏ” quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phải vỡ bung ra để thay thế bằng một quan hệ sản xuất khác mang tính xã hội hoá (công hữu). Đó là sự tiếp tục của một quá trình lịch sử tự nhiên - quá trình liên tục xã hội hoá lực lượng sản xuất và dân chủ hoá đời sống chính trị - xã hội, được biểu hiện tập trung qua các cuộc đấu tranh giai cấp. Các hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau ra đời dựa trên logic: cái thay thế sẽ phải bị thay thế, chủ nghĩa tư bản là cái thay thế xã hội phong kiến, nhưng nó không vĩnh tồn. Ngày nay, khi cái giới hạn của kiểu phát triển tư bản chủ nghĩa đã ngày càng rõ ràng, thì nó sẽ phải bị thay thế bởi một hình thái cao hơn, hoàn thiện hơn, đó là chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Xu thế phát triển của lịch sử là như vậy. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội trước tiên được chuẩn bị từ quá trình tự phủ định của chủ nghĩa tư bản. Quá trình đó hình thành một cách tự phát trong lòng xã hội tư bản dưới hai xu hướng: phát triển và khủng hoảng. Theo Mác, mỗi bước phát triển của chủ nghĩa tư bản (cả về lực lượng sản xuất, cả về quan hệ sản xuất) dù muốn hay không, được tạo nên những tiền đề cho một quá trình phủ định nó: “Thời kỳ tư sản của lịch sử có sứ mệnh tạo ra cơ sở vật chất cho một thế giới mới: một mặt, phát triển những sự giao dịch thế giới dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả loài người, cũng như phát triển những phương tiện của sự giao dịch đó; mặt khác, phát triển các lực lượng sản xuất của con người và đảm bảo biến nền sản xuất vật chất thành sự thống trị đối với các lực lượng của thiên nhiên nhờ vào khoa học...”³³. Trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, Mác đánh giá rất cao vai trò cách mạng của khoa học và kỹ thuật:

³⁰ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.38, tr.168.

³¹ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđd, t.4, tr.340.

³² C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.520.

³³ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđd, t.2, tr.569- 570, 574.

“Hơi nước, điện và máy dệt tự động là những người cách mạng nguy hiểm hơn rất nhiều, ngay cả khi so với những công dân Barbès, Raspail và Blanqui”³⁴. Đề cập đến ý nghĩa của hiện tượng xã hội hóa của sở hữu tư bản chủ nghĩa, Mác viết: “Đó... là điểm quá độ tất nhiên để tư bản lại chuyển thành sở hữu của những người sản xuất, nhưng không phải với tư cách là sở hữu tư nhân của những người sản xuất riêng lẻ nữa, mà với tư cách là sở hữu của những người sản xuất liên hiệp, thành sở hữu xã hội trực tiếp”³⁵, “Các hợp tác lao động chỉ ra rằng, đến một giai đoạn phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất và của những hình thái sản xuất xã hội tương ứng với lực lượng sản xuất đó, thì tất nhiên là một phương thức sản xuất mới phải nảy sinh ra và phát triển trên cơ sở phương thức sản xuất cũ”³⁶. Mặt khác, sự bất lực trong quản lý xã hội của giai cấp tư sản, những cuộc “nổi loạn của lực lượng sản xuất hiện đại chống lại những quan hệ sản xuất hiện hành”, những bất công, tệ nạn xã hội... cũng là những biểu hiện trực tiếp cho quá trình tạo ra những nhân tố tự phủ định của chủ nghĩa tư bản.

Hai xu hướng phát triển và khủng hoảng này đan xen vào nhau trong mọi giai đoạn của chủ nghĩa tư bản. Lênin viết: “Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, một số ngành công nghiệp nào đó, một số tầng lớp nào đó trong giai cấp tư sản, một số nước nào đó đều biểu hiện hoặc ít hoặc nhiều khi thì xu hướng này, khi thì xu hướng kia”³⁷; chủ nghĩa tư bản là xã hội cần phải thay thế, và những tiền đề cho chủ nghĩa xã hội đang được tích lũy ngày càng đầy đủ ngay trong lòng nó. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội là thể hiện một xu thế lịch sử được hình thành từ trong lòng chủ nghĩa tư bản. Nó đang được chủ nghĩa tư bản xác định theo một logic mà Mác đã vạch ra: chủ nghĩa cộng sản là một phong trào hiện thực, nó phủ định xã hội hiện tồn.

- *Thứ hai*, triển vọng của chủ nghĩa xã hội được chủ nghĩa Mác-Lênin vạch ra qua những nhu cầu chính trị - xã hội thường trực của nhân loại (độc lập, dân chủ, công bằng...) Những nhu cầu thực tiễn này tuy gắn với những khát vọng của con người, song không hoàn toàn là chủ quan hay duy tâm, bởi vì thiếu chúng thì lực lượng sản xuất bị kìm hãm và xã hội cũng không thể phát triển bình thường được. Lịch sử đã cho thấy, sự phát triển chậm chạp của những hình thái kinh tế - xã hội trước chủ nghĩa tư bản không chỉ do lực lượng sản xuất nhỏ bé, lạc hậu mà còn do những nhu cầu trên không được giải quyết thoả đáng cho đa số nhân dân lao động. *Những nhu cầu chính trị - xã hội đó, suy đến cùng, cũng mang tính hiện thực khách quan* vì nó là sự phản ánh cái tất yếu của kinh tế. Hơn nữa, nhận thức này còn phản ánh tính chủ động tự giác của con người trong phát triển hiện đại. Chính sự phát triển cao của kinh tế - xã hội đã tạo ra cơ sở để con người có thể chủ động nhận thức và định hướng cho tương lai của mình.

Nhu cầu phát triển dân chủ *trước tiên được giải quyết bằng phương thức cách mạng*: đập tan nhà nước tư sản, thiết lập và giữ vững nhà nước xã hội chủ nghĩa để tạo ra tiền đề chính trị cơ bản nhất cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và là bước tiến đầu tiên trong quá trình hiện thực hoá triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Nhu cầu này còn được

³⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, Sđd, t.2, tr.569- 570, 574.

³⁵ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd. t.25, tr. 668, 673

³⁶ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd. t.25, tr. 668, 673

³⁷ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.27, tr. 536.

thể hiện qua quá trình tiệm tiến, tích lũy về lượng trong cuộc đấu tranh vì dân chủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Thái độ của giai cấp công nhân với quá trình này là cần phải tham gia và tích cực hoá nó. Lênin từng nhấn mạnh: Không có chế độ dân chủ thì chủ nghĩa xã hội không thể thực hiện được theo hai nghĩa sau đây: (1) giai cấp vô sản không thể hoàn thành được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nếu họ không được chuẩn bị cho cuộc cách mạng đó thông qua đấu tranh cho chế độ dân chủ; (2) chủ nghĩa xã hội chiến thắng sẽ không giữ được thắng lợi của mình và “sẽ không dẫn được nhân loại đi đến chỗ thủ tiêu nhà nước, nếu không thực hiện được đầy đủ chế độ dân chủ”³⁸. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sự thôi thúc của những nhu cầu dân chủ và tính không triệt để trong việc giải quyết chúng đã làm nảy sinh một cách tất yếu việc hướng tới xã hội xã hội chủ nghĩa - một xã hội tạo ra cơ sở mới cho việc giải quyết những khát vọng lâu đời và thường trực của nhân loại.

Chính từ quá trình giải quyết những nhu cầu chính trị - xã hội bức thiết của nhân loại ngày nay, một chân lý lớn nhất của thời đại đã được khẳng định: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội là sự phản ánh nhu cầu khách quan về một xã hội công bằng hơn và dân chủ hơn.

- *Thứ ba*, như các nhà địa chất nghiên cứu thông qua các vụ địa chấn, các vết đứt gãy của vỏ địa cầu để tìm ra quy luật khoa học, triển vọng của chủ nghĩa xã hội được chủ nghĩa Mác - Lênin nhận thức qua những tình huống chính trị - xã hội trong quá trình giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đó là các cuộc cách mạng, những “con trở dạ”, những thời điểm khủng hoảng kinh tế - chính trị - xã hội... Những thời điểm mà đường như lịch sử phát triển với tốc độ nhanh, bị dồn nén tới mức “một ngày bằng hàng chục năm”, qua đó, bản chất của các hiện tượng xã hội bộc lộ rõ nhất, những nhu cầu xã hội đặt ra gay gắt nhất và cách giải quyết chúng cũng được thực tiễn bộc lộ đầy đủ nhất.

Những tình huống chính trị - xã hội này có thể xuất hiện từ cả hai phía: từ sự bất lực của giai cấp tư sản như “những phù thủy non tay không trị nổi những âm binh mà y đã triệu lên”; hoặc từ những thất bại, thiếu sót của chính giai cấp công nhân trong các trận giao chiến với giai cấp tư sản. Bởi vậy, triển vọng của chủ nghĩa xã hội, mô hình của xã hội mới, những bài học kinh nghiệm quý báu trong cuộc đấu tranh vì một kiểu tổ chức xã hội mới v.v., nhiều khi lại được các nhà kinh điển mácxít đúc kết từ những thiếu sót, non sót, thất bại của giai cấp công nhân trong những cuộc “Đấu tranh giai cấp ở Pháp”, “Nội chiến ở Pháp” v.v.; hoặc từ những sai lầm của đảng công nhân (“Phê phán Cương lĩnh Gô ta”) hoặc những “Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản”...

Triển vọng của chủ nghĩa xã hội, trong cái nhìn duy vật - biện chứng về lịch sử, được xác định không chỉ từ những bước tiến mà còn từ những quanh co của lịch sử, từ sự sửa chữa những sai lầm, từ sự khắc phục những non sót của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong một quá trình phát triển mới. Đúng như Mác đã từng nhận xét, rằng ý nghĩa lớn nhất trong cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp không phải là “cái được” mà là “cái mất” - những cái cần phải mất đi đó là những nhận thức ấu trĩ, những thiên kiến chủ quan để giai cấp công nhân ngày càng già dặn hơn và làm đúng quy luật hơn.

³⁸ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.30, tr.167.

Triển vọng của chủ nghĩa xã hội được làm rõ ngay cả trong những cơn “bĩ cực” và qua cả những thất bại, bước lùi tạm thời của cách mạng. Thái độ đúng trong khi hành động là: “Những người cộng sản cần phải biết rằng dù sao tương lai cũng thuộc về họ. Và vì thế cho nên, trong cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại, chúng ta có thể (và phải) kết hợp lòng nhiệt tình hăng say nhất với sự bình tĩnh cao độ và với sự đánh giá có suy nghĩ chín chắn nhất về những cơn giãy giụa điên cuồng của giai cấp tư sản”³⁹.

- *Thứ tư*, lý luận về sự kế tiếp của các hình thái kinh tế - xã hội của Mác chỉ ra cái logic căn bản nhất của lịch sử và của triển vọng của nó. Lần đầu tiên trong lịch sử nhận thức, triển vọng phát triển xã hội được nhận thức bằng phương pháp khoa học: phương pháp duy vật - biện chứng về lịch sử mà cụ thể là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội. Các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau ra đời một cách lịch sử tự nhiên, hình thái trước tạo tiền đề cho sự ra đời của hình thái sau. Chủ nghĩa xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, là một xã hội “thoát thai” từ xã hội trước đó; nhiều tiền đề kinh tế - xã hội đã được chuẩn bị một cách tự nhiên trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa. Để thấy được logic đó Mác đã nghiên cứu suốt chiều dài lịch sử nhân loại, nhất là từ giai đoạn chủ nghĩa tư bản manh nha, định hình và phát triển - một tầm nhìn rất dài rộng về lịch sử, song cũng rất lịch sử cụ thể. Lênin nhận xét: “Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới một khi đã *biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó*”⁴⁰. Với ý nghĩa đó, giai đoạn phát triển cao của chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa đế quốc là “đêm trước của chủ nghĩa xã hội”. Những thay đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những biểu hiện về tiềm năng phát triển của nó cũng chính vì những bước tiến hóa, sự chuẩn bị tiền đề cho một xã hội mới “Ngày nay... chủ nghĩa xã hội đang hiện ra một cách trực tiếp, *trên thực tiễn*, trong mỗi biện pháp quan trọng tạo thành một bước tiến trên cơ sở chủ nghĩa tư bản hiện đại”⁴¹. Và, triển vọng của chủ nghĩa xã hội không chỉ do chủ nghĩa xã hội hiện thực quy định mà còn do chính quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản chuẩn bị những tiền đề trên nhiều mặt của xã hội hiện đại.

Triển vọng của chủ nghĩa xã hội mang tính tất yếu và được xác định cụ thể bởi những đặc trưng cơ bản chứ không hề mơ hồ, vô định. Chủ nghĩa xã hội có những đặc trưng phân biệt với chủ nghĩa tư bản. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là dựa trên cơ sở của lực lượng sản xuất phát triển cao có đủ năng lực sản xuất để thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mọi thành viên trong xã hội; quan hệ sản xuất chủ đạo của xã hội xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên cơ sở của chế độ công hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu, nguyên tắc phân phối cơ bản là phân phối theo lao động; nhà nước của nó là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, được đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, quyền lực cao nhất thuộc về nhân dân lao động mà nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa; kiểu tổ chức xã hội

³⁹ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.41, tr.109.

⁴⁰ Sđd, t.33, tr.103-104.

⁴¹ Sđd, tr.258.

của nó được dựa trên nguyên tắc lao động, hòa bình; bình đẳng giữa các dân tộc và trong quan hệ xã hội... Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội “không phải là một lý tưởng mà hiện thực cần phải khuôn theo”, mà là những giải pháp từ hiện thực để giải quyết những vấn đề thực tiễn mà chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết trong khuôn khổ của nó. Với ý nghĩa đó, “*Chủ nghĩa cộng sản* là hình thức tất yếu và là nguyên tắc kiên quyết của tương lai sắp tới”⁴². Mặt khác, trong quá trình vận dụng những nguyên lý, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, các nhà kinh điển cũng đề cao *tính sinh động, sự sáng tạo khi hiện thực hóa triển vọng của chủ nghĩa xã hội*. Chẳng hạn về vấn đề mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lênin viết: “Bất cứ một người xã hội chủ nghĩa biết suy nghĩ nào viết về những *triển vọng* của tương lai, cũng không bao giờ dám có ý nghĩ cho rằng chúng ta có thể căn cứ vào một sự chỉ dẫn nào đấy đã có sẵn từ trước mà định ra được ngay và xây dựng được ngay một lúc những hình thức tổ chức của một xã hội mới”⁴³. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội, dần hiện rõ trên thực tiễn và được hoàn thiện từ thực tiễn. “Những hình thức tổ chức xã hội mới” là đa dạng tùy theo sự quy định của thực tiễn ở mỗi nước. “Tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”⁴⁴.

Trên đây là những *phương pháp cơ bản* để chủ nghĩa Mác - Lênin xác định triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Tính toàn vẹn của vấn đề này chỉ có thể được giải quyết khi nhận thức bằng các phương pháp cơ bản đó.

3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội nhìn từ góc độ cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa kinh tế

Thế giới đã và đang trải qua những biến đổi hết sức to lớn, và nhanh chóng, chính sự biến đổi đó đã trở thành những yếu tố quan trọng tác động tới triển vọng của chủ nghĩa xã hội, trong các yếu tố nổi bật lên là cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa kinh tế.

Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại đã tạo ra một hướng phát triển theo chiều sâu của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, và toàn cầu hóa kinh tế có thể được xem là nét biến đổi lớn của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Trên thực tế nhiều phương diện của các yếu tố này hiện cũng đang mang đậm dấu ấn tư bản chủ nghĩa hoặc đang bị chủ nghĩa tư bản chi phối, nắm giữ. Nhưng biện chứng của lịch sử cũng chỉ ra rằng chính những yếu tố này lại “là những nhà cách mạng nguy hiểm” với chủ nghĩa tư bản. Trong phần này chúng ta sẽ cùng nghiên cứu sự tác động của 2 yếu tố trên đến triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện nay và trong thời gian tới.

3.1. Cách mạng khoa học - công nghệ

Trong lịch sử loài người, các cuộc cách mạng lớn trong lực lượng sản xuất, những thay đổi lớn trong công nghệ sớm muộn cũng dẫn đến sự thay đổi cách mạng trong phương thức sản xuất. Chẳng hạn sự ra đời của máy hơi nước đưa đến việc phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Điều đó chứng minh quy luật về sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chủ nghĩa xã hội ra đời thay thế chủ nghĩa tư bản xét đến cùng do đòi hỏi của lực lượng sản xuất hiện đại.

⁴² C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđđ, t.42, tr.183.

⁴³ V.I. Lênin: *Toàn tập*. Sđđ, t.36, tr. 469.

⁴⁴ Sđđ, t.31, tr. 160.

Cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, sự hình thành nền kinh tế tri thức, là cuộc cách mạng vĩ đại của lực lượng sản xuất. Trình độ và tính chất lực lượng sản xuất đều thay đổi. Tri thức khoa học, kỹ thuật, tồn tại dưới những hình thức nhất định, vừa là sản phẩm của nền sản xuất xã hội, vừa là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất. Ngày nay mọi sức sản xuất hiện đại và sản phẩm do lực lượng sản xuất ấy tạo ra đều là sức mạnh đã vật hóa của tri thức như Mác đã nói. Với kinh tế tri thức, với cách mạng thông tin, tính xã hội trực tiếp của lực lượng sản xuất hậu công nghiệp cao hơn hẳn so với tính xã hội trực tiếp của lực lượng sản xuất đại công nghiệp. Dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại, tổ chức sản xuất, phân công lao động theo mô hình các công ty xuyên quốc gia, xét tới cùng là do đòi hỏi của lực lượng sản xuất hiện đại xã hội hóa cao. Cùng với lực lượng sản xuất hiện đại, sự tổ chức và phân công lao động tinh vi, khoa học có tính xã hội hóa cao của các công ty xuyên quốc gia mâu thuẫn ngày càng gay gắt với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Kinh tế thông tin, kinh tế tri thức, sự tổ chức quản lý sản xuất khoa học kiểu công ty xuyên quốc gia..., tất cả những cái đó đòi hỏi chế độ sở hữu mới đối với tư liệu sản xuất.

Phù hợp với lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hóa cao, phù hợp với kinh tế tri thức chỉ có thể là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhưng không phải theo mô hình cũ trong tay nhà nước. Quan hệ sản xuất mới phải có tính xã hội cao thích ứng với xu thế xã hội hóa ngày càng nhanh của lực lượng sản xuất. Nhiều nhà nghiên cứu mácxít về chủ nghĩa xã hội cho rằng phù hợp với lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức là chế độ sở hữu hỗn hợp mà nền tảng là chế độ công hữu, tức xã hội chứ không phải tư nhân sở hữu trực tiếp các tư liệu sản xuất chủ yếu, kể cả sở hữu tri thức, thông tin. Có ý kiến cho rằng đó là “xã hội hóa” quan hệ sở hữu. Nói như thế chưa chính xác. Bởi lẽ chế độ chiếm hữu của các công ty xuyên quốc gia đã là “xã hội hóa”, chứng tỏ tư bản là lực lượng xã hội. Vấn đề ở đây là lực lượng sản xuất hiện đại đòi hỏi xã hội hóa trực tiếp quan hệ sở hữu chứ không phải xã hội hóa gián tiếp như đã được thực hiện dưới chủ nghĩa tư bản hiện đại. Cách mạng khoa học - công nghệ tạo tiền đề để xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Về phần mình, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là điều kiện xã hội cơ bản để cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức phát triển nhanh chóng vững chắc, phục vụ lợi ích con người, trước hết là người lao động.

Lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức đòi hỏi phát triển có kế hoạch thay vì phát triển vô tổ chức. Điều này thể hiện rõ ở nền kinh tế các nước phát triển. Các công ty tư bản lớn đều có kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Bởi nếu phát triển vô kế hoạch, các tập đoàn kinh tế đó không tránh khỏi phá sản. Nền kinh tế quốc gia các nước tư bản phát triển cũng không phải hoàn toàn không có kế hoạch chỉ phó mặc cho “bàn tay vô hình” điều chỉnh, chi phối tất cả như một số người quan niệm. Tuy nhiên, trong điều kiện chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thống trị tuyệt đối, tính kế hoạch, trong thực chất, chỉ là phần bổ sung của tính tự phát trên quy mô toàn xã hội, thậm chí trên quy mô toàn cầu. Trình độ tổ chức, kế hoạch hóa cao của các công ty xuyên quốc gia, mâu thuẫn thường xuyên, gay gắt với tính tự phát trong hoạt động kinh tế của toàn xã hội do khả năng kế hoạch hóa vĩ mô trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hết sức hạn chế. Vì vậy, không ai có thể tính toán hết được những lãng phí vô cùng lớn về vốn, sức lao động, tài nguyên, thời gian, những tổn hại hết sức lớn về môi trường ở ngay các nước tư bản phát triển do không có khả năng kế hoạch hóa thật sự ở tầm vĩ mô. Điều chỉnh kinh tế qua những cuộc khủng hoảng, đại khủng hoảng chắc chắn không là “tàn phá sáng tạo”, không phải phương thức nhất triển tối ưu như một số người quan niệm. Tình trạng dựa vào các cuộc khủng hoảng, biến động để điều chỉnh kinh tế sẽ ngày càng nguy hiểm đối với nền kinh tế từ

thức có quy mô lớn. Kinh tế tri thức đòi hỏi rất cao tính kế hoạch. Thiếu tính kế hoạch, “kinh tế mạng” đứng trước nguy cơ rối loạn do mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa “kinh tế thực” và “kinh tế ảo”. Các thành tựu cách mạng thông tin bảo đảm những điều kiện kỹ thuật để kế hoạch hóa sự phát triển kinh tế, nhưng chúng không thay thế những điều kiện xã hội. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tạo ra những điều kiện ấy mà điều kiện tiên quyết và cơ bản nhất là các tư liệu sản xuất chủ yếu thuộc về xã hội.

Có người nói rằng kế hoạch hóa đồng nghĩa với “quan liêu”, “chủ quan duy ý chí”, cho rằng sự phát triển chậm từ những năm 70 ở Liên Xô là do tính kế hoạch. Quan niệm này không hoàn toàn đúng. Trong những năm 1924-1940 nền kinh tế có kế hoạch đầu tiên trên thế giới phát triển rất năng động, không có khủng hoảng lớn, nhịp độ phát triển vượt xa các nước tư bản. Thời đó các yếu tố của nền kinh tế đang công nghiệp hóa chưa phải quá phức tạp vượt ngoài khả năng nắm bắt, dự báo của con người. Đến những năm 70, 80 thế kỷ XX, các yếu tố kinh tế trở nên phức tạp hơn nhiều đòi hỏi thay đổi phương thức làm kế hoạch, đổi mới hệ thống kế hoạch. Song do cơ chế tập trung quan liêu, cách làm kế hoạch theo lối cũ vẫn được duy trì. Vì vậy, kế hoạch không có tính khả thi. Như vậy, kinh tế Liên Xô từ những năm 80 trở nên trì trệ không phải do “tính kế hoạch” mà do cơ chế quản lý tập trung quan liêu là nguyên nhân chủ yếu.

Bản thân khoa học - công nghệ không có tính vụ lợi. Khoa học - công nghệ không có mục đích tự thân mà chỉ là phương tiện để con người làm chủ thiên nhiên, xây dựng cuộc sống tốt đẹp của mình. Khoa học - công nghệ là thành tựu của toàn xã hội chứ không phải của riêng ai. Theo lẽ công bằng, sự hợp lý, hợp quy luật thì toàn thể cộng đồng nhân loại phải được hưởng các thành tựu kỳ diệu của khoa học - công nghệ, trong sự hợp lý đó những người cống hiến nhiều phải được hưởng nhiều, những tài năng sáng tạo phải được thưởng xứng đáng. Nhưng trong thực tế, dưới xã hội tư bản không thể có được sự công bằng và bình đẳng trong điều kiện, cơ hội tham gia sáng tạo khoa học - công nghệ, nhất là công bằng, bình đẳng trong hưởng thụ các thành quả của cách mạng khoa học - công nghệ.

Khoa học - công nghệ càng phát triển cao thì yêu cầu về tính xã hội, về công bằng bình đẳng càng bức xúc. Những hậu quả xã hội, hậu quả đối với chính tiền đồ của khoa học - công nghệ, sẽ nghiêm trọng nếu không giải quyết được vấn đề công bằng và bình đẳng trong sáng tạo khoa học - công nghệ và trong phân phối lợi ích do cách mạng khoa học - công nghệ mang lại. Chính vì lẽ đó, khoa học - công nghệ hiện đại đặt ra yêu cầu lớn: loài người phải vượt qua chủ nghĩa tư bản tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, với khoa học - công nghệ hiện đại, sức sản xuất hoàn toàn đủ khả năng giải quyết trên phạm vi toàn cầu các vấn đề bức xúc của loài người, như gần 2 tỷ người đói nghèo, gần 3 tỷ người thiếu các phương tiện vệ sinh tối thiểu, hơn 1 tỷ người không nhà ở, thiếu nước sạch, không dịch vụ y tế..., trong khi bộ phận khác của xã hội sống trong cảnh tiện nghi thừa thãi, của cải lãng phí không thương tiếc. Máy móc hiện đại lẽ ra có tác dụng giải phóng con người khỏi những công việc nặng nhọc, thậm chí giải phóng con người khỏi hoạt động sản xuất trực tiếp, làm cho lao động của con người chủ yếu chỉ là điều khiển quá trình sản xuất, nhưng trong thực tế, những máy móc hiện đại “thông minh” lại làm cho hàng triệu người mất công ăn việc làm, bị gạt ra khỏi hệ thống sản xuất, phải sống nhờ vào bố thí. Chủ nghĩa tư bản không có khả năng giải quyết vấn đề bức xúc nói trên vì nguồn gốc của vấn đề chính là chủ nghĩa tư bản. Vấn đề nêu trên chỉ có thể được giải quyết dưới chủ nghĩa xã hội. Chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội, hàng tỷ người vốn bị gạt ra ngoài cuộc sống văn minh, hiện đại mới có điều kiện tham gia sáng tạo khoa học - công nghệ, tiếp cận các thành tựu mới nhất của khoa học,

công nghệ. Dưới chủ nghĩa xã hội bản thân khoa học - công nghệ sẽ được giải phóng khỏi vai trò hiện nay của nó là phương tiện tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch cho tư bản; khoa học - công nghệ sẽ thật sự là phương tiện mưu cầu hạnh phúc cho con người, do đó khoa học - công nghệ sẽ phát triển kỳ diệu hơn nữa. Có thể nói cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại và chế độ xã hội chủ nghĩa là hai mặt của một thể thống nhất, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận”⁴⁵. Lời tiên đoán ấy chắc chắn sẽ trở thành hiện thực.

Vấn đề ai làm chủ, sử dụng, kiểm soát các thành tựu khoa học - công nghệ trở nên đặc biệt bức bách từ khi con người có khả năng chế tạo những vũ khí hủy diệt như vũ khí nguyên tử, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, các vũ khí công nghệ cao và gần đây người ta đang nói nhiều đến vũ khí nặng.

Hai cuộc chiến tranh thế giới tàn sát hàng trăm triệu người; Mỹ ném bom nguyên tử giết hại hàng chục vạn thường dân vô tội ở Hirôshima, Nagasaki; các kho vũ khí hạt nhân trên thế giới đủ sức tiêu diệt sự sống của mấy chục lần trái đất; Mỹ tăng ngân sách chiến tranh lên gần 500 tỷ USD... Những sự kiện ấy là quá đủ để rút ra kết luận: Chủ nghĩa tư bản không đảm bảo duy trì ngay cả sự sống của loài người trên hành tinh. Cần một chế độ xã hội công bằng, nhân bản, cho phép xã hội kiểm soát được việc sử dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ, không cho phép sử dụng chúng vào những mục đích đen tối vì những lợi ích ích kỷ. Chế độ đó chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay môi trường sinh thái của loài người đang xấu đi một cách đáng lo ngại. Chỉ riêng việc khí hậu đang thay đổi, trái đất nóng dần lên cũng đã là vấn đề rất nghiêm trọng. Có nhà khoa học cảnh báo rằng nếu môi trường tiếp tục xấu đi như hiện nay thì nhân loại sẽ không có cơ hội nhìn thấy thiên niên kỷ thứ ba! Lời cảnh báo đó không phải vô căn cứ. Ai chịu trách nhiệm về tình hình này và phương thức giải quyết như thế nào là câu hỏi lịch sử đặt ra một cách bức bách. Muốn giải quyết vấn đề khí hậu trái đất thay đổi theo hướng xấu, vấn đề lỗ thủng tầng ôzôn ngày một lớn thì phải giảm bớt lượng khí thải từ sản xuất công nghiệp và từ tiêu dùng. công nghiệp sạch là điều kiện kỹ thuật góp phần giải quyết vấn đề. Song còn những điều kiện khác? Hạn chế lượng khí thải đụng chạm đến lợi nhuận các công ty vì họ phải tăng chi phí bảo vệ môi trường (chính Tổng thống Mỹ Bush công khai nói ra điều này), đụng chạm đến xã hội tiêu dùng vì yêu cầu tiêu dùng hợp lý thì hàng hóa thừa thãi sẽ bán cho ai? Công nghiệp sạch không giải quyết được toàn bộ vấn đề. Ở Mỹ công nghiệp sạch phát triển song lượng khí thải vẫn tăng. Ai cũng biết công nghiệp sạch là tốt vì nó là công nghệ hiện đại, công nghệ cao, sức cạnh tranh lớn và lợi nhuận cao. Song hàng trăm nước đang phát triển đâu muốn cũng không thể sớm biến hệ thống công nghiệp nước mình thành công nghiệp sạch.

Tóm lại, những vấn đề toàn cầu hiện nay, xét cho cùng, là những “vấn đề” của chủ nghĩa tư bản. Sức ép của những vấn đề toàn cầu gia tăng đến mức nào đó, riêng điều đó cũng buộc nhân loại phải lựa chọn hệ thống xã hội lối nhân bản hơn, có tổ chức hơn, đủ sức gánh vác trách nhiệm giải quyết vấn đề môi trường, xã hội mới đó là chủ nghĩa xã hội.

Có người nói rằng đối với các nước đang phát triển, con đường xã hội chủ nghĩa không phù hợp với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Thực tế bác bỏ nhận định này.

⁴⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.131.

Đối với các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội mà tất cả đều là “đang phát triển”, cách mạng khoa học - công nghệ là thời cơ lớn. Song việc tranh thủ thời cơ do cuộc cách mạng này tạo ra không dễ dàng, đó lại là thách thức lớn.

Những nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội như Việt Nam, Trung Quốc đều xuất phát từ những nền kinh tế kém phát triển, khoa học - công nghệ lạc hậu. Một trong những sứ mệnh lịch sử của con đường xã hội chủ nghĩa ở những nước này là biến nước nông nghiệp lạc hậu trong một giai đoạn lịch sử nhất định, trở thành nước công nghiệp hiện đại, nước phát triển, điều mà trên thực tế các con đường khác không thể thực hiện được.

Thực tiễn hơn 25 năm qua (đối với Việt Nam), gần 30 năm qua (đối với Trung Quốc) khẳng định: chủ nghĩa xã hội ở ngay các nước đang phát triển (chủ nghĩa xã hội với tính cách con đường xã hội chủ nghĩa) hoàn toàn phù hợp với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Chủ nghĩa xã hội mở đường, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại thâm nhập vào các nước đang phát triển. Ngược lại, cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới là điều kiện tiên quyết, là thời cơ, động lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dĩ nhiên đó là chủ nghĩa xã hội với mô hình mới, là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được đổi mới. Sự kết hợp giữa cách mạng khoa học - công nghệ và chủ nghĩa xã hội làm cho mục tiêu của Việt Nam đến năm 2020 căn bản trở thành nước công nghiệp, một mục tiêu mà trước đây là không tưởng, trở thành một mục tiêu khả thi. Sự phát triển của Việt Nam hơn 25 năm qua đặc biệt là những năm vừa qua, liên tục ở mức 7-8% năm, chứng tỏ điều đó. Sự kết hợp chủ nghĩa xã hội và cách mạng khoa học - công nghệ đã khiến cho Trung Quốc trong mấy chục năm qua trở thành nước kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, thậm chí lập kỷ lục về phát triển trong lịch sử loài người.

Tóm lại, từ những phân tích trên, có thể nói rằng riêng từ góc độ cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, chúng ta nhìn thấy tương lai thuộc về chủ nghĩa xã hội.

3.2. Toàn cầu hóa kinh tế

Cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa là hai trào lưu lịch sử lớn, có thể nói là đi đôi với nhau, trong thời đại ngày nay. Cả hai đều mang tầm thời đại. Toàn cầu hóa khởi đầu từ cách mạng công nghiệp, nhưng toàn cầu hóa thật sự, với đầy đủ các đặc trưng của nó chỉ bắt đầu với cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, khi cuộc cách mạng này đã làm thay đổi tính chất, cơ cấu các nền kinh tế lớn trên thế giới. Toàn cầu hóa là hệ quả tất yếu của cách mạng khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, toàn cầu hóa dưới hình thức cơ chế hiện nay còn là hệ quả của sự phát triển chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, như đã nói, chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa và toàn cầu hóa xét về mặt hình thức là toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa. Tính chất tư bản chủ nghĩa thể hiện ở chỗ có nhiều quan hệ sản xuất tác động vào toàn cầu hóa, song quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối quá trình toàn cầu hóa, ở chỗ các quốc gia tư bản chủ nghĩa chủ chốt, các công ty tư bản xuyên quốc gia chi phối toàn cầu hóa. Một số nước xã hội chủ nghĩa (Việt Nam, Trung Quốc) “tham gia” toàn cầu hóa chưa làm thay đổi tính chất vừa nêu trên của toàn cầu hóa. Các quốc gia, các lực lượng chính trị... tham gia toàn cầu hóa đều có ý đồ riêng, có những mong muốn chủ quan. Những tham vọng chủ quan đó có ảnh hưởng không ít đến sự phát triển của toàn cầu hóa. Song các nhân tố chủ quan đó không làm thay đổi tính chất, nội dung cơ bản của toàn cầu hóa, tức không làm mất tính chất khách quan, trong đó bao hàm tính chất tư bản chủ nghĩa của toàn cầu hóa. Có thể nói toàn cầu hóa là một quá trình khách quan được thực hiện thông qua vô số các chiến lược, các kế hoạch... chủ quan của quốc gia, giai cấp, chính đảng, chính khách.

Toàn cầu hóa là một quá trình đầy mâu thuẫn. Nguồn gốc các mâu thuẫn đó là mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức của toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa một mặt là sự xã hội hóa cao độ của lực lượng sản xuất hiện đại. Đó là toàn cầu hóa lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ, sự lan tỏa ra phạm vi toàn cầu các thành tựu của văn minh nhân loại, trước hết là văn minh kỹ thuật. Chúng ta mong muốn sự xã hội hóa, quốc tế hóa hay toàn cầu hóa hiện nay diễn ra một cách tất đẹp tron tru, sao cho các dân tộc, các cộng đồng, các nhóm xã hội, các thành viên xã hội, tóm lại là tất cả mọi người, đều được hưởng những thành quả của văn minh nhân loại. Song đó là nguyện vọng chủ quan của chúng ta, là mục tiêu lâu dài của nhân loại. Toàn cầu hóa hiện nay diễn ra theo một hướng khác với mong muốn nói trên do sự chi phối của chủ nghĩa tư bản. Vì thế, một mặt, nó vẫn đem lại lợi ích to lớn cho xã hội, cho nhân loại:

- Tạo động lực thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Thúc đẩy các nước phát triển xuất khẩu vốn, công nghệ... ra nước ngoài để kiếm lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước đang phát triển tiếp cận các luồng vốn quốc tế, công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển, qua đó đổi mới trang thiết bị để công nghiệp hóa.

Mặt khác, “mặt trái” của toàn cầu hóa, nói chính xác là của toàn cầu hóa dưới hình thức hiện nay, cũng thể hiện rất rõ:

- Sự không công bằng và bất bình đẳng quá lớn trong phân chia các “lợi ích” mà toàn cầu hóa có thể mang lại. Toàn cầu hóa hiện nay về thực chất không phải một sân chơi bình đẳng cho tất cả mọi người, mọi dân tộc, “ai khôn được nhiều, ai dại được ít, chỉ những người đứng ngoài là mất tất cả” như một số người nói. Thực tế là lợi ích kinh tế (chưa nói các lợi ích khác) “dồn về” các nước giàu, các tập đoàn tư bản lớn, trong khi ấy nhiều nước nghèo đã nghèo đi, nhiều người nghèo càng nghèo hơn do tác động của toàn cầu hóa.

- Toàn cầu hóa hiện nay làm xói mòn các giá trị dân tộc, thách thức chủ quyền quốc gia dân tộc. Toàn cầu hóa không xóa bỏ chủ nghĩa thực dân mà còn làm chủ nghĩa thực dân dưới hình thức mới phát triển nhanh hơn. Toàn cầu hóa cũng không ngăn chặn được chủ nghĩa bành trướng bá quyền mà còn tạo điều kiện cho chủ nghĩa bành trướng bá quyền của một số cường quốc và siêu cường tư bản phát triển.

Có quan điểm cho rằng toàn cầu hóa là phương thức chủ yếu giải quyết các vấn đề của thế giới hiện nay, không cần phải dựa vào “chủ nghĩa tư bản” hay “chủ nghĩa xã hội”. Không cần mất nhiều thời giờ tranh cãi với ý kiến này vì nó mâu thuẫn quá rõ ràng với thực tế.

Có quan điểm cho rằng, đối với chủ nghĩa xã hội, toàn cầu hóa có nhiều tác động tiêu cực, gây ra cho chủ nghĩa xã hội rất nhiều khó khăn trở ngại. Toàn cầu hóa là thách thức lớn đối với chủ nghĩa xã hội. Ý kiến này rất đáng xem xét.

Thực ra, tác động của toàn cầu hóa đối với chủ nghĩa xã hội là tác động hai mặt, cả tích cực và tiêu cực. Vấn đề là xét về lâu dài, về tổng thể, mặt nào là chủ yếu, toàn cầu hóa làm lu mờ đi hay làm sâu sắc thêm tính tất yếu, tính cấp bách của chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.

Trước hết xem toàn cầu hóa với tính cách khó khăn, thách thức đối với chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, trước mắt toàn cầu hóa tạo ra những khó khăn, thách thức không nhỏ đối với chủ nghĩa xã hội. Có thể trình bày khái quát như sau:

- Toàn cầu hóa tăng cường lực lượng cho chủ nghĩa tư bản, ít nhất là trong những thập niên cuối thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI,

đặc biệt tăng cường lực lượng cho tư bản độc quyền. Đó là lực lượng kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng văn hóa, thông tin. Sức mạnh đó có thể tạm thời hay lâu dài, nhưng chắc chắn chủ nghĩa tư bản đã mạnh lên trong toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa góp phần làm cho so sánh lực lượng về kinh tế giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển thay đổi nhanh chóng theo chiều hướng có lợi cho các nước tư bản phát triển, các trung tâm lớn của chủ nghĩa tư bản. Ngày nay các công ty xuyên quốc gia và các cường quốc tư bản sở hữu 80% sức mạnh kinh tế của thế giới. Mỹ và các nước NATO cũng độc quyền về sức mạnh quân sự. Họ cũng bá chủ trên trận địa sản xuất thông tin, truyền bá thông tin, văn hóa tư tưởng. Đương nhiên chủ nghĩa tư bản sử dụng sức mạnh đó cho việc củng cố, kéo dài “vĩnh viễn” địa vị thống trị của nó trên hành tinh. Đây là khó khăn khách quan đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình toàn cầu hóa, phong trào công nhân, phong trào xã hội chủ nghĩa phải đối phó với một chủ nghĩa tư bản đã mạnh lên, có thêm nhiều thủ đoạn, phương tiện chống phá chủ nghĩa xã hội và các lực lượng tiến bộ. Trong giai đoạn lịch sử vừa qua, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa đã làm cho giai cấp công nhân bị phân tán thành các bộ phận: áo trắng, áo xanh, áo vàng, công nhân nhập cư, công nhân làm việc tại gia, công nhân lập trình, v.v. có điều kiện bán sức lao động khác nhau, lợi ích cụ thể khác nhau. Do các chính sách “chia để trị”, các chính sách sử dụng lao động, chính sách cổ phần hóa rất tinh vi của tư bản, do điều kiện sinh sống bất buộc, công nhân phải cạnh tranh nhau gay gắt để tìm việc làm. Bộ phận công nhân có tri thức, có trình độ kỹ thuật cao thỏa mãn với điều kiện sống. Bộ phận khác lo tìm việc làm, lo đời sống hằng ngày nên thờ ơ với các tổ chức công đoàn, ít tham gia đấu tranh chính trị. Trong bối cảnh trên, lực lượng giai cấp công nhân bị phân tán, phong trào công nhân đã bị suy yếu. Phong trào xã hội chủ nghĩa cũng lâm vào bế tắc, sa sút, khủng hoảng. Ở các nước tư bản, phong trào công nhân, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng một phần do chưa thích ứng được với các tác động của toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.

Toàn cầu hóa tạo ra những thách thức lớn đối với chủ nghĩa xã hội hiện thực, cụ thể là đối với những nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội như Việt Nam, Trung Quốc. Về kinh tế, đó là cuộc cạnh tranh, đấu tranh hết sức gay go phức tạp trong bối cảnh các thế lực tư bản độc quyền chi phối toàn cầu hóa. Hai thách thức lớn nhất về kinh tế đó là, nguy cơ mất độc lập tự chủ về kinh tế và nguy cơ tụt hậu trong cuộc cạnh tranh quốc tế quyết liệt. Về chính trị, các nước xã hội chủ nghĩa phải đối phó với tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đối với độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, phải tiến hành một cách khôn khéo và kiên quyết cuộc đấu tranh chống các thế lực lợi dụng toàn cầu hóa để đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Vì toàn cầu hóa hiện nay là bản cầu hóa do chủ nghĩa tư bản độc quyền chi phối, lại diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào nên tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đối với chủ nghĩa xã hội càng rõ rệt. Song ngay trong bối cảnh quốc tế hiện nay khi so sánh lực lượng tạm thời nghiêng về chủ nghĩa tư bản, bất lợi cho chủ nghĩa xã hội, ngay cả khi toàn cầu hóa do các thế lực mạnh nhất của chủ nghĩa tư bản chi phối như hiện nay thì toàn cầu hóa vẫn mang tính hai mặt. Đứng dưới góc độ lợi ích của chủ nghĩa xã hội để đánh giá toàn cầu hóa, chúng ta phải khẳng định rằng nếu

xem xét toàn diện và lâu dài thì tích cực là mặt chủ yếu của toàn cầu hóa. Nhận định này dựa trên các căn cứ sau đây:

- *Một là:* Chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa là một thời kỳ phát triển tất yếu của chủ nghĩa tư bản trước khi hình thái kinh tế - xã hội này chấm dứt tồn tại để nhân loại chuyển lên hình thức kinh tế - xã hội cao hơn là chủ nghĩa xã hội. Một số nước có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội khi toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa chưa trở thành cao trào như hiện nay, tức là khi chủ nghĩa tư bản chưa chuyển sang chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa, song trên phạm vi lịch sử thế giới thì nhân loại phải qua cái cầu toàn cầu hóa mới đi lên chủ nghĩa xã hội được (thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa). Tranh thủ toàn cầu hóa là một trong những điều kiện để các nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đến mục tiêu cuối cùng.

- *Hai là:* Đối với các nước tư bản, toàn cầu hóa đẩy nhanh quá trình hình thành những tiền đề của chủ nghĩa xã hội, trong đó phải kể đến:

+ Lực lượng sản xuất hiện đại, công nghệ thông tin, kinh tế tri thức là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà chủ nghĩa tư bản đã và đang chuẩn bị sẵn ngoài ý muốn của nó.

+ Công ty xuyên quốc gia: tổ chức lao động xã hội hiện đại rất khoa học và hiệu quả, chỉ cần xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Đây cũng là những công ty cổ phần quốc tế hóa. Đây có thể được xem như “sự chuẩn bị” về mặt hình thức kinh tế cho chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa.

+ Chuẩn bị về mặt con người: đó là giai cấp công nhân hiện đại - công nhân trí thức - đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, đồng thời là đại biểu cho phương thức sản xuất mới, phương thức sản xuất của chủ nghĩa xã hội. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vẫn là: xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

+ Sự quốc tế hóa nhanh chóng đời sống kinh tế, đời sống xã hội là tiền đề quan trọng bậc nhất của chủ nghĩa xã hội.

- *Ba là:* Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa cao độ với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, đặc biệt là việc các tư liệu sản xuất chủ yếu nằm trong tay các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, phát triển rất nhanh chóng trong toàn cầu hóa. Kinh tế toàn cầu đứng trước nguy cơ lâm vào các cuộc khủng hoảng lớn là hiện hữu. Sự phát triển của mâu thuẫn này ngày càng làm nổi rõ tính tất yếu của việc thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Toàn cầu hóa, với hình thức phát triển hiện nay của nó là chủ nghĩa tự do, đẩy nhanh quá trình phân hóa giàu nghèo, phân hóa giai cấp, thúc đẩy mâu thuẫn giai cấp phát triển: mâu thuẫn giữa một bên là giai cấp công nhân, những người lao động làm thuê với một bên là giai cấp tư sản độc quyền. Trong quá trình toàn cầu hóa, bản chất của chủ nghĩa tư bản bộc lộ công khai hơn nhiều so với thời “nhà nước phúc lợi”. Giai cấp công nhân có điều kiện để nhận thức rõ ràng hơn, nhanh chóng hơn sự đối kháng giữa lao động và tư bản, đối kháng đó đã từng bị che lấp phần nào dưới thời “nhà nước phúc lợi”. Tình hình trên giải thích vì sao từ năm 1999 đến nay các cuộc đấu tranh giai

cấp công khai, trực diện giữa giai cấp công nhân với các thế lực thống trị tư bản độc quyền, dưới hình thức đấu tranh “chống toàn cầu hóa”, có chiều hướng phát triển. Điều này có ý nghĩa rất sâu sắc đối với tiền đề của chủ nghĩa xã hội. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự phát triển chủ nghĩa quốc tế của các phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc.

- *Bốn là:* Toàn cầu hóa cũng tác động đến mâu thuẫn giữa “vùng trung tâm” và “vùng ngoại vi” của chủ nghĩa tư bản làm cho tính chất quốc tế của đấu tranh dân tộc lại rõ ràng hơn, phát triển nhanh hơn so với trước đây. Mâu thuẫn dân tộc hiện nay không chỉ biểu hiện ở mâu thuẫn giữa một dân tộc cụ thể với một đế quốc cụ thể mà trở thành mâu thuẫn phổ biến giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển, chủ yếu là một số cường quốc và siêu cường tư bản. Điều này rất có ý nghĩa khi chúng ta xem xét vấn đề tương lai của chủ nghĩa xã hội, một chế độ xã hội mang tính chất quốc tế sâu sắc nhất.

Toàn cầu hóa không chỉ đặt ra những thách thức mà còn tạo những cơ hội lớn để các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chiến lược “hội nhập” vào nền kinh tế thế giới, qua đó một mặt tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội ở trong nước, mặt khác để qua hợp tác quốc tế mà tranh thủ được các nguồn vốn đầu tư, khoa học - công nghệ từ các nước phát triển, thực hiện tư tưởng của Lênin là “mượn tiền đẻ” từ các nước tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bất cứ điều kiện nào, dưới hình thức phát triển nào thì toàn cầu hóa vẫn là trào lưu lịch sử tiến bộ mà không có nó (cả khi mang tính chất toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa), thì không có chủ nghĩa xã hội. Vì chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp mang tính chất quốc tế về bản chất. Việc quốc tế hóa cao độ đời sống xã hội, nhất là đời sống kinh tế việc tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc, việc thúc đẩy lực lượng sản xuất hiện đại phát triển trên phạm vi toàn cầu, đó là tiền đề và điều kiện tiên quyết để chủ nghĩa xã hội có thể thay thế chủ nghĩa tư bản. Sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa xã hội không phải là xóa bỏ toàn cầu hóa mà là làm thay đổi tính chất của toàn cầu hóa, từ kiểu toàn cầu hóa đầy mâu thuẫn, động lực chính là lợi nhuận tư bản chủ nghĩa, do tư bản độc quyền chi phối như hiện nay, sẽ chuyển thành một toàn cầu hóa công bằng, nhân đạo một toàn cầu hóa vì lợi ích của tất cả các dân tộc, vì lợi ích của loài người và của tất cả mọi người. Tương lai sẽ là toàn cầu hóa xã hội chủ nghĩa, toàn cầu hóa này vừa phát triển những giá trị toàn nhân loại, vừa giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của các dân tộc. Đó là toàn cầu hóa theo tinh thần chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

KẾT LUẬN

Có thể nói điều kiện khách quan cần có để chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi trên phạm vi toàn cầu, đó là chủ nghĩa tư bản chuyển sang thời kỳ “chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa”, cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa kinh tế. Đương nhiên, các điều kiện khách quan nói trên không chỉ có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa xã hội mà còn tạo ra nhiều thách thức lớn đối với chủ nghĩa xã hội. Vấn đề là ở chỗ, phải xem xét cơ hội và thách thức trong quan hệ biện chứng giữa cái chủ quan và cái khách quan. Cách mạng là quá trình tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức để thúc đẩy sự phát triển xã hội. Những điều kiện khách quan nói trên là cần nhưng chưa đủ để bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Tương lai của chủ nghĩa xã hội

còn đòi hỏi những sự phát triển của các điều kiện, nhân tố chủ quan: sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin sang giai đoạn mới; sự phục hồi và phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản; sự phát triển sang giai đoạn mới của chủ nghĩa quốc tế; việc các Đảng Cộng sản khắc phục được những sai lầm, yếu kém để trở thành những đảng Mác - Lênin “kiểu mới”, nắm được ngọn cờ lãnh đạo các phong trào cách mạng và tiến bộ. Đó là những điều kiện đủ để chủ nghĩa xã hội vượt qua khủng hoảng, phát triển tiến lên đi đến thắng lợi cuối cùng.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. *Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.*

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS, TS. Nguyễn Ngọc Long (2009), *Chủ nghĩa Mác-Lênin với vận mệnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội hiện thực*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. TS. Nguyễn An Ninh (2006), *Về triển vọng của chủ nghĩa xã hội trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà nội.
3. GS. Nguyễn Đức Bình (2007), *Những đặc điểm của thế giới đương đại*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. GS. Nguyễn Đức Bình (2008), *Vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. PGS,TS. Nguyễn Thanh Tuấn (2009), *C.Mác, V.I.Lênin với chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. PGS,TS. Đỗ Lộc Diệp (2003), *Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế, triển vọng*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nhà xuất bản CTQG, Hà Nội.

8. Trung tâm từ điển tiếng Việt, *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội, 1998.

Chuyên đề 3
NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Tổng kết 15 năm đổi mới., Đại hội IX (2001) đã xác định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức

kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ”⁴⁶.

Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, đã đang và sẽ là sự lựa chọn duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên để tiến đến được chủ nghĩa xã hội chúng ta còn phải trải qua nhiều chặng đường đầy gian lao và thử thách, đó là bước quá độ để Tổ quốc Việt Nam có thể sánh vai với các cường quốc hùng mạnh trên thế giới, để chúng ta tiến đến chế độ mới, chế độ Cộng sản chủ nghĩa. Nhưng để đạt được kết quả đó chúng ta còn rất nhiều công việc phải làm, bao nhiệm vụ phải hoàn tất. Con đường mà chúng ta đang đi đầy chông gai, đòi hỏi chúng ta phải có được phương hướng đúng đắn. Phải nêu được rõ nhiệm vụ cơ bản mà chúng ta cần làm. Để có thể làm được điều đó, chúng ta cần có nhận thức đúng đắn con đường quá độ để tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Từ khi chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào thì một số người cho rằng, con đường xã hội chủ nghĩa nước ta đã lựa chọn là trái với “*quá trình lịch sử - tự nhiên*”, nó không tất yếu và cũng không có khả năng thực hiện, nhất là trong điều kiện chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ.

Mặt khác, việc vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin để xác định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới ở nước ta cũng đang nảy sinh nhiều vấn đề mới, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để làm sáng tỏ con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Chính vì vậy, tôi chọn đề tài “*Nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta*” làm tài liệu tham khảo cho sinh viên các hệ đào tạo Đại học Cảnh sát nhân dân trong quá trình học tập và nghiên cứu môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa

1.1. Sự phát triển của các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử – tự nhiên

Xã hội loài người phát triển trải qua nhiều hình thái kinh tế – xã hội nối tiếp nhau từ thấp đến cao, mỗi hình thái kinh tế – xã hội biểu hiện như những nấc thang tiến bộ của xã hội. Đó là quá trình tự nhiên của sự phát triển lịch sử.

Trên cơ sở phát hiện ra các quy luật vận động phát triển khách quan của xã hội, C.Mác đã đi đến kết luận: “*Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên*”⁴⁷.

- Điều này đã được Lênin giải thích như sau: “Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được một cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”⁴⁸.

⁴⁶ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2001. Tr 84- 85.

⁴⁷ C.Mác- Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 23, tr 21.

⁴⁸ V.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, M, 1974, tập 1, Tr 163.

Tính lịch sử - tự nhiên của toàn nhân loại là sự vận động kế tiếp từ thấp đến cao của các hình thái kinh tế - xã hội: Công xã nguyên thủy - Chiếm hữu nô lệ - Phong kiến - Tư bản chủ nghĩa - Cộng sản chủ nghĩa.

Hình thái kinh tế - xã hội là một hệ thống, trong đó, các mặt không ngừng tác động qua lại lẫn nhau tạo thành các quy luật vận động, phát triển khách quan của xã hội. Đó là quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng và các quy luật xã hội khác. Chính sự tác động của các quy luật khách quan đó mà các hình thái kinh tế - xã hội vận động phát triển từ thấp đến cao.

Như vậy, nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của xã hội là ở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất đã quyết định, làm thay đổi quan hệ sản xuất. Đến lượt mình, quan hệ sản xuất thay đổi sẽ làm cho kiến trúc thượng tầng thay đổi theo, và do đó mà hình thái kinh tế - xã hội cũ được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn. Quá trình đó diễn ra một cách khách quan chứ không phải theo ý muốn chủ quan của con người.

Điều này cũng giải thích vì sao hình thái kinh tế - xã hội sau bao giờ cũng cao hơn hình thái kinh tế - xã hội trước (lực lượng sản xuất phát triển cao hơn trước)

Mục đích hoạt động của con người là nhằm thỏa mãn nhu cầu để tồn tại và phát triển. Muốn vậy con người phải sản xuất ra của cải vật chất. Trong quá trình sản xuất, lực lượng sản xuất không ngừng tiến đổi và phát triển. Từ đó làm cho quan hệ sản xuất trong biến đổi và tiến bộ. Sự biến đổi đó kéo theo sự biến đổi đi lên của cơ sở hạ tầng, đồng thời làm kiến trúc thượng tầng cũng biến đổi theo. Như vậy toàn bộ các yếu tố của hình thái kinh tế - xã hội biến đổi đi lên sẽ kéo theo sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội cũ bằng hình thái kinh tế - xã hội cao hơn thông qua cách mạng xã hội. Quá trình này liên tục diễn ra trong sự tồn tại của xã hội. Do đó, những hình thái kinh tế - xã hội liên tục được thay thế bởi hình thái cao hơn theo một quá trình tự nhiên trong lịch sử.

Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Các yếu tố cơ bản hợp thành một hình thái kinh tế - xã hội có quan hệ với nhau hình thành nên những quy luật phổ biến của xã hội. Chính do sự tác động của các quy luật đó mà các hình thái kinh tế - xã hội vận động, phát triển và thay thế nhau từ thấp đến cao như một quá trình lịch sử - tự nhiên.

+ *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:*

Trong các quy luật khách quan chi phối sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội thì quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất có vai trò quyết định nhất. Nó vừa bảo đảm tính kế thừa trong sự phát triển tiến lên của xã hội, vừa biểu hiện tính gián đoạn trong sự phát triển lịch sử.

Lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất và cách mạng nhất, là nội dung của phương thức sản xuất còn quan hệ sản xuất là yếu tố tương đối ổn định, là hình thức xã hội của phương thức sản xuất. Trong mỗi quan hệ với quan hệ sản xuất thì lực lượng sản xuất luôn giữ vai trò quyết định với quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất phát triển thì quan hệ sản xuất biến đổi theo cho phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp đó làm cho lực lượng sản xuất phát triển. Khi trình độ của lực lượng sản xuất phát triển đến mức nào đó sẽ mâu thuẫn với quan hệ sản xuất hiện có, đòi hỏi xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ để hình thành quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất đang phát triển làm cho phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới xuất hiện. Sự phát triển của lực lượng sản xuất từ

thấp đến cao qua các thời kỳ lịch sử khác nhau đã quyết định sự thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới cao hơn đưa loài người trải qua nhiều hình thái kinh tế - xã hội khác nhau từ thấp đến cao.

Quan hệ sản xuất tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất sẽ tạo địa bàn rộng lớn, trở thành động lực cơ bản thúc đẩy, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Khi quan hệ sản xuất đã lỗi thời, lạc hậu không còn phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngoài ra, “Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”⁴⁹.

+ *Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.*

Những quan hệ sản xuất của một xã hội cụ thể hợp thành cơ sở hạ tầng trên đó hình thành nên kiến trúc thượng tầng của xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử thì cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng có mối quan hệ biện chứng với nhau. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. Đó là quy luật phổ biến của mọi hình thái kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng của một xã hội nhất định như thế nào thì hệ thống tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học... và các quan hệ, các thể chế tương ứng với những tư tưởng ấy, cũng như vậy, cơ sở hạ tầng quyết định sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng. Sự biến đổi đó xảy ra trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội, cũng như từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, sự biến đổi đó thông qua cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp.

Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng được thể hiện trước hết ở chức năng chính trị của nó là nhằm bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng nảy sinh ra nó. Trong các bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng thì nhà nước giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tác động to lớn nhất và trực tiếp đối với cơ sở hạ tầng bởi vì nó là công cụ bạo lực tập trung trong tay sức mạnh chính trị - kinh tế của giai cấp thống trị.

Khi kiến trúc thượng tầng biến đổi, những nhân tố nào phù hợp với cơ sở hạ tầng sẽ thúc đẩy cơ sở hạ tầng nhanh chóng và ngược lại sẽ cản trở cơ sở hạ tầng phát triển nhưng tác dụng kìm hãm, cản trở chỉ là tạm thời.

Sự vận động thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử đều do sự tác động của các quy luật khách quan, đó là quá trình lịch sử - tự nhiên của xã hội không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Có những dân tộc lần lượt trải qua các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao, nhưng cũng có những dân tộc bỏ qua một hay một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó. Tuy nhiên, việc bỏ qua đó cũng diễn ra theo một quá trình lịch sử - tự nhiên chứ không phải theo ý muốn chủ quan.

Như vậy, sự tác động của các quy luật khách quan làm cho các hình thái kinh tế - xã hội phát triển thay thế nhau từ thấp đến cao - đó là con đường phát triển chung của nhân loại. Song, con đường phát triển của mỗi dân tộc không chỉ bị chi phối bởi các quy luật chung mà còn tác động bởi các điều kiện về tự nhiên, về chính trị, về truyền thống văn hóa, về điều kiện quốc tế...

Chính vì vậy, lịch sử phát triển của nhân loại hết sức phong phú, đa dạng. Mỗi dân tộc đều có nét độc đáo riêng trong lịch sử phát triển của mình. Có những dân tộc lần lượt

⁴⁹ Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, Tr. 57.

trải qua các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao nhưng cũng có những dân tộc bỏ qua một hay một số hình thái kinh tế - xã hội nào đó để tiến lên hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn. Tuy nhiên, việc bỏ qua đó cũng diễn ra theo một quá trình lịch sử - tự nhiên chứ không phải theo ý muốn chủ quan.

Do đó, nếu chúng ta xem xét ở phạm vi trong lịch sử toàn nhân loại thì lịch sử xã hội loài người đã phát triển qua một số hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Song do đặc điểm về lịch sử, về không gian và thời gian, không phải quốc gia nào cũng phải trải qua tất cả các hình thái kinh tế - xã hội có tính tuần tự từ thấp đến cao theo một sơ đồ chung.

Thực tế lịch sử chứng tỏ có nhiều quốc gia trong những điều kiện lịch sử nhất định đã phát triển tuần tự qua các hình thái kinh tế - xã hội: Công xã nguyên thủy – Chiếm hữu nô lệ – Phong kiến – Tư bản chủ nghĩa như: Ý, Pháp, Tây Ban Nha...; đồng thời một số quốc gia khác lại phát triển “bỏ qua” một hoặc một số phương thức sản xuất để chuyển lên phương thức sản xuất cao hơn. Lịch sử cho thấy chế độ phong kiến ra đời không phải từ chế độ chiếm hữu nô lệ ở các nước Nga, Ba Lan, Đức, hay ở Mỹ chế độ tư bản chủ nghĩa hình thành trong điều kiện xã hội không trải qua chế độ phong kiến... Như vậy: Cả phát triển tuần tự qua đủ các hình thái kinh tế - xã hội lẫn phát triển rút ngắn, bỏ qua một hoặc một số hình thái trong trường hợp nào đó đều là quá trình lịch sử - tự nhiên, xét theo những quy luật, và những điều kiện lịch sử cụ thể khách quan quy định. Tức là, nó vẫn là quá trình lịch sử - tự nhiên nhưng là quá trình lịch sử - tự nhiên đặc thù.

Một số nước không qua hình thái này hay hình thái khác là một sự thật lịch sử và là quá trình lịch sử - tự nhiên đối với quốc gia đó. Sở dĩ như vậy là vì sự vận động của xã hội diễn ra không đồng đều giữa các quốc gia, các vùng. Trong lịch sử thường xuất hiện những trung tâm phát triển cao hơn về sản xuất vật chất, về kỹ thuật hay về văn hóa, về chính trị... Sự giao lưu, xâm nhập tác động qua lại với các trung tâm đó làm xuất hiện khả năng một số nước đi sau có thể rút ngắn tiến trình lịch sử mà không lặp lại tuần tự các quá trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Lênin viết: “Tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó”⁵⁰.

Luận chứng về vấn đề “bỏ qua” này, Lênin đã trình bày khá rõ rệt, nhất là trên diễn đàn của *Đại hội II Quốc tế cộng sản* vào tháng 8-1920. Người viết: “Đối với dân tộc lạc hậu hiện nay đang trên con đường giải phóng và chiến tranh đã có một bước tiến bộ, mà khẳng định rằng nền kinh tế quốc dân của những dân tộc đó nhất định phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta có cho như vậy là đúng hay không? Chúng tôi cho rằng không đúng”. Tiếp đó, Người còn đề xuất một nhiệm vụ là, “phải xác định và chứng minh trên lý luận một nguyên tắc là: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xôviết và qua những giai đoạn phát triển nhất định tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”.

Cần phải hiểu khái niệm “bỏ qua” một cách cụ thể hơn: các nước lạc hậu có khả năng bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với ý nghĩa là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa chứ không phải là bỏ qua quá trình kinh tế mà chủ nghĩa tư bản đã trải qua. Nghĩa là, cần phân biệt xu hướng, phương hướng phát triển chung trong quá trình phát triển của nhân loại với con đường phát triển cụ thể, đặc thù của từng dân tộc, “bỏ qua”

⁵⁰ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, M, 1978, tập 45, Tr 431.

hay "không bỏ qua" cũng là con đường cụ thể để đi đến chủ nghĩa xã hội mà thôi. Nhưng dù con đường riêng, cụ thể ấy của từng dân tộc có nét đặc thù như thế nào chăng nữa thì sự phát triển đó cũng phải là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Chẳng hạn, phải hiểu sự "bỏ qua" là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nhưng không bỏ qua quá trình phát triển kinh tế mà chủ nghĩa tư bản đã đi qua, xét về tính chính thể của phép biện chứng của sự "bỏ qua" này.

Và C.Mác nêu lên một luận điểm rất quan trọng: “Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó,... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ”⁵¹.

Có người viện dẫn ý kiến này để nói rằng chính C.Mác đã phủ nhận khả năng bỏ qua các giai đoạn phát triển tự nhiên, do đó cũng phủ nhận con đường phát triển bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nào đó.

Hoàn toàn không đúng. C.Mác chỉ bác bỏ việc dùng ý chí hoặc sắc lệnh để nhảy qua một giai đoạn phát triển nào đó đang bị quy định bởi những điều kiện và quy luật khách quan xác định. Trái lại, khi đã xuất hiện những điều kiện khách quan mới thì việc nhảy qua một giai đoạn phát triển nào đó lại được đặt ra và có khả năng thực hiện, do đó có thể rút ngắn và làm dịu bớt những cơn đau đẻ.

Tóm lại, quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển xã hội chẳng những diễn ra bằng con đường phát triển tuần tự mà còn bao hàm cả sự bỏ qua trong những điều kiện lịch sử nhất định, một hoặc một vài hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tính tất yếu và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa

1.2.1. Thời kỳ quá độ và tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ là một thời kỳ cải biến xã hội sâu sắc, triệt để, toàn diện từ xã hội cũ sang xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Theo C.Mác, thời kỳ quá độ trước hết là một quá độ chính trị và thích ứng với bước quá độ chính trị đó, Nhà nước chỉ có thể là nhà nước của giai cấp công nhân, và nhân dân lao động nắm lấy quyền lực về tay mình sau khi đã lật đổ quyền thống trị của giai cấp tư sản. Quá độ chính trị này là hành vi lịch sử đầu tiên để giai cấp cách mạng thực hiện sự giải phóng chính trị và đi tới sự giải phóng về kinh tế, thông qua sức mạnh tất yếu của kinh tế mà cải biến các quan hệ xã hội khác, xây dựng các quan hệ xã hội mới, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng mới.

Theo Lênin, thời kỳ quá độ này bắt đầu từ khi giai cấp vô sản giành được chính quyền và kết thúc khi xây dựng xong về cơ bản cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội cả về lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, cả cơ sở kinh tế lẫn kiến trúc thượng tầng. Trong thời kỳ quá độ lại chia làm nhiều bước quá độ nhỏ, bao nhiêu bước là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng nước, song các nước càng lạc hậu mà đi lên chủ nghĩa xã hội thì thời kì "đau đẻ" càng kéo dài và càng chia làm nhiều bước quá độ nhỏ. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan đối với mọi nước đi lên chủ nghĩa xã hội do đặc điểm ra đời của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa và đặc điểm của cuộc cách mạng vô sản quy định. Cụ thể là, cuộc cách mạng vô sản khác với các cuộc cách mạng trước đó ở chỗ là các cuộc cách mạng trước đó khi giành được chính quyền là kết thúc cuộc cách mạng. Còn cuộc cách mạng vô sản giành được chính quyền mới chỉ là bước đầu mà vấn đề cơ bản hơn, chủ yếu hơn đó là phải xây dựng một xã hội mới, về mặt quan hệ sản xuất khác với bản chất của quan hệ sản xuất

⁵¹ C.Mác- Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 1993, tập 23, tr 21.

tư bản chủ nghĩa. Do đó phải cần có một thời gian tương đối lâu dài. Đó chính là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan đối với mọi nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng do đặc điểm cụ thể ở từng nước khác nhau dẫn đến cách thức con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng khác nhau. Cụ thể là đối với các nước đã trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mặc dù đã có cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản để lại nhưng đó vẫn chưa phải là cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Do đó đối với các nước này thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có tên gọi là thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Loại hình này phản ánh con đường phát triển tuần tự của lịch sử. Còn đối với các nước có nền kinh tế lạc hậu, thì theo chủ nghĩa Mác - Lênin, các nước này cũng có khả năng quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không cần trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây gọi là loại hình quá độ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Loại hình này phản ánh quy luật phát triển nhảy vọt của lịch sử. Nhưng theo Lênin, loại hình này phải có đầy đủ hai điều kiện sau:

+ Điều kiện khách quan: Theo V.I.Lênin, đó là phải có sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến đã hoặc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, giúp đỡ về mặt kỹ thuật, công nghệ, và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Điều kiện chủ quan: Giai cấp vô sản đã giành được chính quyền về tay giai cấp mình; Phải có Đảng Mác-xít - Lêninist lãnh đạo; Phải xây dựng được khối đoàn kết liên minh công - nông vững chắc.

1.2. 2. Nội dung và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Để thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội cần vận dụng triển khai về nội dung, các điều kiện và các hình thức của "định hướng xã hội chủ nghĩa" trên mọi lĩnh vực cụ thể của xã hội. Ở đây, chỉ đề cập trên ba lĩnh vực cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- Trên lĩnh vực chính trị: là tăng cường vai trò và hiệu lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, quản lý của Nhà nước để xây dựng chế độ chính trị của xã hội ta ngày càng thể hiện bản chất dân chủ XHCN, để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân qua các quyền dân chủ và quyền con người trong mọi lĩnh vực. Có nghĩa là không chệch hướng sang dân chủ tư sản, chủ nghĩa xã hội - dân chủ, vô chính phủ, dân chủ hình thức...

- Trên lĩnh vực kinh tế: là vận dụng đúng và có hiệu quả tốt các quan hệ, các quy luật kinh tế hiện nay ở nước ta và quốc tế, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường trong khuôn khổ pháp luật và chính sách kinh tế đã thể chế hoá đường lối kinh tế của Đảng; từng bước hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa phù hợp và tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo; quốc doanh và tập thể là nền tảng của nền kinh tế. Tất cả các thành quả kinh tế đều do sức lực và trí tuệ của nhân dân; và trên thực tế ngày càng nâng cao đời sống nhân dân. Có nghĩa là không tụt hậu về kinh tế, không chệch hướng sang kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

- Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội: là có đường lối, chính sách và cơ chế để tạo điều kiện cho toàn dân, trên cơ sở ổn định, phát triển về chính trị, kinh tế mà được tự do sáng tạo và hưởng thụ đúng mức các thành quả trong đời sống vật chất và tinh thần (ăn, ở, mặc, học hành, bảo vệ và tăng cường sức khoẻ, văn hoá nghệ thuật ...). Công bằng xã hội chủ yếu dựa trên nguyên tắc "phân phối theo lao động", đồng thời đáp ứng những nhu cầu chính đáng của "các đối tượng chính sách xã hội", từng bước tạo môi trường xã hội lành mạnh trong quan hệ giữa người với người về mọi mặt. Có nghĩa là xây dựng được nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với định hướng

chính trị, kinh tế, định hướng đúng về văn hoá sẽ góp phần vào thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, thể hiện trên thực tế là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Nhận thức của Đảng cộng sản Việt Nam về con đường quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta

2.1. Tính hợp quy luật của việc lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của nước ta

Sau khi xây dựng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác đã vận dụng học thuyết đó vào phân tích xã hội tư bản, vạch ra các quy luật cơ bản vận động, phát triển của xã hội đó và đã đi đến dự báo về sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cao hơn, hình thái cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội đã hình thành và phát triển từ sau cách mạng tháng Mười Nga (1917). Khi đó, chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo mô hình kế hoạch hóa tập trung. Mô hình đó đã phát huy vai trò tích cực trong một giai đoạn lịch sử nhất định, nhưng đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX đã rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng, dẫn đến chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

Trước sự đổ vỡ, khủng hoảng đó của các nước xã hội chủ nghĩa, một số người cho rằng tốt hơn cả là đi con đường tư bản chủ nghĩa, dựa hẳn vào chủ nghĩa tư bản. Từ đó, có quan điểm khẳng định chủ nghĩa tư bản là vĩnh viễn và phủ nhận chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta có thể khẳng định rằng: *Việc lựa chọn con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của nước ta hợp quy luật và là quá trình lịch sử - tự nhiên.*

Bởi vì:

Trước hết, sự tan vỡ của Liên Xô cuối năm 1991 bắt nguồn từ *nguyên nhân sâu xa* là trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, bên cạnh những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, đã có những nhược điểm và khuyết điểm to lớn chậm được phát hiện và khắc phục, gây ra tình trạng trì trệ về kinh tế - xã hội rồi đi tới khủng hoảng. Đồng thời có 2 *nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu* sau đây:

Một là, trong cải tổ, Đảng cộng sản Liên Xô đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức, thể hiện trước hết ở những người lãnh đạo cao nhất.

Hai là, chủ nghĩa đế quốc đã can thiệp toàn diện vừa tinh vi vừa trắng trợn, thực hiện được “Diễn biến hòa bình” trong nội bộ Liên Xô.

Cho nên, khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô chỉ bác bỏ chủ nghĩa xã hội theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, chứ không phải bác bỏ chủ nghĩa xã hội với tích cách xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Chính sự khủng hoảng đó giúp cho chúng ta nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nếu như cách mạng công nghiệp thế giới thế kỷ XVIII - XIX đã quyết định thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với phong kiến, thì cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang tạo ra những tiền đề vật chất để thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, Chủ nghĩa tư bản là chế độ đã lỗi thời về mặt lịch sử, sớm hay muộn cũng phải thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, với những cố gắng thích nghi với tình hình mới, chủ nghĩa tư bản vẫn không thoát khỏi mâu thuẫn nan giải ngày càng phát triển gay gắt và sâu sắc hơn do chính bản thân phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa tạo ra.

Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của loài người, không phải là giải pháp có thể giải quyết những vấn đề lớn đang đặt ra trước loài người. Và lại, để đạt đến trình độ phát triển như hiện nay, chủ nghĩa tư bản đã phải trải qua lịch sử mấy trăm năm với sự bóc lột thậm tệ những người lao động, với những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các quốc gia và xâm lược, cướp bóc các dân tộc thuộc địa. Chẳng lẽ chúng ta cũng đi theo con đường đầy tội ác, phản nhân dân ấy, cũng lập lại tất cả những gì mà chủ nghĩa tư bản đã làm?

Hơn nữa, trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay có khoảng gần 200 nước, chỉ có một số ít nước trải qua hàng mấy trăm năm, phát triển ở trình độ cao; còn hơn 100 nước đi theo chủ nghĩa tư bản nhưng vẫn là nước chậm phát triển, thậm chí có nhiều nước sống trong đói khổ.

Mặt khác, nhân dân Việt Nam đã từng sống cơ cực dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, thấy rất rõ bản chất của mô hình phát triển theo chủ nghĩa tư bản phương Tây. Sau khi tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và biết bao hy sinh để giành lại nền độc lập, xóa bỏ ách áp bức của tư bản thực dân, nhân dân ta không thể chấp nhận chế độ xã hội bất công đã từng phải chịu đựng. Do đó, nhân dân ta quyết tâm đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một quá trình lịch sử - tự nhiên đặc thù.

Song việc “bỏ qua” giai đoạn tư bản chủ nghĩa của sự phát triển lịch sử phải hội tụ đủ cả điều kiện khách quan cho phép và điều kiện của nhân tố chủ quan của mỗi nước đã chín muồi.

Tuy nhiên song không hiểu "bỏ qua" một cách máy móc, giản đơn, mà phải có quan điểm toàn diện, lịch sử- cụ thể và phát triển.

Sự quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở nước ta như một quá trình lịch sử - tự nhiên vì:

Chủ nghĩa xã hội không phải mong muốn chủ quan, không tưởng, mà xuất phát từ những nhận thức sâu sắc về xu thế tất yếu của thời đại, về những quy luật, điều kiện khách quan và chủ quan để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”⁵².

Đảng ta khẳng định: Tiến lên chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại ngày nay⁵³. Xu thế này nằm ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản đương đại. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Xu thế quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là khả năng khách quan, mà đã và đang trở thành hiện thực, mặc dù nó đang gặp phải những khó khăn to lớn trên con đường phát triển, thậm chí cả những bước thụt lùi cũng là điều khó tránh khỏi. Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Những mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản, nhất là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, chẳng những không giải quyết được mà ngày càng trở nên sâu sắc. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

⁵² Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

⁵³ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia, HN 2001. Tr 65.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo... Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các quốc gia, dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”⁵⁴.

Và mô hình “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”⁵⁵.

Đảng ta đã nhấn mạnh: Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen. Chúng ta có nhiều thuận lợi cơ bản: có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng; cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁵⁶. Đó là con đường lịch sử - tự nhiên mà qua thực tiễn cách mạng, Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn.

⁵⁴ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

⁵⁵ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

⁵⁶ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

2.2. Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta

2.2.1. Những nhận thức sai lầm về quá độ lên nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất Tổ quốc, chúng ta cho rằng chúng ta có khả năng sớm và dễ dàng khắc phục hậu quả của chiến tranh... Nhưng sự khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80- 85 đã làm cho chúng ta bừng tỉnh và giúp chúng ta gạt bỏ dần những nhận thức ấu trĩ về con đường phát triển, đặc biệt là những nhận thức sai lầm trước đây. *Một trong những nhận thức sai lầm là quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.* Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta tưởng có ngay chủ nghĩa xã hội đích thực; thắng đế quốc, thực dân được thì thắng nghèo nàn, lạc hậu cũng chỉ là vấn đề thời gian, không phải suy nghĩ, không hề khó khăn; rằng chúng ta có thể dễ dàng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Có thể nói nhận thức này về sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội là chủ quan, duy ý chí.

Điều đó thể hiện trên một số điểm sau:

Thứ nhất, quan niệm bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội được hiểu là bỏ qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, bỏ qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và bỏ qua một cách dễ dàng cả quan hệ sản xuất lẫn lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Đương nhiên, cả về lý luận lẫn thực tiễn, quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên của xã hội cũng bao hàm cả sự bỏ qua một hoặc một vài hình thái kinh tế - xã hội nhất định trong những hoàn cảnh lịch sử- cụ thể. Song sự bỏ qua đó phải có những điều kiện nhất định, cả về chủ quan lẫn khách quan.

Đối với nước ta, xây dựng chủ nghĩa xã hội từ xuất phát điểm là một nước lạc hậu, thuộc địa nửa phong kiến lại chịu hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh ác liệt, kéo dài, nếu chỉ bằng nguyện vọng, tình cảm chân thành, bằng những chủ trương duy ý chí, xa rời thực tiễn và những lời khuyên răn đạo đức thì mục tiêu, lý tưởng tốt đẹp sẽ khó thành hiện thực. Tình trạng đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, triền miên - đó chính là cái giá mà chúng ta phải trả cho những nhận thức và hành động chủ quan, duy ý chí đó.

Thứ hai, từ thực tế khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta đã đi đến nhận thức là: chúng ta chỉ có thể bỏ qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, còn vẫn phải phát triển lực lượng sản xuất như chủ nghĩa tư bản đã tiến hành.

So với nhận thức trước đây thì quan niệm này có “duy vật” hơn nhưng vẫn chưa biện chứng, chưa thực tế. Bởi theo quan điểm duy vật biện chứng, mặc cho quan hệ sản xuất có tính độc lập tương đối nhưng lực lượng sản xuất vẫn là yếu tố mà suy đến cùng quyết định kiểu quan hệ sản xuất tương ứng với nó (quan hệ sản xuất phải nhất thiết phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất). Không thể có sự phát triển lực lượng sản xuất một đàng lại xây dựng quan hệ sản xuất một nẻo.

Với quan niệm như vậy, nên trên thực tế, chúng ta chỉ duy trì và phát triển hai thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế hợp tác xã trong cơ chế tập trung quan liêu mà kết cục đất nước vẫn rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Thứ ba, từ trong thực tế, từ việc tổng kết thực tiễn, chúng ta lại đi đến một quan niệm khác rằng: Bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội là bỏ qua thời kỳ thống trị của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thực ra, đây vẫn là quan niệm không có gì mới so với quan niệm của Đảng ta được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại hội VII (1991). Đây chỉ là cách diễn đạt khác về một vấn đề vốn chưa có lời giải. Bỏ qua thời kỳ thống trị của chế độ tư bản chủ nghĩa, có nghĩa là vẫn duy trì chế độ tư bản chủ nghĩa chỉ không cho nó cái quyền thống trị.

Sự diễn đạt này vẫn chưa lượng hóa được nội dung về sự bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là gì? Do đó, lý luận vẫn chưa đem lại sự mở đường cho thực tiễn phát triển.

2.2.2. Nhận thức đúng đắn về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội "bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta

Nhận thức là một quá trình. Thông qua hoạt động thực tiễn, những yêu cầu và những đòi hỏi của cuộc sống nảy sinh và cùng với đó những phương thức để giải quyết yêu cầu cũng xuất hiện. Điều đó đòi hỏi người cách mạng cũng phải nhận thức và triệt để lợi dụng.

Trên cơ sở những bài học thành công và chưa thành công, để khắc phục những nhận thức chưa đúng đó, Đảng ta đã đưa ra nhận thức mới đúng đắn hơn, khoa học hơn về quan niệm "bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Một là, *"bỏ qua" chế độ tư bản chủ nghĩa phải tôn trọng quá trình lịch sử - tự nhiên, tức là quá trình phát triển kinh tế; không thể nóng vội hay chủ quan, duy ý chí với quá trình này.*

Một thời gian không ngắn, chúng ta đã từng hiểu "bỏ qua" một cách chủ quan, duy ý chí theo nghĩa đốt cháy giai đoạn, vô hình chung đã vi phạm quy luật của quá trình lịch sử - tự nhiên. Chúng ta cũng đã xem nhẹ, thậm chí nhiều lúc phủ nhận trên thực tế sự tồn tại khách quan của thời kỳ quá độ, "chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường,... muốn bỏ qua những bước đi cần thiết"⁵⁷.

Cần phải hiểu, sự quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta mang tính chất gián tiếp chứ không phải trực tiếp, bởi điểm xuất phát của ta là từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, với nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, nếu nói tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì cũng không thể hiểu là, tất cả mọi hình thức và biện pháp của thời kỳ quá độ đều phải và phải có ngay lập tức tính chất và nội dung thuần túy chủ nghĩa xã hội. Nói "tiến thẳng" có nghĩa là, trong thực tiễn phải bao hàm cả bước "quanh co", "quá độ", "trung gian" như Lênin đã nói, và có nghĩa là, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội thống trị. Chính đặc điểm này quy định tính gián tiếp của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều đó về nội dung bên trong là "sự phát triển rút ngắn", nhưng tuyệt nhiên không phải là đốt cháy giai đoạn, vi phạm quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên, mà "rút ngắn" ở đây chính là sự đẩy nhanh tương đối quá trình phát triển, nhất là tăng trưởng kinh tế.

Hai là, *"bỏ qua" nhưng không thể bỏ qua những khâu trung gian, những hình thức quá độ.*

Sự "quá độ", "bỏ qua" chính là bỏ qua bằng các khâu trung gian. Nói cách khác, đó là sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một xã hội nông nghiệp, phổ biến là sản xuất nhỏ phải trải qua một loạt các khâu trung gian, những hình thức quá độ. Lênin chỉ rõ: "Chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách trung gian cần thiết để chuyển từ những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội. Đó là

⁵⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr.19.

máu chốt của vấn đề"⁵⁸. Vấn đề này, Người tiếp tục nói rõ hơn: "Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là *phòng chò đi vào* chủ nghĩa xã hội, là nấc thang lịch sử mà giữa nó (nấc thang đó) với nấc thang được gọi là chủ nghĩa xã hội thì *không có một nấc thang nào ở giữa cả*".

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã khẳng định, trên thức tế nước ta tồn tại cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và "phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn"⁵⁹. Tiếp tục tư tưởng đó, sau này trong nhiều nghị quyết, Đảng ta nhất quán một quan điểm xuyên suốt: phát triển kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài có tính quy luật từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội. Nếu ngược trở lại lịch sử, tư tưởng này cũng chính là sự tiếp tục tư tưởng của Lênin trong việc phát hiện những nấc thang trung gian, tìm cách bắc những "chiếc cầu nhỏ" nối tiếp trên con đường quá độ: "Vậy thì, danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế có phải có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có".

Quá độ từ một xã hội tiền tư bản lên xã hội chủ nghĩa, tất yếu phải phát huy vai trò tích cực của kinh tế nhiều thành phần trong việc làm tăng sức sống và sự năng động của nền kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất. Phát triển các quan hệ hàng hoá - tiền tệ và tự do buôn bán nhất định sẽ nảy sinh khuynh hướng đi theo chủ nghĩa tư bản. Vì vậy, ở đây, Nhà nước không thể không có sự hướng dẫn, kiểm soát nó, mà phải có cơ chế chính sách điều tiết nền kinh tế cá thể và tư bản tư nhân phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy, chúng ta không thể không "lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên", như Lênin đã căn dặn. Đối với kinh tế cá thể của những người nông dân, thợ thủ công, tiểu thương... thì phải hướng họ vào con đường hợp tác bằng những hình thức, bước đi thích hợp, từ thấp tới cao.

Ba là, "*bỏ qua*" nhưng không thể bỏ qua những tính quy luật chung của quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

Suốt một thời gian dài, do cách hiểu đồng nhất chủ nghĩa tư bản với sản xuất hàng hoá nên khi nói bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thì chúng ta bỏ qua luôn cả sản xuất hàng hoá, thành kiến với quan hệ sản xuất hàng hoá, thành kiến với quan hệ hàng hoá - tiền tệ, thậm chí còn kỳ thị với quy luật giá trị.

Chúng ta đều biết, để chuyển nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã phải giải quyết vấn đề cơ bản là: phát triển hàng hoá, tiến hành cách mạng kỹ thuật theo sự phát triển biên chứng của kỹ thuật - hiệp tác giản đơn, công trường thủ công đến đại công nghiệp cơ khí - để chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, mở rộng giao lưu quốc tế, khắc phục tâm lý sản xuất nhỏ và tư tưởng phong kiến,... Nước ta từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, mà xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng chế độ chính trị - xã hội mới trên cơ sở kinh tế phát triển, do đó phải xây dựng một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không thể không giải quyết những vấn đề nêu trên, tất nhiên trong điều kiện mới và với chủ thể mới. Đã xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì không thể không phát triển kinh tế hàng hoá gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội. Đã thừa nhận quan hệ hàng hoá - tiền tệ thì không thể không thừa nhận sự tồn tại khách quan của thị trường với cả mặt

⁵⁸ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, t43, tr.274.

⁵⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự Thật, HN, 1987, tr.57.

tốt và mặt tiêu cực của nó. Vì vậy chúng ta thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nhằm phát hiện thêm mặt tốt và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế này và hướng đất nước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Và thực tiễn những năm qua, đã và đang cho thấy rõ hiệu quả định hướng và phương thức mà chúng ta thực hiện.

Bốn là, *"bỏ qua" nhưng phải kế thừa và sử dụng chủ nghĩa tư bản.*

Thực chất đó là sử dụng những thành tựu nhiều mặt của xã hội loài người mà chủ nghĩa tư bản với địa vị lịch sử của mình dường như là chủ thể tạo ra những thành tựu đó. Do đó, khi nói sử dụng chủ nghĩa tư bản là hiểu theo tinh thần đó tức là sử dụng thành tựu của xã hội loài người có lựa chọn có lợi cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đây là vấn đề rất quan trọng đối với các nước đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Ở những nước này, muốn thành công thì không thể không sử dụng chủ nghĩa tư bản, phải kết hợp với một số yếu tố của chủ nghĩa tư bản. "Bỏ qua" giai đoạn tư bản chủ nghĩa, nhưng chính là sử dụng chủ nghĩa tư bản một cách chủ động và tự giác, trong điều kiện mới - điều kiện có Nhà nước xã hội chủ nghĩa và với chủ thể mới là nhân dân lao động.

Định hướng và tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội tất yếu phải kế thừa và sử dụng lực lượng sản xuất do nhân loại tạo ra trong điều kiện của xã hội tư bản chủ nghĩa, chẳng hạn, đó là thành tựu khoa học, kỹ thuật, và công nghệ - môi trường; là cơ chế thị trường với nhiều hình thức cụ thể tác động vào quá trình phát triển kinh tế cả về mặt tích cực và mặt tiêu cực của nó. Cố nhiên, như vậy không có nghĩa là lặp lại hoàn toàn quá trình phát triển lực lượng sản xuất của xã hội tư bản chủ nghĩa, mà là rút ngắn quá trình phát triển của lực lượng sản xuất trong lịch sử.

Ở nước ta, lực lượng sản xuất phát triển theo hai con đường: tuần tự (từ thủ công đến nửa cơ khí rồi cơ khí) và nhảy vọt theo lối đi tắt đón đầu (từ thủ công tới cơ khí hiện đại) trong một thời gian ngắn, thậm chí rất ngắn. Đó chính là thực hiện "bỏ qua" đối với lực lượng sản xuất. Còn đối với quan hệ sản xuất, thì "bỏ qua" là bỏ qua quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với tư cách là quan hệ sản xuất giữ vai trò thống trị trong toàn xã hội, chứ không phải là xoá sạch các hình thức kinh tế của chủ nghĩa tư bản ngay trong thời kỳ quá độ.

Về kiến trúc thượng tầng của chủ nghĩa tư bản, cũng không phải chỉ có "bỏ qua" mà không có kế thừa có chọn lọc. Chúng ta phải hiểu rằng, khi nói đập tan Nhà nước tư sản là đập tan bộ máy thống trị của giai cấp tư sản, xoá bỏ bản chất tư sản của Nhà nước đó. Còn những thành quả phát triển lâu dài và nhất là những yếu tố nhằm tăng trưởng kinh tế của Nhà nước đó thì phải được kế thừa sử dụng trong quá trình thiết lập, củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Thí dụ: phải sử dụng một số nhân viên Nhà nước cũ, sử dụng một số hình thức dân chủ tiến bộ hơn so với thiết chế phong kiến, kế thừa những kinh nghiệm quản lý Nhà nước của nó... Nói một cách khác, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, "không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn Nhà nước pháp quyền tư sản nhưng không có giai cấp tư sản".

Từ những luận giải nêu trên, có thể khẳng định rằng, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong thời đại ngày nay là hoàn toàn hợp với quy luật. Rằng, khi nói "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" là bỏ qua chủ nghĩa tư bản với tính chất là một chế độ, một hình thái kinh tế - xã hội thống trị, chứ không phải là bỏ qua tất cả những gì của chủ nghĩa tư bản, liên quan tới chủ nghĩa tư bản và do nó tạo ra mà thực chất là những thành tựu của xã hội loài người. Rằng, "bỏ qua" không có nghĩa là không lặp lại một số yếu tố và hình thức nào đó của chủ nghĩa tư bản, song

cũng không có nghĩa là lặp lại hoàn toàn nó, dù chỉ trong thời gian ngắn. *Đó là biện chứng của sự "bỏ qua" trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Chính vì vậy, tổng kết 15 năm đổi mới., Đại hội IX (2001) đã xác định: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ”⁶⁰.

Theo tinh thần Đại hội IX, quan niệm về con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cần được hiểu với 3 nội dung chủ yếu sau:

➤ *Một là, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.*

Điều đó có nghĩa là, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, quan hệ bóc lột vẫn còn nhưng nó không phải và tuyệt nhiên không phải là quan hệ thống trị. Điều này hoàn toàn đúng cả về mặt lý luận, cả về mặt thực tiễn. Rằng với nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước thì đương nhiên, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, quan hệ bóc lột tư bản chủ nghĩa vẫn còn.

Song, do thành phần kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, nên quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể trở thành quan hệ sản xuất thống trị được, mà trái lại, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ngày càng được củng cố và ngày càng xác lập vị trí thống trị của mình.

➤ *Hai là, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.*

Điều đó có nghĩa là, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại những giai tầng khác nhau, thậm chí có thể có cả giai cấp tư sản, song không thể để hệ tư tưởng tư sản thống trị, không thể thừa nhận chuyên chính tư sản, càng không thể tiếp tục duy trì bộ máy quan liêu, bộ máy cưỡng chế tư bản chủ nghĩa.

Song trên thực tế, còn có sự thừa nhận pháp quyền tư sản và trong một chừng mực nhất định, chúng ta vẫn thừa nhận nguyên tắc tổ chức, kinh nghiệm quản lý bộ máy nhà nước pháp quyền nhưng không thừa nhận Nhà nước tư sản...

➤ *Ba là, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nhưng phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.*

Thực ra, nhân loại đã sáng tạo ra cả một nền văn hóa, văn minh nhân loại, nhưng qua mỗi thời kỳ, mỗi quá trình, giai cấp đứng ở vị trí trung tâm của sự phát triển lại đặt dấu ấn của mình, đã “chạm khắc” vào những thành tựu chung ấy. Giai cấp tư sản cũng

⁶⁰ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị quốc gia, HN 2001. Tr 84- 85.

không nằm ngoài quy luật chung đó. Xét về một phương diện nào đó, giai cấp tư sản cũng có công nhất định trong lịch sử tiến hóa của nhân loại. Song tất cả những thành tựu có được trong chủ nghĩa tư bản, đương nhiên không chỉ là riêng có của chủ nghĩa tư bản, của riêng giai cấp tư sản mà là của cả nhân loại, trong đó có giai cấp vô sản.

Bởi vậy, đã là di sản văn hóa của nhân loại, chúng ta tuyệt đối không được quay lưng lại, thậm chí ngay cả những gì cho dù là của riêng văn minh tư sản, thì cũng không cho phép chúng ta quay lưng lại mà phải biết tiếp thu, kế thừa.

Không bao giờ chúng ta được phép quên lời dặn của C.Mác và Ph.Ăngghen: *Đừng vì căm ghét chủ nghĩa tư bản mà khi hết chậu nước dơ, lại hết luôn cả đĩa trẻ vừa được tắm gội sạch sẽ. Những kinh nghiệm quản lý, vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là khoa học- công nghệ mà nhân loại đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản nhất thiết phải được tiếp thu và kế thừa để tăng thêm sức mạnh nội lực cho đổi mới và phát triển.*

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ⁶¹.

3. Khả năng thực hiện con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa của nước ta

Chúng ta hoàn toàn có thể thực hiện con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa vì những căn cứ sau đây:

3.1. Xét về phương diện chính trị

- Ngay trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam đã nêu rõ: *“Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản”*. Và từ năm 1930 đến nay, phong trào cách mạng Việt Nam phải trải qua các thời kỳ khác nhau đã trở thành một phong trào hiện thực quyết xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội không chấp nhận chế độ tư bản chủ nghĩa.

+ *Đó là sự lựa chọn chính trị tự nguyện của tuyệt đại bộ phận nhân dân và các dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, phù hợp với quan điểm cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin.*

Sự lựa chọn này chẳng những là việc khẳng định dứt khoát mục tiêu lý tưởng của những người cộng sản, khẳng định phương hướng phát triển của đất nước, mà còn là cả vấn đề trân trọng quá khứ, thừa nhận công lao của thế hệ ông cha đi trước.

Đại hội VII của Đảng xem: *Đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, phản ánh đúng quy luật khách quan của cách mạng nước ta trong thời đại ngày nay.*

Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa thêm một bước cho phù hợp với thực tế sau 15 năm đổi mới: *“Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh”*⁶².

⁶¹ Xem: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

⁶² ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị quốc gia, HN 2001. Tr 83

+ Với những thành quả lịch sử như cách mạng tháng Tám 1945, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, *nhân dân ta đã nêu lên một nguyên lý mới của thời đại là: Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại tại vùng ngoại vi trước khi nó bị đánh bại tại chính quê hương của nó.*

+ Sau những trận thử sức này, hơn ai hết nhân dân Việt Nam hiểu rõ thực chất của chủ nghĩa tư bản nên không thể không tìm kiếm con đường phát triển đất nước bỏ qua chế độ đó. Bao nhiêu thành quả cách mạng giành được bằng xương máu của nhiều thế hệ người Việt Nam không thể đem trao vào tay những lực lượng đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, để rồi tự mình quay lại thân phận những người bị áp bức, bóc lột.

+ Sau hơn 80 năm tôi luyện và thử thách, khuynh hướng chính trị bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội đã trở thành một sức mạnh vật chất bám rễ sâu trong xã hội Việt Nam.

- Yếu tố chính trị này có vai trò quyết định trong việc thu hút và chuyển hóa nhân tố thời đại thành nguồn lực bên trong để xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngay cả trong điều kiện không còn chế độ xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô.

Nói khác đi, trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, cái tất yếu chính trị giữ vị trí hàng đầu, nhưng xét đến cùng, xét trên quy mô thời đại thì nhân tố chính trị này cũng bắt nguồn từ nguyên nhân kinh tế. Cái tất yếu chính trị ấy sẽ thúc đẩy sự ra đời những cơ sở kinh tế của chế độ mới ở nước ta.

Phải chăng con đường phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của nước ta chỉ có tiền đề chính trị, thiếu hoặc chưa có tiền đề kinh tế?

3.2. Xét về phương diện kinh tế

- Vấn đề tiền đề kinh tế cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần hiểu đúng và không máy móc. Các nhà kinh điển nói về tiền đề này không cứng nhắc như có người từng nghĩ. Khi nhận định về tiền đề kinh tế trong sự hình thành ngay chủ nghĩa tư bản đã không thể máy móc.

Lênin viết: “Vào vào có là nền kinh tế nhân dân ở nước ta lạc hậu về kỹ thuật... để đem đổi lập... với chủ nghĩa tư bản... là hoàn toàn phi lý, bởi vì chủ nghĩa tư bản tồn tại cả khi kỹ thuật còn kém phát triển cũng như kỹ thuật phát triển đến cao độ. Mác đã nhiều lần nhấn mạnh trong bộ “Tư bản” rằng tư bản thoát đầu buộc nền sản xuất mà nó gặp, phải phục tùng nó, và chỉ sau đó, nó mới cải tạo nền sản xuất này về mặt kỹ thuật”⁶³.

Ví dụ: Chủ nghĩa tư bản đã ra đời và tồn tại trong trình độ hiệp tác giản đơn và công trường thủ công. Chỉ về sau, nó mới có thể tạo ra lực lượng sản xuất phát triển cao là đại công nghiệp cơ khí dựa trên nguồn động lực là máy hơi nước.

Có gì ngăn cản chúng ta vận dụng kinh nghiệm này vào con đường phát triển “bỏ qua” ở nước ta? Theo Lênin, không ai lại chờ đợi lịch sử cho ra đời một chủ nghĩa xã hội “hoàn bị”, một cách trơn tru, lạng lẽ, dễ dàng và đơn giản.

- Những cơ sở kinh tế, kỹ thuật và tài nguyên quốc gia mà chúng ta giành lại được quyền làm chủ từ tay các thế lực xâm lược, cùng với những gì đã xây dựng do sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng như thành tựu đạt được trong công

⁶³ V.I.Lênin toàn tập. Nxb Tiến Bộ, M, 1974, tập 1, trang 575.

cuộc đổi mới hiện nay và sau này là những tiền đề kinh tế, kỹ thuật cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta.

+ Hơn nữa, thành tựu của công cuộc đổi mới những năm qua trong điều kiện quốc tế không thuận lợi càng nói lên tính tất yếu và khả năng phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

+ Bằng một nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, chúng ta từng bước giải phóng sức sản xuất, phát huy các động lực, đạt hiệu quả kinh tế cao hơn và cải thiện đời sống nhân dân.

+ Bằng cách chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng kinh tế đối ngoại, nền kinh tế nước ta đã đạt mức tăng trưởng nhiều năm liền. Điều đó chứng tỏ chúng ta có khả năng kế thừa kinh nghiệm thế giới, nhưng thực hiện theo định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

+ Khả năng phát triển kinh tế của nước ta cũng đang đứng trước những điều kiện mới, cơ hội mới. Ngày nay, cùng với ý chí độc lập, tự lực tự cường- qua bao kinh nghiệm lịch sử- được phát huy cao độ và những đường lối đối ngoại đúng đắn, chúng ta đã nhận được sự hợp tác có hiệu quả với nhiều quốc gia trên thế giới.

- Những yếu tố quốc tế đang tạo cơ hội cho nước ta phát triển, đồng thời cũng buộc chúng ta phải đối phó với sự cạnh tranh quyết liệt (thách thức):

+ Cơ hội lớn được tạo ra bởi những nhân tố chủ yếu sau đây:

- Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 25 năm đổi mới làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều.

- Cơ sở vật chất- kỹ thuật được tăng cường.

- Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động.

- Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp.

- Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định.

- Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH.

+ *Thách thức*: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI: “Những thành tựu, kinh nghiệm của 25 năm đổi mới (1986 - 2011) đã tạo ra cho đất nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Năm năm tới là giai đoạn kinh tế nước ta sẽ phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm; sẽ thực hiện nhiều hơn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; khắc phục những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng,

đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có những diễn biến phức tạp”⁶⁴. Như vậy, 04 nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ là: *Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, “diễn biến hòa bình”* do các thế lực thù địch gây ra đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Trong đó điều cần nhấn mạnh là:

Nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, Đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, gây bất bình và giảm lòng tin trong nhân dân.

Tất nhiên, những khả năng thực tế đã phân tích ở trên trở thành hiện thực đến mức nào là do chúng ta quyết định. Trước mắt chúng ta là thời cơ lớn, đồng thời cũng có nhiều nguy cơ phải đẩy lùi và vượt qua. Do đó, vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta là phải nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, nỗ lực phấn đấu, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới.

Trong lịch sử, Đảng và dân tộc ta biết nắm bắt và tận dụng thời cơ, đẩy lùi và khắc phục nguy cơ, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên phía trước. Phát huy những truyền thống và chiến thắng vẻ vang trong thế kỷ XX, Đảng và nhân dân ta nhất định giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong thế kỷ XXI, đưa nước ta vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Đảng ta khẳng định quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, đó là sự hội tụ ý chí của một dân tộc anh hùng, cần cù, thông minh, sáng tạo; có sự lãnh đạo của Đảng; có Nhà nước của dân, do dân và vì dân là những nhân tố chủ quan biến những điều kiện bên trong và bên ngoài thành sức mạnh nội lực cho sự phát triển của đất nước.

Một là, kế thừa truyền thống và những kinh nghiệm cách mạng đã tích lũy, trải qua thế nghiệm tìm tòi, qua việc phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, Đảng đã xây dựng được đường lối đổi mới đúng đắn, hình thành được những nét chủ yếu quan niệm về XH XH chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và con đường xây dựng chủ nghĩa XH ở nước ta.

Công cuộc đổi mới do Đảng chủ trương và tổ chức thực hiện những năm qua đã thu được thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, đất nước đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng KT- XH, để từng bước vượt qua nước nghèo, tiến lên giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Hai là, đội ngũ cán bộ, Đảng viên của Đảng tuy có một bộ phận thoái hóa biến chất, giảm ý chí chiến đấu nhưng số đông vẫn là người trung thành với sự nghiệp cách mạng, nhất trí với đường lối của Đảng, có ý chí biến đường lối đó thành hiện thực.

Nhiều người đã phải trải qua rèn luyện gian khổ mấy chục năm chiến đấu, gắn bó cuộc đời với Đảng, với dân tộc và chế độ. Điều quan trọng là Đảng ta đoàn kết

⁶⁴ Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011.

trung thành với sự nghiệp cách mạng, vững vàng về chính trị, có khả năng lãnh đạo đất nước, đối phó với những khó khăn, thử thách.

Ba là, nhân dân ta rất cách mạng, có lòng yêu nước, gắn bó với chế độ, với Đảng. Qua các sự kiện diễn ra ở một số nước, nhiều người thấy rõ, đi theo con đường của các nước đó thì thành quả cách mạng sẽ bị xóa sạch, đất nước sẽ rối loạn, quyền làm chủ của nhân dân sẽ mất, cuộc sống của bản thân, gia đình họ sẽ bị uy hiếp.

Việt Nam là một nước có hơn 86 triệu dân, nhân lực dồi dào, tài nguyên đa dạng. Nhân dân ta đã xây dựng chủ nghĩa xã hội được mấy chục năm, đã bước đầu xây dựng được những cơ sở chính trị, kinh tế, xã hội của chủ nghĩa xã hội. Điều quan trọng là đã từng bước tìm ra được con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Những bài học kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của chủ nghĩa xã hội thế giới và của bản thân giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm.

Một khó khăn của chúng ta là thiếu vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nguồn vốn ấy trước hết phải tự ta tạo ra từ các nguồn trong nước, kết hợp với việc mở rộng quan hệ quốc tế, với chính sách đối ngoại đúng đắn, đa phương hóa, đa dạng hóa cho phép chúng ta có thể thu hút vốn đầu tư công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.

Sự lãnh đạo của Đảng ta, một Đảng giàu tinh thần cách mạng, sáng tạo, gắn bó với quần chúng nhân dân là nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong những thời điểm phong trào xã hội chủ nghĩa, phát triển cộng sản và công nhân quốc tế có sự khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Đảng ta vẫn vững vàng lãnh đạo nhân dân ta thực hiện đường lối đổi mới, vượt qua những hiểm nghèo, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước của nhân dân ta tiến lên một cách vững chắc.

Kết quả thăm dò của Trung tâm nghiên cứu Dự luận xã hội - Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương 12- 2001⁶⁵ với 2.900 phiếu và kết quả thăm dò của Phòng nghiên cứu dự luận xã hội, Ban Tư tưởng- Văn hóa Thành ủy TP. Hồ Chí Minh tháng 12- 2001 với 1.500 phiếu cho thấy:

Cũng theo nguồn trên cho thấy:

Kết quả thăm dò dự luận xã hội tại tỉnh Gia Lai ngày 27- 11- 2001 với 1.286 phiếu cho thấy 90% số người cho rằng, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mô hình có tiến bộ hơn và ngày càng rõ dần.

Kết quả thăm dò của Ban Tuyên Giáo Tỉnh Ủy Nghệ An với 1.408 Đảng viên được hỏi thì 93,3% số người khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin ngày nay vẫn còn giá trị hiện thực.

Và Đảng ta cũng cho rằng việc đi lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam “ là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen⁶⁶.

Đó là con đường lịch sử - tự nhiên mà qua thực tiễn cách mạng, Đảng ta nhận thức ngày càng sáng rõ hơn.

⁶⁵ Nguồn: Hồng Vinh - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tình hình tư tưởng của cán bộ, Đảng viên và nhân dân ta hiện nay*, Tạp chí Thông tin tư tưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang số 149 tháng 05/ 2002, tr 15.

⁶⁶ ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Sửa đổi, phát triển năm 2011).

KẾT LUẬN

Nhận thức là một quá trình. Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Thông qua hoạt động thực tiễn, những yêu cầu và những đòi hỏi của cuộc sống nảy sinh và cùng với đó những phương thức để giải quyết yêu cầu cũng xuất hiện. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đạt được những thành tựu quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cùng với tổng kết thực tiễn, quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sát thực, cụ thể hóa. Nhưng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thời cơ, vận hội, nước ta đang phải đối đầu với hàng loạt thách thức, khó khăn cả trên bình diện quốc tế, cũng như từ các điều kiện thực tế trong nước tạo nên.

Trong lịch sử, Đảng và dân tộc ta biết nắm bắt và tận dụng thời cơ, đẩy lùi và khắc phục nguy cơ, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên phía trước. Phát huy những truyền thống và chiến thắng vẻ vang trong thế kỷ XX, Đảng và nhân dân ta nhất định giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong thế kỷ XXI, đưa nước ta vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, một Đảng giàu tinh thần cách mạng, sáng tạo, gắn bó với quần chúng nhân dân là nhân tố có ý nghĩa vô cùng quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong những thời điểm phong trào xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô sụp đổ, Đảng ta vẫn vững vàng, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện đường lối đổi mới, vượt qua những hiểm nghèo, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước của nhân dân ta tiến lên một cách vững chắc.

Với những nội dung đã trình bày ở trên, chúng ta có cơ sở khoa học để tin tưởng rằng, con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta- cả trong điều kiện hiện nay- vẫn là tất yếu và có khả năng thực hiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.
2. C.Mác - Ph.Angghen: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, T.23, 1993.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1987.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1991.

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1996.
6. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001.
7. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006.
8. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2011.
9. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1991.
10. Đảng Cộng Sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (Sửa đổi, phát triển năm 2011).
11. V.I.Lênin toàn tập. Nxb Tiến Bộ, M, 1974, tập 1.
12. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tập 43.
13. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1978, tập 45.
14. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1999.
15. Đào Duy Tùng: *Quá trình hình thành con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994.

Chuyên đề 4

QUAN HỆ KINH TẾ VỚI CHÍNH TRỊ VÀ ĐỔI MỚI KINH TẾ, ĐỔI MỚI CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Kinh tế và chính trị là hai loại hình hoạt động cơ bản nhất trong xã hội được tổ chức thành nhà nước mà kinh tế là cơ sở của chính trị, còn chính trị là chủ thể định hướng của kinh tế. Việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị quy định việc giải quyết toàn bộ các mối quan hệ xã hội khác.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và do sự nỗ lực của toàn dân, công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, do cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan, những gì đã đạt được đó còn rất xa mới đáp ứng yêu cầu của dân tộc và thời đại. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng CNXH, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước - từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới phương pháp lãnh đạo, đổi mới phong cách hoạt động; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị,... Trong tổng thể chung của sự đổi mới đó, đổi mới kinh tế theo hướng chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xem là trọng tâm; đồng thời cũng đã từng bước đổi mới về chính trị theo hướng từng bước hình thành và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà nội hàm cơ bản của nó là: Toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.

Những thành tựu của quá trình đổi mới toàn diện đất nước nói chung, của quá trình giải quyết đúng đắn quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị nói riêng đã đưa đất nước ta thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội để bước vào giai đoạn mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đó là cơ sở thực tiễn để khi tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII xem "Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị" là một trong sáu bài học kinh nghiệm lớn được tích lũy qua 10 năm đó.

Trong khi khẳng định những thành quả to lớn trong việc nhận thức và giải quyết quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị cùng những biến đổi tích cực trong thực tiễn do chúng mang lại, chúng ta cũng không thể không thấy rằng cả trên bình

diện nhận thức lý luận lẫn tổ chức thực tiễn còn tồn tại những khiếm khuyết, lệch lạc nhất định. Trên lĩnh vực nhận thức: Lúc này hay lúc khác, một số người vẫn cho rằng kinh tế thị trường và CNXH như nước với lửa, chúng không thể tương dung. Theo họ, hoặc chấp nhận kinh tế thị trường hoặc đi lên CNXH. Ngay trong Đảng, trong khi đại đa số cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng đều thống nhất với quan niệm của Đảng về tương quan giữa đổi mới kinh tế và đổi mới về chính trị như đã được khẳng định và phát triển trong các văn kiện của Đảng, thì vẫn có một bộ phận nhỏ hoang mang, dao động ngả nghiêng. Một số đề cao kinh tế thị trường lên tận mây xanh, xem đó là liều thuốc vạn năng có thể chữa được bách bệnh và giải quyết được mọi vấn đề mà công cuộc đổi mới đặt ra. Trước một số hiện tượng tiêu cực phát triển do tác động của mặt trái thuộc cơ chế thị trường, một số khác lại muốn quay lại cơ chế cũ. Trong tình trạng đổ vỡ nặng nề ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu do những bước đi sai lầm trong cải cách chính trị, một số người lại muốn tìm hãm quá trình đổi mới chính trị. Về mặt thực tiễn: Bên cạnh hiện tượng trì trệ trong đẩy mạnh đổi mới kinh tế hoặc đổi mới chính trị, cũng có tình trạng ở nơi này hay nơi khác, lúc này hay lúc kia muốn đẩy thật nhanh quá trình đổi mới kinh tế hoặc đổi mới chính trị, làm cho hai quá trình đổi mới đó bị tách rời nhau, gây ra hậu quả xấu cho cả đổi mới kinh tế lẫn đổi mới chính trị. Mặt khác, trong thực tiễn đổi mới cũng xuất hiện hai cực đoan dẫn tới giải quyết không thật đúng mối tương quan giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Một là, có lúc, có nơi xuất hiện sự định hướng phiến diện của chính trị đối với kinh tế, không đánh giá đầy đủ vai trò chỉ đạo của chính trị, của quan điểm chính trị đúng đắn đối với việc giải quyết các vấn đề kinh tế. Không kịp thời ngăn chặn sai lầm đó sẽ làm cho các trung tâm quyền lực rơi vào tình trạng thụ động, làm tăng những nhân tố tự phát không dễ kiểm soát được trong nền kinh tế thị trường. Hai là, có hiện tượng chính trị tách rời kinh tế; đây đó có lúc xuất hiện thái độ coi thường các nhu cầu kinh tế, tuyệt đối hóa sức mạnh của các quyết định chính trị, làm cho các quyết định đó mất cơ sở khách quan trên nền tảng kinh tế. Sự lệch lạc như vậy sẽ đưa chúng ta rơi vào sai lầm của chủ nghĩa chủ quan duy ý chí.

Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu và làm rõ hơn nữa quan hệ kinh tế với chính trị và đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa hết sức cần thiết. Tài liệu này làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị theo chủ nghĩa Mác – Lênin; các nhân tố quy định quan hệ kinh tế với chính trị; nội dung đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay và tài liệu dùng tham khảo cho môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu được kết cấu thành 2 phần: 1. Quan hệ kinh tế với chính trị; 2. Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.

1. Quan hệ kinh tế với chính trị

1.1. Khái niệm kinh tế, chính trị

Thuật ngữ kinh tế lúc đầu được dùng để chỉ nghệ thuật tiến hành công việc nội trợ, nghệ thuật quản lý kinh tế gia đình. Về sau nó được dùng để chỉ các hoạt động của con người nhằm thoả mãn nhu cầu vật chất cũng như các mối quan hệ liên quan đến lợi ích vật chất của con người. Ở phương Đông, ngoài các hàm nghĩa trên, thuật ngữ "kinh tế" là hai chữ viết tắt của cụm từ "kinh bang tế thế", nghĩa là: trông coi việc nước, cứu giúp người đời. Ở phương Tây, kể từ năm 1890, năm xuất bản cuốn sách "Những nguyên lý kinh tế học" của nhà kinh tế học người Anh A.Mác-san (1842-1924), thuật ngữ kinh tế trở thành khái niệm khoa học thông dụng cùng với khái niệm "écononaiics" - kinh tế học.

Ngày nay, kinh tế được hiểu là toàn bộ các lĩnh vực và các ngành của một nền sản xuất xã hội mà cơ bản nhất là các quan hệ sản xuất trên nền tảng của một lực lượng sản xuất; là cơ sở vật chất của một chế độ chính trị tương ứng.

Khái niệm kinh tế nêu trên gồm hai nghĩa cơ bản:

- Tổng thể các quan hệ sản xuất nhất định trong lịch sử phù hợp với mỗi trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất.

- Toàn bộ các ngành kinh tế quốc dân hay một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Nó bao gồm các hình thức sản xuất theo ngành kinh tế, thành phần kinh tế và vùng kinh tế (tức cơ cấu kinh tế) và cơ chế quản lý kinh tế.

Trong "kinh tế", nhân tố có vai trò to lớn nhất là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất; ngoài ra, còn phải kể đến quan hệ giữa người với người trong quá trình tổ chức, quản lý quá trình sản xuất và tái sản xuất, trong phân phối và tiêu dùng sản phẩm được làm ra trên cơ sở tính chất của chế độ sở hữu đó.

Những ý niệm sơ khai liên quan tới vấn đề vừa nêu đã được manh nha ở châu Âu từ thời cổ đại và trung cổ, đặc biệt từ khi xuất hiện môn kinh tế chính trị. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" lần đầu tiên được nhà kinh tế học người Pháp là Môngcrêchiên (Montchrestien) sử dụng vào năm 1615. Các quan điểm trên, ở mức này hay mức khác, được Petti (W. Petty), D. Ricácđô (D.Ricardo) ở Anh và Boaginbe (Boisguibert), Xixmônđi (Sismondi) ở Pháp phát triển.

Kế thừa có chọn lọc thành quả của những người đi trước, dựa trên những cứ liệu được rút ra từ thực tiễn lịch sử nói chung, thực tiễn của chủ nghĩa tư bản đương thời nói riêng, từ những năm 40 của thế kỷ XIX, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã vạch ra những bí mật của các quá trình kinh tế, giải thích bản chất và động lực phát triển của kinh tế một cách khoa học trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen xác định rằng, tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, do đó, cũng là của lịch sử, là người ta phải sống đã rồi mới có thể làm ra lịch sử. Nhưng, như C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra, muốn sống được, trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác. Muốn có những thứ đó, người ta phải tiến hành sản xuất. Đời sống sẽ chấm dứt, xã hội sẽ tiêu tan, nếu hoạt động đó ngưng lại.

Việc sản xuất ra của cải vật chất luôn luôn được lặp đi lặp lại không ngừng, hoặc ở trình độ tái sản xuất giản đơn, hoặc ở trình độ tái sản xuất mở rộng. Trong mỗi quá trình sản xuất như vậy đều có sự kết hợp của hai yếu tố cơ bản cấu thành lực lượng sản xuất: Người lao động (sức lao động), tư liệu sản xuất (bao gồm tư liệu lao động và đối tượng lao động). Sức lao động được vận dụng trong quá trình lao động - một loại hoạt động có mục đích, có ý thức diễn ra trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với nhau nhằm làm thay đổi những vật thể tự nhiên cho phù hợp với yêu cầu của con người. Trong quá trình lao động, người ta, một mặt, tác động vào tự nhiên, mặt khác, lại tác động lẫn nhau, có quan hệ với nhau để sản xuất ra của cải vật chất. Vì thế, quá trình sản xuất ra của cải vật chất sẽ làm nảy sinh "quan hệ kép" (C.Mác): Quan hệ giữa người với người và quan hệ giữa người với giới tự nhiên. Hai loại quan hệ đó tạo thành hai mặt của phương thức sản xuất: quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Sự tương tác qua lại giữa chúng chính là nguồn gốc căn bản nhất của mọi tiến trình lịch sử, nó quyết định sự thay thế một hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác, cao hơn. Khái quát thực tế này, C.Mác viết: "Trong sự sản xuất ra đời sống của mình, con người ta có những mối quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các

lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cơ sở hiện thực, trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và tương ứng với cơ sở hiện thực đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định. Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung"⁶⁷. Nói cách khác, sự tác động qua lại giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có tính quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

Cơ cấu của hình thái kinh tế - xã hội gồm nhiều yếu tố, trong đó ba yếu tố cơ bản là: Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Ngoài ba yếu tố cơ bản đó, còn có các yếu tố khác như: Quan hệ gia đình, dân tộc, v.v... Các yếu tố này có quan hệ biện chứng với nhau tạo thành những quy luật của lịch sử, như quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng... Chính sự tác động của các quy luật đó làm cho sự phát triển xã hội nói chung, sự thay thế của các hình thái kinh tế - xã hội nói riêng diễn ra như là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

Khi xã hội phân chia ra thành các giai cấp, có đấu tranh giai cấp và Nhà nước xuất hiện, chính trị ra đời.

Trong tác phẩm "Chính trị", Platon xem chính trị là nghệ thuật cung đình liên kết trực tiếp các chuẩn mực của người anh hùng và sự thông minh; sự liên kết cuộc sống của họ được thực hiện bằng sự thống nhất tư tưởng và tinh thần hữu ái.

Max Weber (1864-1920), nhà xã hội học người Đức, xem chính trị là khát vọng tham gia vào quyền lực hay ảnh hưởng đến sự phân chia quyền lực giữa các quốc gia, bên trong quốc gia, giữa các tập đoàn người trong một quốc gia.

Trong giới chính trị học tư sản cũng có thời lan truyền quan niệm xem chính trị là một "nhà hát". Trong đó, có nhà hát, nghệ sĩ, diễn viên và người xem, sự bài trí sân khấu, nhà phê bình.

Trong các tác phẩm của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xem chính trị là một hiện tượng đặc biệt của đời sống xã hội có liên quan tới các đảng phái và Nhà nước; các ông đã vạch ra bản chất chính trị của các giai cấp cầm quyền trong xã hội bóc lột, tính định hướng của chính trị thuộc giai cấp bóc lột vào của cải và sự tùy tiện. Khi vạch ra tính chất phản động của chính trị tư sản đương thời, các ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản soạn thảo ra một đường lối chính trị độc lập. Chính trị như thế, theo các ông, cần phải góp phần củng cố hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc, bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân và lấy việc giải phóng con người làm mục tiêu cơ bản của mình.

Theo V.I.Lênin, chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp; là sự tham gia của nhân dân vào các công việc Nhà nước, định hướng hoạt động Nhà nước, xác định hình thức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động Nhà nước. Bất kỳ hoạt động nào cũng có tính chất chính trị, nếu như việc giải quyết nó trực tiếp hay gián tiếp gắn với lợi ích giai cấp, gắn với vấn đề quyền lực chính trị.

Kế thừa những di sản trên đây, có thể hiểu *chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia trong vấn đề giành, giữ, sử dụng quyền lực Nhà nước; là những phương hướng, những mục tiêu được quy định bởi lợi ích cơ bản của giai cấp, của đảng phái; là hoạt động thực tiễn chính trị của các giai cấp, các đảng phái, các Nhà nước để thực hiện đường lối đã lựa chọn nhằm đi tới mục tiêu đã đặt ra.*

⁶⁷ C.Mác & Ph.Ăngghen, *Toàn tập, tập 3*, Nxb.CTQG, HN, 1995, tr.539.

Thực chất, chính trị là toàn bộ việc giải quyết vấn đề quyền lực nhà nước vì lợi ích giai cấp, nhóm xã hội lớn, của nhân dân hay của dân tộc, của con người được thiết lập trên nền tảng của một chế độ kinh tế nhất định và là chủ thể định hướng đối với chế độ kinh tế ấy.

1.2. Quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị

Giữa kinh tế và chính trị có quan hệ qua lại với nhau: Với tư cách là cái khách quan, các quan hệ kinh tế và cơ cấu kinh tế là nền móng trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý, chính trị tương ứng. Vai trò của kinh tế đối với chính trị thể hiện tập trung ở chỗ kết cấu kinh tế xã hội như thế nào thì kết cấu chính trị cũng được tổ chức một cách tương ứng; giai cấp nào chiếm hữu phần lớn những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì giai cấp ấy sẽ nắm lấy quyền lực nhà nước trở thành giai cấp thống trị về chính trị. Hoạt động kinh tế thực hiện mục tiêu chính trị cho nên hiện thực vận động của nền kinh tế là bằng chứng sinh động nhất để kiểm nghiệm đường lối chính trị, kiểm nghiệm sự điều hành quản lý kinh tế của chính trị. Kết quả hoạt động của kinh tế cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính cho chính trị. Sự phát triển của nền kinh tế không chỉ trực tiếp nâng cao đời sống xã hội tạo nền tảng vật chất cho sự tồn tại bền vững cho chế độ chính trị mà còn tăng cường khả năng hiện thực hoá các chức năng vốn có của chính trị và của nhà nước.

Kinh tế không chỉ là hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn gắn liền với các giai cấp và tầng lớp xã hội, vừa có sức mạnh cộng đồng tạo áp lực với nhà nước vừa lại tổ chức thành các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, kể cả chính đảng để tác động vào cơ chế quyền lực chính trị xã hội mà trực tiếp là thể chế nhà nước, buộc hoạt động của các cơ quan công quyền phải thay đổi để thích ứng với hoạt động kinh tế. Hơn nữa, các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho các cộng đồng lợi ích còn tham gia vào hệ thống chính trị của xã hội, tìm mọi cách đưa người của mình nắm lấy những vị trí quan trọng trong guồng máy nhà nước để leo lái quyền lực công phục vụ lợi ích của nhóm mình. Thông qua sức mạnh kinh tế và chính trị, các chủ thể kinh tế còn có khả năng “khuyh đảo” đường lối và chủ trương của đảng cầm quyền, buộc nhà nước phải thay đổi pháp luật hoặc có những chính sách phục vụ cho các yêu cầu của họ.

Biểu hiện mạnh mẽ nhất vai trò của kinh tế đối với chính trị là xu hướng vận động của những quy luật hay tính quy luật kinh tế, những vấn đề kinh tế xã hội tiềm ẩn hoặc bức xúc buộc chủ thể quyền lực chính trị phải nhận thức và tìm cách giải quyết để đảm bảo cho xã hội phát triển một cách bình thường. Sự vận động của kinh tế tạo ra những điều kiện vật chất và tinh thần cùng bối cảnh kinh tế - xã hội hiện thực cho chính trị sử dụng và quy định việc sử dụng để giải quyết những vấn đề chính trị - xã hội. Sự diễn biến của kinh tế như là phán quyết về tính đúng đắn hay sai lầm trong cách giải quyết của chính trị đối với những vấn đề kinh tế mà biểu hiện trực tiếp và cụ thể ở đời sống của đông đảo các tầng lớp nhân dân, kể cả đội ngũ chính khách, công chức và viên chức cùng những người phụ thuộc. Tất cả đời sống vật chất và tinh thần của họ đều gắn với kết quả phát triển của một nền kinh tế mà trước hết là các quan hệ sản xuất, trực tiếp là quan hệ phân phối trong một thể chế kinh tế do nhà nước của một chế độ chính trị tạo dựng. Chính họ trực tiếp thừa nhận hay không thừa nhận, khẳng định hay bác bỏ tính hợp lý của các thể chế kinh tế, thể chế nhà nước và chế độ chính trị hiện hành. Đến lượt mình, các thể chế kinh tế, thể chế nhà nước và chế độ chính trị muốn tồn tại thì không thể nào khác hơn là tuân theo tính tất định bởi những đòi hỏi của các quan hệ kinh tế.

Với tư cách là chủ thể, sự tác động của chính trị đối với kinh tế thể hiện rất đa dạng và nhiều khi hết sức tinh vi nhưng tác động chính yếu là bảo vệ và phát triển kinh

tế xã hội thông qua các quan hệ sản xuất. Chính trị định ra đường lối cho kinh tế phát triển một cách tự giác mà đặc biệt quan trọng là việc xây dựng thể chế kinh tế làm bộ khung pháp lý điều chỉnh sự phát triển cả nền kinh tế theo mục tiêu chính trị xác định. Thực hiện sự quản lý hành chính về kinh tế và sự giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh tế để kịp thời uốn nắn và chấn chỉnh cũng như xử lý những lệch lạc trong quá trình phát triển nền kinh tế xã hội, làm cho toàn bộ sự vận hành của nền kinh tế diễn ra trong một trật tự nhất định. Chính trị là phương thức tốt nhất xử lý những biến động kinh tế - xã hội, bảo vệ những rủi ro cho hoạt động kinh tế và lợi ích các quan hệ kinh tế xã hội trong nước và quốc tế. Chính trị còn trợ giúp, hướng dẫn khoa học và kỹ thuật cho chủ thể kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra nguồn lực con người, đào tạo doanh nhân, đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, nhân viên nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật “nhất là tạo môi trường pháp lý, môi trường chính trị, môi trường văn hoá, môi trường xã hội và các cơ sở xã hội, các công trình công cộng” là tiền đề cơ bản cho kinh tế phát triển.

Ngược lại, thượng tầng chính trị, pháp lý đó cũng có tác động mạnh tới sự vận động và phát triển của kinh tế. Sự tác động lại đó có hai khả năng cơ bản là thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, khi đó là thứ chính trị đúng đắn, khoa học; chính trị kìm hãm sự phát triển của kinh tế, khi đó là thứ chính trị sai lầm (bao gồm cả thứ chính trị tả khuynh lẫn hữu khuynh). Với việc xác lập các thể chế kinh tế, chính trị tác động đến cơ cấu, cơ chế tổ chức và quản lý lao động xã hội, phương thức vận hành và phân phối sản phẩm trên toàn bộ nền kinh tế, các lĩnh vực kinh tế cơ bản, các đơn vị kinh tế và các kỹ thuật kinh tế - xã hội, các chủ thể kinh tế; qua đó thúc đẩy hoặc kìm hãm hay vừa thúc đẩy, vừa kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao hiệu quả xã hội của nền kinh tế như chủ thể cầm quyền mong muốn. Việc giải quyết vấn đề quyền lực chính trị sẽ trực tiếp tác động đến động lực phát triển kinh tế, vấn đề chính trị thực chất cũng chính là vấn đề của kinh tế và ngược lại. Việc giải quyết vấn đề quyền lực chính trị phù hợp hay không phù hợp với sự phát triển của kinh tế thể hiện ở sự thống nhất hay mâu thuẫn của thể chế chính trị và thể chế kinh tế, thể hiện ở sự thống nhất hay mâu thuẫn giữa lợi ích kinh tế của giai cấp thống trị và mục tiêu của nền kinh tế. Xây dựng quan hệ sản xuất thống trị trên cơ sở phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất là yêu cầu và cũng là tiêu chí cơ bản quy định sự tác động giữa kinh tế và chính trị.

Sự phù hợp hay không phù hợp của chính trị và kinh tế được quy định ở điều này thường diễn ra không đơn giản và không phải bao giờ cũng nhất quán; không phải mọi yếu tố, mọi khía cạnh của chính trị đều phù hợp hoặc không phù hợp một cách rõ ràng với cơ sở kinh tế mà chúng xâm nhập và đan xen nhau. Trong sự phù hợp, chính trị vẫn hàm chứa cái không phù hợp và ngược lại. Một nền chính trị, về cơ bản, có thể phù hợp với cơ sở kinh tế nhưng vẫn có thể có những yếu tố, những khía cạnh cụ thể nhất định không phù hợp nên có sự kìm hãm nhất định đối với sự phát triển nền kinh tế xã hội. Một nền chính trị, về cơ bản, không phù hợp với cơ sở kinh tế nhưng vẫn có những yếu tố, khía cạnh cụ thể nào đó phù hợp với quan hệ kinh tế nên vẫn có thể thúc đẩy mặt đó của nền kinh tế xã hội phát triển. Việc giải quyết vấn đề quan hệ giữa kinh tế và chính trị tùy thuộc vào sự trưởng thành của các giai cấp, tính chất của chế độ chính trị, sự chín muồi của quan điểm khoa học về chính trị và kinh tế, sự hoàn thiện của thể chế chính trị, trạng thái của giới cầm quyền, mức độ giác ngộ của quần chúng...

Bản chất của mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị là việc phát triển nền kinh tế làm cơ sở cho sự tồn tại của chế độ chính trị và việc xây dựng chế độ chính trị phù hợp làm chủ thể định hướng cho sự phát triển của nền kinh tế.

Từ việc nghiên cứu sâu sắc quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị đã từng diễn ra trong lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin nêu lên hai luận điểm nền tảng: *Một là*, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế; *hai là*, chính trị không thể không chiếm vị trí ưu tiên so với kinh tế.

"Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế". Điều đó có nghĩa là, so với kinh tế, chính trị là sự phản ánh, là "tính thứ hai"; không có những quan hệ chính trị và qui luật chính trị độc lập tuyệt đối với các quan hệ và qui luật kinh tế. Tuy nhiên, từ luận điểm trên cũng cần lưu ý rằng chính trị không phải là cái gương soi đối với đời sống kinh tế, mà là sự *biểu hiện tập trung* của kinh tế. Nó phản ánh mang tầm khái quát, làm bộc lộ cái bản chất nhất của đời sống kinh tế, cái cơ bản nhất, cái mang tính chi phối trong đời sống kinh tế. Chính loại yếu tố đó quy định nội dung căn bản nhất của chính trị thuộc chủ thể cầm quyền. Cho nên, không phải kinh tế có kết cấu đa dạng như thế nào thì chính trị cũng có sự đa dạng tương ứng như thế. Chẳng hạn, nền kinh tế trong xã hội đang ở bước chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa mang trong mình cả những yếu tố kinh tế phong kiến - gia trưởng, thậm chí cả một số yếu tố của nền kinh tế tiền phong kiến, bên cạnh đó là những yếu tố của nền kinh tế mới - kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chính trị của giai cấp cầm quyền đương thời (giai cấp tư sản) trước hết là sự phản ánh những yêu cầu bức xúc của các nhân tố kinh tế tư bản chủ nghĩa, làm cho kinh tế này từng bước vươn lên nắm vai trò chủ đạo, chi phối mọi yếu tố kinh tế khác. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay cũng đang tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Chính trị của chúng ta hiện nay là sự biểu hiện tập trung của nền kinh tế đó, trong đó, việc làm cho kinh tế Nhà nước từng bước vươn lên nắm được vai trò chủ đạo được xem là một nội dung vô cùng quan trọng của nó.

"Chính trị không thể không chiếm vị trí ưu tiên so với kinh tế" (V.I.Lênin) là luận điểm nói lên vai trò *năng động, tính độc lập tương đối, sự tác động trở lại của chính trị đối với kinh tế*. Quan điểm đó có tiền đề phương pháp luận xuất phát từ tính năng động của ý thức đối với vật chất, của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội (khi xét chính trị từ phương diện "ý thức chính trị", bao gồm cả quan điểm chính trị, đường lối chính trị, tâm lý và tình cảm chính trị, chủ trương, chính sách...), của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng (khi xét chính trị là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng). Thực tiễn chứng minh rằng, một quan điểm hay một thiết chế chính trị sai lầm có tác động rất tiêu cực đối với sự phát triển của kinh tế, của sản xuất; nó có tác động kìm hãm vô cùng to lớn đối với sự phát triển của kinh tế. Nhận thức chính trị sai lầm về cơ cấu thành phần kinh tế ngay khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nghèo nàn, lạc hậu lại bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đã có hậu quả tiêu cực như thế nào trong thời kỳ trước đổi mới ở nước ta, mọi người đã rõ. Tác động kìm hãm sự phát triển kinh tế ở thời kỳ đó còn tăng lên do tình trạng quan liêu của các thiết chế chính trị. Từ khủng hoảng về kinh tế lan sang khủng hoảng về xã hội tạo ra cái mà chúng ta vẫn nói là "khủng hoảng kinh tế - xã hội" xuất hiện vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX ở nước ta là biểu hiện tập trung nhất của tác động kìm hãm, tác động tiêu cực của một số yếu tố chính trị sai lầm đối với kinh tế. Ngược lại, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, của việc giải phóng lực lượng sản xuất và, do đó, sự tăng trưởng và phát triển nhanh chóng của đời sống kinh tế dưới tác động của những quan điểm kinh tế, của đường lối kinh tế (chính trị trên lĩnh vực kinh tế) trong quá trình đổi mới là bằng chứng nói lên tác động tích cực của chính trị đúng đắn đối với kinh tế.

Vai trò ưu tiên của chính trị so với kinh tế không chỉ biểu hiện ở năng lực tác động trở lại của chính trị đối với kinh tế (thúc đẩy hoặc kìm hãm); cũng không chỉ ở

chỗ một quan điểm chính trị đúng đắn, khoa học có khả năng can thiệp một cách tự giác vào tiến trình kinh tế khách quan, điều chỉnh sự vận động, phát triển của kinh tế theo quy luật khách quan của nó; mà còn ở chỗ: để giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động về mặt kinh tế, trước hết phải giải phóng họ về chính trị, làm cho họ trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước. Diễn đạt tính tất yếu lôgic đó, trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xem việc giai cấp công nhân giành chính quyền, trở thành chủ thể của quyền lực Nhà nước là "*bước thứ nhất*" của cuộc cách mạng công nhân. Không đạt được tiền đề chính trị đó mà nói tới giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động về mặt kinh tế thì chỉ là ảo tưởng mà thôi.

Như vậy, quan điểm duy vật về lịch sử đòi hỏi phải khẳng định tính thứ nhất của kinh tế so với chính trị, vai trò quyết định của yếu tố thứ nhất đối với yếu tố thứ hai vừa nêu. Song, dừng lại ở đó vẫn chưa phải là một quan điểm duy vật khoa học về xã hội. Chủ nghĩa duy vật tầm thường, chủ nghĩa duy kinh tế không chỉ ủng hộ, mà còn đề cao lên tận mây xanh điều khẳng định đó. Quan điểm duy vật khoa học về xã hội phải là quan điểm duy vật biện chứng về xã hội nói chung, về quan hệ giữa kinh tế và chính trị nói riêng. Trong quan điểm đó, một mặt, khẳng định tính thứ nhất của kinh tế so với chính trị, mặt khác, xem chính trị không phải là cái hoàn toàn thụ động đối với kinh tế, trái lại, nảy sinh trên nền tảng kinh tế, chính trị có tác động lại đối với kinh tế.

Thêm vào đó, cần lưu ý rằng sự tác động của chính trị đối với kinh tế được thực hiện cả bằng con đường trực tiếp lẫn con đường gián tiếp; trong đó, tác động qua hoạt động thực tiễn, hoạt động vật chất của con người là con đường cơ bản nhất, có hiệu quả nhất. Thực tế những năm đổi mới vừa qua cho thấy, cùng một chủ trương, một chính sách kinh tế (những cái thuộc về chính trị) như vậy, nhưng kinh tế ở ngành này, ở địa phương này phát triển nhanh, mạnh; ở ngành kia, địa phương kia lại phát triển rất yếu, thậm chí không phát triển. Điều đó không chỉ do hoàn cảnh, điều kiện khách quan không như nhau, mà còn do, và chủ yếu là do, ở các ngành đó, địa phương đó, tính năng động, sự sáng tạo của các cấp lãnh đạo và quản lý có hạn. Cho nên, cần khẳng định rằng tác động trở lại của chính trị đối với kinh tế sẽ như thế nào (thúc đẩy hay kìm hãm, mạnh hay yếu, hiệu quả cao hay thấp...) - điều đó phụ thuộc vào tính đúng, sai của chính trị và mức độ của tính đúng, sai đó; tùy thuộc vào khả năng thâm nhập của chính trị vào quần chúng, vào năng lực tổ chức thực tiễn của đội ngũ lãnh đạo và quản lý các quá trình chính trị và kinh tế tương ứng.

Sự tác động qua lại giữa kinh tế và chính trị (trước hết giữa các qui luật kinh tế và quy luật chính trị) đóng vai trò to lớn đối với sự vận động của cả cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng, của xã hội nói chung. Quan hệ giữa kinh tế và chính trị quyết định diện mạo và bản chất của các chế độ xã hội có giai cấp, nó cũng có tác động to lớn tới vị thế của mỗi người.

1.3. Các nhân tố quy định quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị

- *Định chế chính trị*: Định chế chính trị là mặt tư tưởng của chế độ chính trị của giai cấp cầm quyền. Đó là toàn bộ thể thức, chế độ, các quy định mang tính pháp lý về chức năng, quyền hạn, trách nhiệm... hợp thành những nguyên tắc, chuẩn mực, thể lệ hay quy phạm pháp luật trong tổ chức hoạt động chính trị mà tất cả phải tuân theo và không thể làm khác được để đảm bảo cho các hoạt động chính trị đa dạng, phong phú diễn ra trong tính quy định. Trong đó, hệ thống các quan điểm, đường lối, chủ trương... của Đảng cầm quyền thể hiện mục tiêu chính trị của giai cấp thống trị đối với sự phát triển của toàn xã hội; còn hệ thống pháp luật của nhà nước là biểu hiện tập

trung nhất tính quyền lực của định chế chính trị và thể chế chính trị. Hệ thống định chế chính trị quy định hệ thống thiết chế tổ chức và cơ chế vận hành của việc thực thi quyền lực chính trị của xã hội.

- *Thiết chế tổ chức chính trị*: Thiết chế tổ chức chính trị là mặt vật chất của quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền. Đó là toàn bộ kết cấu tổ chức của hệ thống chính trị với các cơ quan lãnh đạo, các cơ quan tham mưu, các cơ quan quản lý, các cơ quan tác nghiệp, các cơ quan kiểm tra và giám sát... với những con người chính trị, những công chức, những viên chức và nhân viên có các khả năng xác định cùng những phương tiện vật chất và tinh thần tương ứng để hiện thực hoá mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền. Về cơ bản, thiết chế tổ chức chính trị có ba hệ thống tổ chức, đó là: hệ thống tổ chức Đảng, hệ thống tổ chức nhà nước, hệ thống tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng tham gia vào việc cầm quyền.

- *Hoạt động của con người chính trị*: Trong từng giai đoạn lịch sử, con người chính trị có những tên gọi khác nhau như: người cai trị, thủ lĩnh chính trị, người cầm quyền, người lãnh đạo chính trị và người can bộ lãnh đạo... tuy những tên gọi ấy có thể hiện sự khác nhau trong bản chất chính trị và vị trí chính trị của mỗi người nhưng tất cả đều có nghĩa chung là chỉ người đứng đầu một tổ chức chính trị trong cuộc đấu tranh giai cấp hay dân tộc ở một hoàn cảnh lịch sử xác định. Cho nên con người này phải tiêu biểu cho sự phát triển chính trị và là trung tâm các mối quan hệ.

Hoạt động có ý nghĩa quyết định của con người chính trị đối với việc thành bại của tổ chức và của phong trào chính trị quần chúng là thực hiện sự định hướng chính trị. Đó là việc hình thành quan điểm, xác định mục tiêu, vạch đường lối, định ra chiến lược và sách lược, chủ trương, biện pháp, chính sách lâu dài hay mỗi chặng đường cho việc hiện thực hoá quyền lực và lợi ích của lực lượng xã hội mà mình đại diện.

Trên cơ sở thừa kế những giá trị về con người chính trị trong lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây, các nhà tư tưởng tư sản tiên bộ xem người lãnh đạo chính trị phải có trình độ hiểu biết uyên thâm trên nhiều lĩnh vực mà đặc biệt quan trọng là kiến thức văn hoá xã hội kể cả văn học nghệ thuật, thể thao... luôn có sự suy xét, liên kết các sự kiện chính trị - xã hội trên cơ sở khoa học vững chắc và đầy đủ. Có trình độ tổ chức với khả năng đề ra mục tiêu cho tập thể, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, biết tổ chức hoạt động tập thể, biết động viên mọi người, có phương pháp kiểm tra, giám sát công việc. Có khả năng giao tiếp với mọi người, biết tự nhìn thấy, tự kiểm tra và có lòng tin vào chính bản thân mình; đồng thời biết nhận xét đúng người khác và có khả năng làm mất đi sự căng thẳng của chính mình và xung quanh, biết giữ mình đúng vị trí lãnh đạo. Có bản lĩnh chính trị trong việc đặt ra vấn đề và bảo vệ được chính kiến, đủ sức vượt qua khó khăn với những thủ thuật chính trị và năng lực ra quyết định.

Các nhà tư tưởng ở các nước xã hội chủ nghĩa yêu cầu người cán bộ lãnh đạo phải có những phẩm chất như: có khả năng hiểu biết sâu rộng, phản ứng nhanh trước những sự kiện chính trị, xây dựng tốt các mối quan hệ với nhân dân, biết sử dụng con người một cách có hiệu quả và biết nâng con người lên ngày một xứng đáng hơn với vị thế của con người làm chủ xã hội. Có năng lực tự nhận thức mình, tự nâng lên trong thực tiễn với tinh thần sáng tạo cao vì lợi ích chung, với trình độ tổ chức lãnh đạo và chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của những khối người rộng lớn... đặc biệt là bản lĩnh chính trị với nghệ thuật chính trị cao mà nhất là xử lý tối ưu các tình huống chính trị phức tạp. Đó cũng còn là con người trung thực, công bằng, chân thành, hoà đồng với mọi người, kiên nhẫn, tin yêu vào mục tiêu lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và say mê phấn đấu cho tất cả quyền lực và lợi ích thuộc về nhân dân lao động.

Tuy có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng các quan điểm vẫn có sự tương đồng sau đây về những phẩm chất cần thiết của người lãnh đạo chính trị:

+ Có tri thức cao. Con người chính trị phải có “phông” văn hoá rộng, trình độ trí tuệ cao, hiểu biết sâu; phải nắm bắt được quy luật phát triển của lịch sử, nhất là quy luật hiện thực hoá quyền lực và lợi ích của giai cấp; am hiểu sâu sắc những vấn đề chính trị, xã hội đương thời, những vấn đề đặt ra trước Đảng, hiểu biết tường tận các phong trào chính trị của quần chúng.

+ Có lập trường chính trị vững vàng. Con người chính trị phải có nhận thức đầy đủ và sâu sắc lợi ích của giai cấp, của các tầng lớp nhân dân; có niềm tin và lập trường chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng và kiên quyết chấp hành đường lối, chính sách...đấu tranh không khoan nhượng với tất cả những gì gây phương hại cho tổ chức và quốc gia dân tộc.

+ Có đạo đức tốt. Con người chính trị phải xác lập một cách vững chắc hệ chân giá trị nhân văn cho bản thân và gia đình với phong cách làm việc phù hợp nhiệm vụ đảm đương và có lối sống trong sạch, đúng mực, giản dị, gần gũi với mọi người, tin yêu và quý trọng con người; hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, không ngừng phấn đấu cho những giá trị chung, cho sự tiến bộ của xã hội; đặc biệt phải được quần chúng tín nhiệm.

+ Có năng lực thực tiễn. Con người chính trị phải có khả năng định hướng chính trị với năng lực tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của những cá nhân, các tập thể người rộng lớn và năng lực quyết đoán với những quyết định lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt và đúng đắn trong những điều kiện khác nhau mà biểu hiện tập trung là sử dụng được nhiều phương thức chính trị mang tính nghệ thuật cao trong xử lý tình huống chính trị phức tạp. Không những biết vận dụng một cách sáng tạo những lý thuyết chính trị vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn đang đặt ra với hiệu quả ngày càng cao mà còn biết tổng kết sâu sắc kinh nghiệm thực tế cho việc đúc kết hoàn thiện tư tưởng chính trị mà mình đang theo đuổi.

2. Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

2.1. Tính tất yếu của đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

Sau khi giành được hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, vấn đề bức bách trong sự lãnh đạo của Đảng là tìm tòi con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội thích hợp với nước ta; xác định đúng những trọng điểm cần tập trung sức giải quyết để khắc phục hậu quả của hơn 35 năm sau chiến tranh, từng bước ổn định kinh tế và đời sống của nhân dân; mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho quá trình phát triển của đất nước.

Trong khi giải quyết toàn diện những yêu cầu đó, Đảng ta quán triệt sâu sắc tư tưởng của V.I.Lênin cho rằng *xây dựng chủ nghĩa xã hội thực chất là quá trình có tính kinh tế*; sau khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền, thì "chính trị của chúng ta lúc này là xây dựng nước nhà về kinh tế"; xét cho cùng thì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản được quyết định bởi chỗ giai cấp vô sản đưa ra và thực hiện được một kiểu tổ chức lao động có năng suất cao hơn chủ nghĩa tư bản... Do vậy, trong khi không một chút xem nhẹ việc đưa ra đường lối chung cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, Đảng ta đã dành chú ý đặc biệt cho việc hoạch định đường lối kinh tế trong việc hiện thực hóa đường lối chung đó.

Chúng ta tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ với những hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề. Để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu trong một chế độ mà nhân dân làm chủ, cần có nền kinh tế

phát triển cao nhờ lực lượng sản xuất hiện đại với quan hệ sản xuất tiên tiến thích ứng với sự phát triển đó của lực lượng sản xuất... Muốn vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng xác định là phải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh hạnh phúc.

Thực hiện đường lối kinh tế đó, chúng ta đã đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đối với thương nghiệp nhỏ ở miền Nam. Nhà nước đã quốc hữu hóa các cơ sở kinh tế của tư sản của Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc... được xây dựng ở miền Nam trước đây; xóa bỏ ngân hàng tư nhân; nắm độc quyền phát hành tiền tệ. Chúng ta cũng quốc hữu hóa các ngành hàng không, vận tải đường sắt và đường biển; thực hiện thống nhất quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu mà thực chất chỉ có Nhà nước mới được làm. Nhà nước thống nhất quản lý lương thực, thực phẩm trong phạm vi cả nước; quản lý kim khí, hóa chất, vàng bạc, đá quý...

Đồng thời với những công việc nêu trên, chúng ta cũng đẩy nhanh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở miền Nam với hạn định đến năm 1979 phải cơ bản hoàn thành. Nhưng tháng 3 năm 1977, Bộ Chính trị lại quyết định rút ngắn thời gian hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư nhân từ 5 năm xuống còn 2 năm với mục tiêu chủ yếu là: Hoàn thành quốc hữu hóa các xí nghiệp tư nhân đúng đối tượng; thực hiện xong công tư hợp doanh đối với loại xí nghiệp được chọn lọc trên địa bàn thích hợp; chuyển phần lớn tư bản thương nghiệp sang nghề khác; sắp xếp xong về cơ bản các xí nghiệp tư nhân còn được kinh doanh vào các nhóm sản phẩm, thực hiện có hiệu quả quản lý của Nhà nước về kế hoạch sản xuất, cung cấp nguyên liệu, giao nộp sản phẩm...

Cùng với việc đẩy mạnh cải tạo công thương nghiệp tư bản tư nhân ở miền Nam, chúng ta cũng tiến hành đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp trên địa bàn đó. Tháng 8-1977, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 15/BBT về thí điểm hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam. Thực hiện Chỉ thị 57/CT-TW ngày 15-11-1978 của Bộ Chính trị, ngày 14-12-1978 Hội đồng Chính phủ ra quyết định: xóa bỏ triệt để hình thức bóc lột tư bản chủ nghĩa về ruộng đất và điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn miền Nam.

Kết quả của công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư nhân ở miền Nam là đã chuyển 3.560 cơ sở với 25 vạn công nhân sang hoạt động dưới hình thức khác; trong đó, có 1.354 cơ sở quốc doanh với 13 vạn công nhân và gần 65% giá trị sản lượng công nghiệp tư bản tư doanh; 498 cơ sở công tư hợp doanh với 13.000 công nhân, chiếm 14,5% số cơ sở, 5,5% số công nhân và gần 15% giá trị sản lượng công nghiệp tư bản tư doanh; 1.600 xí nghiệp hợp tác gia công với trên 7 vạn công nhân, chiếm 45% về cơ sở, 30% về công nhân với trên 15% giá trị sản lượng công nghiệp tư

bản tư doanh. 70% lao động chuyên nghiệp thuộc các ngành nghề quan trọng đã vào hợp tác xã. Chuyển gần 5000 nhà tư sản thương nghiệp sang sản xuất, 9 vạn tiểu thương đi lao động và sử dụng 15.000 người vào mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực nông nghiệp: Tính đến tháng 7-1980, ở Nam Bộ đã xây dựng được 1.518 hợp tác xã, 9.350 tập đoàn sản xuất, thu hút 35,6% số nông dân vào làm ăn tập thể, từ 50% đến 95% diện tích canh tác, 60% sức kéo đã trở thành tài sản của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Quy mô hợp tác xã trung bình là 312 ha canh tác với 519 xã viên, 1.005 lao động. Riêng 5 tỉnh miền Trung đã thu hút 70% đến 90% hộ nông dân vào hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Song, kết quả đó của cải tạo xã hội chủ nghĩa lại làm cho nền kinh tế đất nước nói chung, kinh tế miền Nam nói riêng rơi vào tình trạng khủng hoảng. Công suất thiết bị trong công nghiệp vốn đã ít ỏi lại không được tận dụng có hiệu quả; không ít nhà máy đóng cửa. Sản phẩm tiêu dùng ngày càng khan hiếm. Giá cả tăng vọt. Số người thất nghiệp gia tăng. Trước những khó khăn xã hội chồng chất, số người chạy ra nước ngoài ngày càng nhiều.

Có tình trạng trên đây là do chúng ta đã quá chủ quan, nóng vội, xác định sai lầm bước đi; không tập trung phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ mà thiên về xây dựng công nghiệp nặng; ham làm nhanh, làm nhiều; không biết tận dụng và phát triển lực lượng sản xuất đã có; cải tạo ồ ạt, muốn nhanh chóng xóa bỏ các thành phần kinh tế tư nhân để xác lập một cách phổ biến hình thức sở hữu tập thể và toàn dân đối với tư liệu sản xuất ngay cả khi lực lượng sản xuất còn rất thấp kém; xây dựng kế hoạch tập trung quan liêu; chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với sử dụng thị trường; chưa phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh cũng như chưa sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế cá thể và tư sản dân tộc ở miền Nam; có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa...

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội trên đây, vấn đề bức bách đặt ra đối với Đảng ta là tìm kiếm lối thoát khỏi tình trạng trì trệ, khủng hoảng kinh tế. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa IV (8/1979) đã tập trung vào vấn đề bức bách đó.

Khi đánh giá thực trạng tình hình đất nước, Hội nghị đã thẳng thắn chỉ ra rằng: Chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống; sản xuất phát triển chậm, năng suất thấp, đời sống thiếu thốn, nhất là đời sống của những người ăn lương ở thành thị và các khu công nghiệp...; điều cần đặc biệt quan tâm là người lao động sản xuất thiếu háng hái sản xuất, bọn làm ăn bất chính và phi pháp vẫn ngang nhiên hoạt động.... Để thoát khỏi tình hình đó, cần có những chủ trương, biện pháp mạnh mẽ, kiên quyết nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Muốn vậy, phải tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển, bằng mọi cách làm cho sản xuất "bung ra"... Trọng tâm của toàn bộ những giải pháp đó là "tạo ra sự phát triển vượt bậc của nông nghiệp".

Vấn đề đó được đặt ra trong tình hình: khoảng 1,8 triệu ha đất canh tác bị bỏ hoang; 70% đầu máy kéo bị xếp xó; quy mô hợp tác xã quá lớn vượt khả năng quản lý của các ban chủ nhiệm; phân phối trong hợp tác xã theo chủ nghĩa bình quân khiến xã viên không háng hái sản xuất...

Để khắc phục những yếu kém trên đây, Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) đã chủ trương: ổn định nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần dôi ra được bán cho Nhà nước hoặc lưu thông tự do; khuyến khích mọi người tận dụng ao hồ, ruộng đất hoang hóa; đẩy mạnh chăn nuôi gia súc dưới mọi hình thức (quốc doanh, tập thể, gia đình); sửa lại thuế lương thực nhằm khuyến khích thâm canh tăng vụ; sửa lại giá lương thực

để khuyến khích sản xuất; sửa lại chế độ phân phối trong nội bộ hợp tác xã nông nghiệp, bỏ lối phân phối theo định suất, định lượng - kiểu phân phối không khuyến khích tính tích cực của người lao động...

Đến đây, kế hoạch hóa không còn được xem là hình thức quy nhất để phát triển kinh tế; khẳng định sự cần thiết phải kết hợp kế hoạch với thị trường, kết hợp thị trường có kế hoạch với thị trường không có kế hoạch; có sự nhìn nhận tích cực hơn với kinh tế tư nhân; sửa chính sách kinh tế nhằm làm cho sản xuất "bung ra"; xem tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá tính đúng sai của chính sách kinh tế là có làm cho năng suất lao động ngày một được nâng cao hay không, có làm cho sản xuất phát triển và đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện hay không?

Những chủ trương do Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) đưa ra đánh dấu bước khởi đầu tìm kiếm giải pháp khắc phục cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đó là bằng chứng nói lên sự xuất hiện những ý tưởng mới trên đường tìm tòi con đường thích hợp để thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của đất nước trong bối cảnh mới của thời đại.

Nhờ đáp ứng đúng nhu cầu của nhân dân, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) đã nhanh chóng được nhân dân cả nước đón nhận và biến thành hành động cụ thể trong thực tiễn kinh tế: Sau hơn 3 tháng đưa Nghị quyết đó vào cuộc sống, ở Hà Nội đã có 1.529 hộ đăng ký kinh doanh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Kinh tế hộ gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh... Long An đã đi đầu trong tìm tòi cách cải tiến phân phối lưu thông. Bằng biện pháp "mua cao, bán cao", Long An đã làm chủ được thị trường địa phương. Hải Phòng, Vĩnh Phú, Nghệ Tĩnh... được phép thí điểm hình thức khoán - trước hết là khoán cây màu, cây công nghiệp và sau là khoán cây lúa. Từ thực tế thí điểm khoán đó đã cho phép Đảng ta đưa ra nhận định: Do cách khoán sản phẩm gắn được trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp hơn, nên đã tận dụng được sức lao động của gia đình xã viên, phát huy được tốt tính tích cực lao động, tinh thần hăng hái áp dụng các biện pháp kỹ thuật và ý thức chăm lo tiết kiệm chi phí trong sản xuất của xã viên, đồng thời khai thác thêm được một phần vật tư của gia đình xã viên đưa vào sản xuất. Do đó, nhiều loại cây trồng và phân diện tích áp dụng cách khoán sản phẩm cho xã viên đã tăng năng suất và sản lượng.

Từ đó, ngày 13-1-1981 Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp đã ra đời. Phương hướng chủ yếu cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp là khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất; mọi việc quản lý của hợp tác xã đều thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng. "Khoán 100" thực sự đã tạo ra một động lực mới trong sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, trên lĩnh vực nông nghiệp, tư tưởng của V.I.Lênin về chính sách kinh tế mới đã được nhận thức và vận dụng tương đối triệt để.

Trên lĩnh vực công nghiệp, chủ trương "ba phần kế hoạch" (phần Nhà nước giao có vật tư bảo đảm; phần xí nghiệp tự làm; phần sản phẩm phụ) mà Quyết định 25/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 21-1-1981 được đưa vào cuộc sống. Cùng với Quyết định đó là Quyết định 26/CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước được áp dụng.

Những đổi mới đó đã nâng cao sự quan tâm thiết thân của người lao động tới hiệu quả sản xuất - kinh doanh, kích thích tính năng động sáng tạo của họ. Nhờ vậy,

sản xuất từng bước phát triển khiến cho hàng ngàn người trước đây bỏ doanh nghiệp đã trở lại sản xuất.

Trên lĩnh vực cải tạo xã hội chủ nghĩa: Vấn đề tận dụng sức mạnh của các thành phần kinh tế đã được đặt ra; từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp; chính sách đối với thành phần kinh tế cá thể từng bước được mềm hóa cho đúng thực tế hơn...

Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp: Nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, cưỡng ép mệnh lệnh, làm ồ ạt gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Một số chủ trương trên đây cho thấy đó là những thử nghiệm và tìm tòi bước đầu thành công trên con đường đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta; nhờ đó, đã giúp cho các cơ sở tự giải quyết một phần khó khăn. Cũng từ đó mà gợi mở cho những suy nghĩ đổi mới không phải chỉ trong kế hoạch mà cả trong lĩnh vực giá cả, lợi nhuận, tiền thưởng, đặc biệt là những suy nghĩ về công tác quản lý sản xuất trong cơ chế thị trường.

Nói chung, có thể nhìn nhận những tư tưởng đổi mới được thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) của Đảng và được cụ thể hóa trong các Quyết định của Chính phủ thời kỳ này như sau:

Thứ nhất, đó là những ý tưởng ban đầu mang tính tự phát, chưa cơ bản và toàn diện như Đại hội VI, nhưng đó là bước mở đầu có ý nghĩa.

Thứ hai, tư tưởng nổi bật trong những tìm tòi đổi mới đó là "làm cho sản xuất bung ra" trên cơ sở khắc phục những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, đề ra chủ trương phù hợp để phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở tạo ra động lực cho sản xuất gắn với lợi ích kinh tế, lợi ích thiết thân của người lao động.

Thứ ba, tác dụng thực tiễn của những ý tưởng đổi mới ban đầu đó còn có nhiều hạn chế. Điều đó do nhiều nguyên nhân, trong đó đặc biệt chú ý là tư tưởng bảo thủ, trì trệ. Ngoài ra, không thể không lưu ý tới tình trạng chưa ngang tầm trong năng lực lãnh đạo của Đảng trước yêu cầu của giai đoạn mới. Thiểu sót trong chỉ đạo cuộc tổng điều chỉnh giá năm 1981 là một biểu hiện cụ thể của sự hạn chế đó. Sự kiện đó và nhiều sự kiện khác trước đó cho thấy rõ ràng, trong thời gian dài chúng ta đã quản lý kinh tế theo lối hành chính quan liêu, bao cấp; lấy động viên chính trị thay cho tính toán hiệu quả kinh tế, dùng bộ máy hành chính để quản lý kinh tế.

Để góp phần khắc phục những thiếu sót đó, Nghị quyết 32-NQ/TW ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị đã thấy sự cần thiết phải nhấn mạnh hiệu lực quản lý của Nhà nước về kinh tế theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân lao động, nhất là quyền làm chủ về kinh tế...

Những tìm tòi được thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) và các nghị quyết tiếp theo đã đặt những viên gạch nền móng đầu tiên cho quá trình đổi mới.

Do cả những khó khăn xuất hiện bởi chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây - Nam gây ra; do cả tính sơ khai, thiếu đồng bộ của tư tưởng đổi mới trên đây và chưa có đủ thời gian để những chủ trương đổi mới phát huy tác dụng, nên cho đến khi chuẩn bị và tiến hành Đại hội V của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước vẫn đầy rẫy khó khăn.

Nhiều chỉ tiêu cơ bản do Đại hội IV đưa ra không thực hiện được: Đại hội nêu ra chỉ tiêu đến năm 1980 đạt 21 triệu tấn lương thực, nhưng thực tế chỉ đạt 14.406.400 tấn; năm 1976 lạm phát 128% thì năm 1981 là 313%; sản lượng bình quân đầu người

về xi măng năm 1976 là 15,1 kg thì năm 1981 là 9,8 kg; các con số tương ứng về thép là 1,3 kg và 0,7 kg, về vải là 4,5 m và 2,6 m... Nền kinh tế ở trạng thái trì trệ, sa sút. Đời sống nhân dân lao động có nhiều khó khăn. Vấn đề bức xúc phải giải đáp là làm thế nào để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội đang ở mức "dưới đáy" lúc này?

Tìm lời giải đáp cho vấn đề đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982) đã nhìn nhận một cách khách quan, trung thực mặt thành tựu và hạn chế - đặc biệt là mặt hạn chế, từ đó đưa ra một số chủ trương đổi mới quan trọng.

Khi chỉ ra nguyên nhân chủ quan gây nên sự trì trệ của nền kinh tế, Đại hội V khẳng định: Chúng ta chưa thấy hết khó khăn, phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến; thấy chưa hết quy mô của những đảo lộn kinh tế và xã hội sau cuộc chiến tranh lâu dài... Đảng ta cũng cho rằng, trên những mặt nhất định, khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn về kinh tế và xã hội trong những năm trước đó. Chẳng hạn, chủ quan, nóng vội đề ra một số chỉ tiêu quá lớn và quy mô quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất; đưa quy mô hợp tác xã nông nghiệp lên quá lớn; tư tưởng hết sức bảo thủ, trì trệ; duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp v.v...

Từ sự đánh giá đó, để góp phần khắc phục tư tưởng nôn nóng, Đại hội đã đưa ra tư tưởng về sự phân chia các thời kỳ kinh tế - xã hội của đất nước: "Chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ ở nước ta bao gồm thời kỳ 5 năm 1981 - 1985 kéo dài đến năm 1990". Trong giai đoạn 1981-1985, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công nghiệp hợp lý. Xem đó là *"nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt"*.

Tư tưởng về sự tồn tại "trong một thời gian nhất định ở miền Nam" 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể, tư bản tư nhân) đã được Đại hội khẳng định.

Song, những bước tiến đạt được trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đại hội V đạt được chưa có đủ thời gian cần thiết để biến thành những thay đổi tích cực trong thực tiễn kinh tế - xã hội. Phân tích tình hình thực tế lúc này, Hội nghị Trung ương ba khóa V (12-1982) chỉ ra rằng tình hình kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn gay gắt, nền kinh tế có nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng; lưu thông phân phối có nhiều diễn biến xấu; thị trường rối loạn, công tác quản lý lỏng lẻo.

Do vậy, khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày một nghiêm trọng; đời sống nhân dân, nhất là người làm công ăn lương, ngày càng khó khăn.

Trước tình hình đó, một số tư tưởng đổi mới mạnh mẽ hơn đã được nêu ra. Để khắc phục tình trạng "bán như cho, mua như cướp", lương không đủ tái sản xuất giản đơn sức lao động và sự mất giá nhanh chóng của đồng tiền, vấn đề giá - lương - tiền đã được xem là khâu đột phá.

Long An là một trong những nơi đạt được nhiều thành công nhất trong việc triển khai một số chủ trương đổi mới do Hội nghị Trung ương sáu nêu ra. Chính từ thành công của Long An, tư tưởng một giá đã hình thành. Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa V (tháng 6-1985) chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chuyển công tác ngân hàng sang nguyên tắc kinh doanh. Điểm

đặc sắc là Hội nghị đã thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa.

Từ đó có thể thấy tư duy mới về kinh tế ra đời có nguồn gốc sâu xa từ thực tiễn đất nước, từ những khó khăn gay gắt của đất nước, từ thực tiễn đổi mới bộ phận ở các cơ sở, địa phương. Tư duy mới đó là những nhận thức ban đầu về những *khó khăn, phức tạp* của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế sản xuất nhỏ còn phổ biến; về bước đi và những chặng đường phải trải qua; về sự cần thiết phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và, do đó, cần phải phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; về sự cần thiết của sản xuất hàng hóa và sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa; về sự cần thiết phải xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp; thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; về sự cần thiết phải tạo ra động lực mạnh mẽ cho người lao động - đó là lợi ích kinh tế, lợi ích vật chất thiết thân của người lao động, sự quan tâm tới lợi ích kinh tế...

Những nhận thức cụ thể này cùng với những đổi mới cụ thể, từng phần được dần dần khái quát, nâng lên thành quan điểm để tạo ra sự phát triển nhảy vọt của tư duy mới trong sự tìm kiếm con đường sáng tạo đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội VI mở đầu bước ngoặt trong đổi mới tư duy của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội. Chúng ta dần dần từ bỏ tư duy cũ về một chủ nghĩa xã hội “sạch sẽ”, đoạn tuyệt và đối lập hoàn toàn với chủ nghĩa tư bản - trái với quan niệm của C.Mác cho rằng chủ nghĩa xã hội sinh ra từ chủ nghĩa tư bản, và do đó có những dấu vết còn lại về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần của chủ nghĩa tư bản như C.Mác đã đề cập trong *Phê phán cương lĩnh Gotha*. Chúng ta đang xây dựng và phát triển lý luận về con đường tiến lên CNXH ở nước ta, một mô hình chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Tổng kết 20 năm đổi mới (1986-2006), trong Văn kiện Đại hội X, Đảng ta chỉ rõ: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn, từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Thực hiện nguyên tắc gắn phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.

Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa nhận thức đầy đủ và có hệ thống những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giữa kinh tế và chính trị, chưa làm rõ về mặt lý luận quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Vì thế, trong quá trình đổi mới kinh tế chúng ta còn nhiều hạn chế sau:

- Nhận thức về KTTT định hướng XHCN còn hạn chế, chưa thống nhất; nền kinh tế của ta còn kém phát triển; năng lực quản lý và điều hành của bộ máy nhà nước còn bất cập; sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và của người dân còn hạn chế.

- Luật pháp chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, còn có sự chồng chéo; xung quanh vấn đề sở hữu còn nhiều lúng túng, đặc biệt là sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước; các yếu tố thị trường phát triển còn chậm; phân bổ nguồn nhân lực còn chưa hợp lý; bộ máy quản lý nhà nước còn bất cập; cơ chế chính sách trong từng lĩnh vực xã hội còn chậm đổi mới.

Như vậy, tính tất yếu của đổi mới kinh tế ở Việt Nam không đơn giản chỉ là do những khó khăn kinh tế mà đất nước mắc phải, mà còn là sự phát triển hợp logic từ những tìm tòi mới, thử nghiệm mới về con đường phát triển kinh tế của đất nước đã được đặt ra trước đó. Hơn nữa, *tính tất yếu của đổi mới trên lĩnh vực kinh tế còn bắt nguồn từ quan niệm mới, khoa học hơn, đúng đắn hơn về con đường đi lên chủ nghĩa*

xã hội ở Việt Nam nói chung, con đường phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói riêng.

Sự thay đổi của nền tảng kinh tế tất yếu đòi hỏi sự thay đổi tương ứng của chính trị.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong lĩnh vực chính trị, thành tựu nổi bật nhất là Đảng ta đã từng bước bổ sung và cụ thể hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong quá trình đó, Đảng ta đã được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức; vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội được tăng cường.

Đảng giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, nhạy bén trong việc hoạch định chủ trương trên các lĩnh vực cũng như triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương đó; Đảng có giải pháp tích cực nhằm chinh đốn bản thân mình gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Trên lĩnh vực lập pháp: Chúng ta đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng liên quan tới tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; nhiều quyền công dân và quyền con người đã được cụ thể hóa và thể chế hóa.

Chúng ta cũng đã tiến hành xây dựng và củng cố nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc quản lý Nhà nước bằng pháp luật và theo pháp luật từng bước được xác lập và hoàn thiện. Những bước tiến đó đã góp phần làm cho hoạt động của các cơ quan Nhà nước các cấp đạt được những bước tiến quyết định theo hướng phát huy quyền dân chủ của nhân dân, tăng cường kỷ cương và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

Cùng với việc đa dạng hóa hình thức tập hợp quần chúng, chúng ta cũng đã thực hiện đa dạng hóa chức năng của các tổ chức đó. Nhờ vậy, các hội, đoàn quần chúng hợp pháp ngày càng có sinh khí hơn, ngày càng thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, và hoạt động cũng ngày càng có hiệu quả cao.

Trong khi mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng, khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức không một chút nào bị xem nhẹ. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, chỉ khi làm cho nó thực sự là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân, thì việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng nhằm mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... mới góp phần tích cực vào sự ổn định chính trị - xã hội, vào tăng trưởng kinh tế theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân.

Trong khi khẳng định những thành quả to lớn trên đây, chúng ta cũng thấy, ngay trên lĩnh vực chính trị cũng còn không ít những yếu kém, nếu không kịp thời khắc phục, hệ thống đó sẽ không phát huy được vai trò tích cực của mình vào việc phát triển dân chủ xã hội, mở rộng nhân quyền của nhân dân. Trong số những yếu kém hiện tồn trong hệ thống chính trị, chúng ta cần hết sức quan tâm tới một số điểm dưới đây:

Một là, tuy giữ vững được bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo của mình, nhưng Đảng ta vẫn chưa được chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển căn bản trên những lĩnh vực kinh tế và mở rộng đối ngoại.

Từ chỗ tập trung chỉ đạo chiến tranh, giành độc lập và thống nhất đất nước sang lãnh đạo xây dựng hòa bình là *bước chuyển căn bản về chiến lược*. Hơn nữa, như trên đã

đề cập, để có chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải chuyển sang nền kinh tế mới - kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Song, nhiều vấn đề thuộc lý luận về Đảng Cộng sản cầm quyền trong điều kiện kinh tế đó còn chưa được làm sáng tỏ. Sử dụng kinh tế tư bản nhà nước là một đòi hỏi khách quan để tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa... là một chủ trương hoàn toàn cần thiết. Nhưng, trong khi khẳng định tính không đối lập về cơ bản của cơ chế thị trường với chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng thấy rõ rằng, bên cạnh tác động tích cực là cơ bản, kinh tế thị trường ngay trong trường hợp giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có mặt trái của nó. Do không được chuẩn bị ngay từ đầu để khắc phục những tác động ngược chiều của cơ chế đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Một số thoái hóa về chính trị, tuy rất ít. Công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng, đánh giá cán bộ làm chưa thật tốt.

Hai là, tuy trong hoạt động lập pháp và lập quy ngày càng được dân chủ hóa và khoa học hóa hơn; việc điều hành của Chính phủ ngày càng có hiệu quả cao, nhưng nhìn chung, bộ máy Nhà nước còn có nhiều bất cập trước yêu cầu của giai đoạn mới. Những bước tiến trong việc đổi mới nền hành chính quốc gia (bao gồm đổi mới thể chế hành chính, bộ máy hành chính, cán bộ làm công tác hành chính) còn rất hạn chế. Tình trạng quan liêu, nhiều tầng nhiều lớp của bộ máy hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế - xã hội chưa thật nhanh, nhạy và có hiệu quả cao. Tình trạng “nghiệp dư” của đội ngũ công chức Nhà nước chưa được khắc phục về cơ bản; kỷ cương, phép nước bị xem thường ở nhiều nơi.

Ba là, phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của nhiều tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu, cán bộ của nhiều đoàn thể chính trị - xã hội vẫn trong tình trạng “viên chức hóa”.

Bốn là, nạn tham nhũng còn rất nặng nề. Tham nhũng không chỉ là “quốc nạn”, mà còn là “nội phản”; nó “hoành hành trong mọi ngành, mọi cấp”. Cùng với tham nhũng là bệnh cục bộ, bản vị, địa phương phát triển ở nhiều nơi.

Năm là, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hoá về phẩm chất đạo đức, xúc chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa cao. Đội ngũ cán bộ cơ sở ít được đào tạo, bồi dưỡng, chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chấp vạ.

Những yếu kém trên đây của hệ thống chính trị đã có tác động tiêu cực tới quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tới việc phát huy dân chủ của nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Nhưng do những yếu kém trên đây của hệ thống chính trị, không phải bao giờ nhân dân cũng được thu hút vào quá trình hoạch định các chủ trương, chính sách có liên quan mật thiết tới cuộc sống của mình bằng một cơ chế thực sự dân chủ. Bệnh chuyên quyền, độc đoán, ức hiếp quần chúng ở một số nơi còn nặng nề. Dân chủ hình thức còn chưa được khắc phục về cơ bản, làm hạn chế việc thực hiện những quyền dân chủ thực sự của nhân dân đã được pháp luật ghi nhận. Do vậy, nhiều tiềm năng sáng tạo đang tiềm ẩn trong các tầng lớp nhân dân còn chưa được phát huy.

Nhà nước ta là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cụ thực hiện quyền lực của nhân dân. Trong Nhà nước đó, nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực; các quyền mà Nhà nước có được đều do nhân dân ủy quyền. Song, do bộ máy nhà nước ta chưa thật trong sạch, vững mạnh; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu còn nghiêm trọng, nên trong một số trường hợp đã diễn ra tình trạng nhân dân ủy quyền rồi *mất quyền*.

Từ chỗ bộ máy Nhà nước là công cụ của nhân dân, viên chức nhà nước là “công bộc”, là “đầy tớ” của nhân dân thì, trong một số trường hợp, bộ máy đó, ở nơi này hay nơi khác, đã biến thành gánh nặng của nhân dân; cán bộ nhà nước trở thành “ông quan cách mạng”, những nhiều quần chúng.

Về những tồn tại trong chính trị, Nghị quyết Trung ương 5 khóa X (9/2007) chỉ rõ: “Hệ thống thể chế, pháp luật, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa đủ rõ, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức bộ máy còn chồng chéo, chưa phù hợp. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Thể chế, luật pháp về quản lý tài chính công tuy có nhiều đổi mới, nhưng còn bất cập. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; kỉ luật, kỉ cương cán bộ, công chức chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém”⁶⁸.

Những hạn chế trên đây của hệ thống chính trị cũng có ảnh hưởng tiêu cực tới việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Chính sách giải quyết các vấn đề liên quan tới các dân tộc ít người và đồng bào có tín ngưỡng tôn giáo không phải bao giờ cũng phản ánh đúng đắn nhu cầu, lợi ích chính đáng của họ và được thực thi một cách có hiệu quả. Việc quy hoạch và phát triển các vùng kinh tế cũng còn chưa góp phần tích cực tới việc bảo đảm sự phát triển đồng đều giữa mọi địa bàn lãnh thổ. Không phải mọi tầng lớp nhân dân ở các vùng khác nhau đều được tạo điều kiện, cơ hội như nhau trong phát huy năng lực cống hiến cũng như trong hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần do xã hội sáng tạo ra.

Trên lĩnh vực kinh tế, những yếu kém của hệ thống chính trị đã dẫn tới tình trạng chậm tháo gỡ những vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế phát triển. Những tiêu cực trong bộ máy Nhà nước, Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp Nhà nước nghiêm trọng và kéo dài đã hạn chế khả năng thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống pháp luật kinh tế thiếu đồng bộ, chưa nhất quán; quản lý nhà nước về xuất, nhập khẩu còn nhiều sơ hở; chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý... Do vậy, hệ thống động lực phát triển kinh tế còn chưa được khơi dậy mạnh mẽ và phát huy hiệu quả cao.

Đổi mới trên lĩnh vực chính trị nhằm khắc phục những yếu kém trên đây đã trở thành *đòi hỏi bức thiết* để nó góp phần tích cực nhất vào quá trình thực hiện dân chủ của nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh*” theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Nội dung đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Đổi mới kinh tế ở Việt Nam hiện nay

Đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN.

Quá trình chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam có nhiều nét đặc thù. Các yếu tố XHCN đang phát triển từ thấp đến cao. Nền KTTT định hướng XHCN mà chúng ta đang xây dựng là nền kinh tế

⁶⁸ NQ TW 5 khoá X của Đảng: <http://.cpv.org.vn/tiengviet/tulieuvankien/vankiendang>

trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành KTTT được tự giác tạo lập và sử dụng nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, và văn minh.

Đổi mới kinh tế ở nước ta trước tiên là đổi mới tư duy kinh tế. Nhìn lại tư duy kinh tế của ta trước đổi mới, liên hệ với những gì Đại hội VI (1986) đã phê phán hoặc khẳng định, rồi những gì ngày nay đạt được, nhất là từ hai Đại hội IX và X đến nay, chúng ta có thể khái quát đổi mới tư duy kinh tế ở nước ta tập trung vào 10 điểm sau đây:

Một là, từ quan niệm về nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một nền kinh tế chủ yếu có hai thành phần xã hội chủ nghĩa (kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể) đã đi đến quan niệm về một nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế này, ngoài hai thành phần nói trên, còn có: kinh tế tư nhân (bao gồm cả cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế ấy đều là bộ phận của nền kinh tế quốc dân, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, cùng hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Thay đổi quan trọng nhất là kinh tế tư nhân chẳng những không bị kỳ thị, mà còn được thừa nhận là có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Hai là, từ quan niệm cho rằng, để xây dựng được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phải nhanh chóng hoàn thành cải tạo kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế cá thể, tiểu chủ là những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, đã đi đến quan niệm cho rằng việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới nhất thiết phải phù hợp với từng bước phát triển của lực lượng sản xuất. Tiêu chuẩn căn bản đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất mới không phải ở chỗ cải tạo nhanh hay không các thành phần kinh tế tư nhân nói trên mà là ở chỗ làm sao giải phóng và phát huy được mọi năng lực sản xuất, đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Ba là, từ quan niệm chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ có một chế độ sở hữu duy nhất là chế độ công hữu về tất cả các tư liệu sản xuất (bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể) đã đi đến quan niệm về một nền kinh tế nhiều sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân). Trong đó, không chỉ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất được thừa nhận, mà ngay chế độ công hữu cũng được hiểu không phải về tất cả các tư liệu sản xuất mà chỉ là về các tư liệu sản xuất chủ yếu để làm chỗ dựa cho nền kinh tế quốc dân.

Bốn là, từ quan niệm kinh tế quốc doanh (các doanh nghiệp nhà nước) là chủ đạo đã đi đến quan niệm kinh tế nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và những bộ phận khác như dự trữ quốc gia, ngân sách nhà nước,...) là chủ đạo. Chủ đạo không có nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước phải chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, độc quyền chi phối thị trường, mà là ở chỗ kinh tế nhà nước phải giữ vững vị trí then chốt trong nền kinh tế; phải mở đường, hướng dẫn, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, làm lực lượng vật chất để Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết và quản lý vĩ mô, tạo nền tảng cho xã hội mới.

Về hình thức sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu. Các doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước, đều cần đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả, trọng tâm là cổ phần hóa.

Năm là, từ quan niệm hợp tác xã thuần túy là kinh tế tập thể, cho rằng tập thể hóa tư liệu sản xuất càng mạnh, tỷ trọng sở hữu tập thể càng cao thì hợp tác xã càng gần chủ nghĩa xã hội, do đó mà gò ép những người lao động cá thể vào hợp tác xã, đã đi đến quan niệm hợp tác xã là một tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở người lao động tự nguyện góp sức, góp vốn và quản lý dân chủ, với quy mô và mức độ tập thể hóa tư liệu sản xuất khác nhau. Hình thức tổ chức các hợp tác xã trong nông nghiệp và trong các ngành hoạt động phi nông nghiệp cũng khác nhau. Ngay trong nông nghiệp, giữa các hợp tác xã nghề trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá, nghề muối, nghề rừng cũng khác nhau. Các hợp tác xã nông nghiệp không quản lý toàn bộ các khâu trong quá trình sản xuất, kinh doanh mà phát huy vai trò tự chủ của hộ xã viên và thực hiện chức năng chủ yếu làm dịch vụ, hỗ trợ, hướng dẫn xã viên.

Sáu là, từ quan niệm hai thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, với việc xóa bỏ nhanh các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, ngay từ đầu, đã là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, đã đi đến quan niệm rằng muốn cho hai thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, thì phải trải qua một quá trình xây dựng, củng cố và phát triển hai thành phần đó với những bước đi thích hợp.

Bảy là, từ quan niệm Nhà nước phải chỉ huy nền kinh tế theo một kế hoạch tập trung với những chỉ tiêu pháp lệnh áp đặt từ trên xuống, đã đi đến quan niệm phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý kinh doanh; chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chủ sở hữu tài sản công là thuộc Nhà nước, còn chức năng quản lý kinh doanh thì thuộc về doanh nghiệp. Từ chỗ tuyệt đối hóa vai trò của kế hoạch, phủ nhận vai trò của thị trường đã đi đến thừa nhận thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch; kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng và đặc biệt quan trọng trên bình diện vĩ mô, còn thị trường giữ vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn hình thức hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh. Quan niệm về hàng hóa và thị trường cũng được mở rộng, bao gồm cả tư liệu sản xuất, vốn, sức lao động, bất động sản, công nghệ, các dịch vụ như thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm soát, bảo hiểm,...

Tám là, từ quan niệm chỉ thừa nhận một hình thức phân phối duy nhất chính đáng là phân phối theo lao động, đã đi đến quan niệm thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Công bằng xã hội không phải thể hiện ở chủ nghĩa bình quân trong phân phối, mà là ở sự phân phối hợp lý tư liệu sản xuất và kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình. Không ngăn cấm làm giàu mà trái lại, khuyến khích mọi người làm giàu một cách hợp pháp, đồng thời thực hiện xóa đói, giảm nghèo, hạn chế phân cực giàu - nghèo quá đáng.

Chín là, từ quan niệm thị trường xã hội chủ nghĩa đối lập với thị trường tư bản chủ nghĩa, hạn chế quan hệ kinh tế quốc tế, đã đi đến quan niệm về một nền kinh tế mở, thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu (gia nhập WTO là đỉnh cao nhất gần đây); kết hợp nội lực với ngoại lực, lấy phát huy nội lực là chính, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực để tạo nên sức mạnh tổng hợp; thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế nhưng vẫn giữ được tính độc lập tự chủ, giữ được độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Mười là, từ chỗ quan niệm đồng nhất kinh tế thị trường với kinh tế tư bản chủ nghĩa đã đi đến quan niệm coi sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường không phải là

sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, mà là thành quả phát triển qua nhiều phương thức sản xuất mặc dù đến chủ nghĩa tư bản thì kinh tế thị trường phát triển đến mức điển hình. Sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường tồn tại một cách khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng thành công. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta khác nhau ở bản chất và mục đích; một bên là để phát triển chủ nghĩa tư bản, một bên là để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Đại hội XI của Đảng đề ra nhiệm vụ "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Ba nội dung cơ bản của nhiệm vụ này là:

1- Phát triển mạnh các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

2- Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

3- Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội XI của Đảng đã nêu rõ những định hướng lớn về phát triển kinh tế: "phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế...Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển"⁶⁹; "phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ"⁷⁰.

Qua 25 năm đổi mới, quá trình phát triển KTTT định hướng XHCN ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu, như: Đã đổi mới nhận thức và tư duy về phát triển kinh tế, thấy rõ vai trò khách quan, những ưu điểm và hạn chế của KTTT; có sự đổi mới căn bản về hình thức, chế độ sở hữu (sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân) và cơ cấu các thành phần kinh tế; phát triển các loại thị trường: thị trường tài chính-tiền tệ, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học- công nghệ, thị trường chứng khoán...; quản lý kinh tế vĩ mô có sự đổi mới theo hướng trao quyền tự chủ, độc lập sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp, đơn vị cơ sở.

2.2.2. *Đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay*

Kinh nghiệm từ các quốc gia XHCN trước đây cho thấy sự quá độ từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường có thể xói mòn sự ổn định của chế độ. Sự bất bình đẳng kinh tế và các vấn đề xã hội nảy sinh và chính chúng là tiềm ẩn khả năng tạo ra xung đột. Trong khi áp lực thay đổi có thể đến từ nhiều nguồn khác nhau, sự thay đổi thành công chỉ có thể có được từ một liên minh rộng rãi các thành phần nhà nước và phi nhà nước khác nhau.

Việc đổi mới chính trị chưa tiến kịp đổi mới kinh tế hiện nay đã bắt đầu gây ảnh hưởng làm giảm nhịp độ đổi mới kinh tế, thể hiện ở chỗ:

- Tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường còn rất chậm chạp, biểu hiện ở nhiều lĩnh vực: cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước chậm trễ, phân công lao động

⁶⁹ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.CTQG, HN, 2011, tr.73-74.

⁷⁰ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.CTQG, HN, 2011, tr.75.

xã hội kém phát triển, tỷ lệ người lao động được đào tạo trong tổng số lao động còn thấp, các loại thị trường cơ bản phát triển chưa đồng bộ, điều kiện gia nhập thị trường còn phức tạp và chậm được cải thiện... đang là những cản trở nghiêm trọng cho sự phát triển kinh tế thị trường.

- Những yếu tố định hướng XHCN của quá trình đổi mới cũng còn chưa được thể hiện rõ nét. Tuy đã có một bước tiến để nâng cao vai trò của Chính phủ trong định hướng sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nhưng quá trình này vẫn ở giai đoạn ban đầu.

- Những biến đổi lớn trong kinh tế thể hiện rằng kinh tế đã được dân chủ hóa ở một mức độ nhất định, nhưng quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị và đời sống xã hội vẫn còn chưa tương xứng. Không có dân chủ thì không có XHCN, song dân chủ không phải là trừu tượng, mà là cụ thể. Xây dựng CNXH là giải phóng nhân dân khỏi áp bức và bóc lột, làm cho họ trở thành người chủ của xã hội, được hưởng quyền dân chủ rộng rãi và có quyền tham gia quản lý đất nước, đó là bản chất của dân chủ XHCN, nhưng vấn đề này hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bức xúc trong xã hội.

Vì vậy cần phải tiếp tục đổi mới chính trị theo nguyên tắc giữ vững định hướng XHCN, không từ bỏ mục tiêu CNXH. Đảm bảo hệ thống chính trị nước ta vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ do một đảng duy nhất lãnh đạo.

Đổi mới chính trị không có nghĩa là thay đổi chế độ chính trị XHCN. Đổi mới chính trị ở nước ta là đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Thành công của công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta hiện nay phần nhiều phụ thuộc vào đổi mới chính trị, bao gồm những nội dung sau đây:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội bằng cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị; bằng việc thể chế hoá các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị; bằng giới thiệu những đảng viên có đủ phẩm chất, năng lực vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của hệ thống chính trị; bằng công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục; bằng tổ chức Đảng và sự gương mẫu của đảng viên; bằng kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với tổ chức Đảng và đảng viên. Hiện nay, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng đảm bảo cho các quá trình lập pháp, lập quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước thể hiện đúng tư tưởng, quan điểm của Đảng.

- Đảng đưa ra các quan điểm, nguyên tắc và phương hướng chỉ đạo việc tổ chức bộ máy nhà nước, xem xét góp ý về các đề xuất của Nhà nước để Nhà nước quyết định.

- Đảng giới thiệu người của mình vào giữ những cương vị chủ chốt của Nhà nước để nhân dân lựa chọn và Nhà nước bố trí vào các chức vụ, khắc phục tình trạng cấp ủy Đảng, ban tổ chức bao biện làm thay mọi việc về nhân sự của bộ máy nhà nước.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của tổ chức Đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước, thông qua tổ chức và đảng viên để đưa tư tưởng quan điểm và đường lối của mình vào hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Thông qua tổ chức Đảng và đảng viên để kiểm tra hoạt động của bộ máy nhà nước. Nội dung của việc kiểm tra cần hướng vào việc xem xét về mặt quan điểm, phương hướng chính trị, bảo đảm thực hiện đường lối chính sách của Đảng, giữ vững

bản chất Nhà nước XHCN và giữ vững định hướng XHCN cho nền kinh tế thị trường đang được xây dựng. Đảng không kiểm tra trùng lặp với sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà nước.

Thứ hai, đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Nhà nước chúng ta đang xây dựng hiện nay là nhà nước của dân, do dân và vì dân; Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng đối nội và chức năng đối ngoại, chức năng giai cấp và chức năng xã hội. Do vậy phải thường xuyên đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước. Nội dung của đổi mới nhà nước là: xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Trong việc cải tổ bộ máy nhà nước, cần phải kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu. V.Lênin đã từng cho rằng, quan liêu là loại “cỏ dại” trong bộ máy nhà nước. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu phải được đảm bảo bằng việc thắt chặt mối liên hệ giữa các cơ quan của chính quyền với nhân dân. Các cơ quan chính quyền nhà nước phải gần gũi với nhân dân, đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động của mình để sao cho “quần chúng công nông lại coi” các cơ quan đó là “của mình” chứ không phải là của kẻ khác.”⁷¹. V.I.Lênin viết: “...những hình thức và phương pháp kiểm tra từ dưới lên, càng phải hết sức muôn vẻ để làm tê liệt mọi khả năng, dù nhỏ đến đâu dẫn tới xuyên tạc chính quyền Xô-viết, để tiếp tục và luôn luôn loại trừ cho tiệt cái thứ cỏ dại chủ nghĩa quan liêu”⁷².

Vấn đề mấu chốt trong đổi mới chính trị ở nước ta hiện nay là ở chỗ, Nhà nước cần phải tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện để trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Không có một nhà nước như vậy thì không thể nói đến thực hiện dân chủ và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, không thể giữ vững được định hướng XHCN trong quá trình phát triển kinh tế thị trường.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước hiện nay ở nước ta cần tập trung vào đổi mới hoạt động của Quốc hội và đổi mới bộ máy hành chính các cấp.

Về đổi mới hoạt động của Quốc hội: Quốc hội có ba chức năng là lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao. Để thực hiện tốt các chức năng đó, về phương diện tổ chức, việc lựa chọn cán bộ vào các cơ quan Quốc hội, ngoài việc căn cứ vào phẩm chất đạo đức, còn phải căn cứ vào trình độ chuyên môn và năng lực công tác; cần tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội là những người ngoài Đảng và thuộc các thành phần kinh tế ngoài kinh tế nhà nước để cơ thể phản ánh được ý kiến của các tầng lớp đa dạng trong xã hội.

Về hoạt động lập pháp: cần đổi mới qui trình lập pháp nhằm nâng cao số lượng và chất lượng văn bản luật. Hoàn thiện thủ tục xây dựng pháp luật từ khâu lập chương trình, soạn thảo, thẩm tra đến việc thảo luận, thông qua các dự án luật, pháp lệnh. Cần có cơ chế thu hút các chuyên gia giỏi, những người trực tiếp thi hành pháp luật và trí tuệ của nhân dân, các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp vào hoạt động xây dựng pháp luật, đổi mới việc tổ chức lấy ý kiến của các bộ, ngành, các thành viên Chính phủ về các dự thảo văn bản pháp luật để đạt được hiệu quả thiết thực. Về vấn đề này Việt Nam nên áp dụng kinh nghiệm của Trung Quốc là ngoài việc trao quyền cho các bộ, ngành hữu quan, nên giao cho những tổ chức và cá nhân (nếu có thể) am hiểu và có trình độ pháp luật cao cùng soạn thảo.

⁷¹ V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1977, tr.253.

⁷² V.I.Lênin, *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M.1977, tr.253-254.

Về hoạt động giám sát của Quốc hội, nhiều ý kiến cho rằng quyền giám sát của Quốc hội trong thời gian vừa qua vẫn còn ở thể “cuối ngựa xem hoa”, thiếu chiều sâu, nặng chiều rộng, chưa thường xuyên. Vì vậy phải tiếp tục cải tiến hình thức giám sát theo hướng mở rộng dân chủ và xác định rõ vai trò pháp lý của hoạt động giám sát trên cơ sở áp dụng cụ thể các chế tài, nhất là trong chất vấn. Bởi mục đích của hoạt động này không gì khác hơn là làm rõ trách nhiệm để từ đó có thể qui kết trách nhiệm đối với cá nhân, cơ quan bị chất vấn.

Về đổi mới bộ máy hành chính các cấp và cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính

Đổi mới bộ máy Nhà nước (chủ yếu là Chính phủ) không chỉ ở chỗ giảm số Bộ và cơ quan ngang Bộ, mà chủ yếu là phải thể hiện rõ hơn yêu cầu thực hiện đúng chức năng, vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, cần phải tiếp tục đổi mới bộ máy Nhà nước theo các hướng sau:

- Xác định hợp lý cơ cấu tổ chức bộ máy của các Bộ Cơ quan ngang Bộ, được hình thành từ một số Bộ cũ. Cơ cấu tổ chức này, về nguyên tắc phải dựa trên cơ sở làm rõ chức năng quản lý nhà nước lĩnh vực hoặc các lĩnh vực được phân công.

- Khẩn trương nghiên cứu phương án tổ chức bộ máy quản lý hành chính các cấp ở địa phương. Ngoài yêu cầu thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước, cần đẩy mạnh sự phân cấp và phối hợp quản lý hành chính giữa các cấp trong hệ thống chính quyền.

- Cùng với việc hoàn thiện bộ máy quản lý, cần xúc tiến mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính thông qua nghiên cứu đánh giá các thủ tục hành chính hiện có, xây dựng thủ tục hành chính theo tinh thần đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện hiện đại hóa bộ máy quản lý nhà nước. Trong điều kiện của tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện nay, đặc biệt là trong điều kiện phát triển như vũ bão và sự phổ cập rộng rãi của công nghệ thông tin trên phạm vi toàn cầu, việc tin học hóa hoạt động của mọi ngành và điện tử hóa bộ máy quản lý nhà nước cần được coi là một trong những nội dung quan trọng nhất của quá trình hiện đại hóa bộ máy quản lý nhà nước. Đây vừa là một xu thế tất yếu, không thể cưỡng lại, do yêu cầu của cách mạng khoa học kỹ thuật, mặt khác, đó cũng là điều kiện quan trọng để đẩy mạnh cải cách hành chính, chống sách nhiễu và tham nhũng.

Thứ ba, đổi mới hoạt động của mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

Nhìn chung việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã hội ở nhiều nơi còn bất cập, chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn cuộc sống và nhiệm vụ của từng tổ chức. Tình trạng hoạt động phô trương, hình thức, hành chính hoá chậm khắc phục. Việc chăm lo sâu sát đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho hội viên, chất lượng hoạt động của từng tổ chức còn hạn chế.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X chỉ rõ: Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức, chú trọng ở hai cấp Trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng “hành chính hoá”; đổi mới phương thức hoạt động, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở; chăm lo một cách thiết thực quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên, đoàn viên. Tổ chức bộ máy chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các

đoàn thể chính trị- xã hội cần được kiện toàn tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng cường đội ngũ công tác viên, tình nguyện viên.

Hiện nay, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần phải được đổi mới để thực hiện tốt hơn vai trò *giám sát và phản biện xã hội*. Trong điều kiện chỉ có một Đảng cầm quyền, rất cần xây dựng các đoàn thể quần chúng trở thành người đại diện thực sự và có thẩm quyền của các tầng lớp nhân dân, có tiếng nói riêng đối với Đảng, với mọi công việc của đất nước.

Phản biện xã hội không chỉ đơn thuần là đóng góp ý kiến với Đảng và Nhà nước, mà còn là bình luận, nhận xét, đánh giá, thẩm định của xã hội đối với sự lãnh đạo và điều hành đất nước. Để thực hiện vai trò này, cần phải giải quyết những vấn đề sau đây:

Một là, Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân. Đảng không nên chỉ đạo quá cụ thể các hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, chỉ nên lãnh đạo thông qua các nghị quyết, đề ra phương hướng và tạo điều kiện nâng cao tính chủ động sáng tạo của các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc .

Hai là, về phần mình Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân phải tự đổi mới, không ỷ lại, không “*hành chính hóa*”, “*nhà nước hóa*”. Tiến tới dần dần phải tự trang trải kinh phí để hoạt động thông qua việc huy động đóng góp từ các thành viên, từ các tổ chức kinh tế.

Tăng số người hoạt động không chuyên trách, giảm số chuyên trách để tinh giảm bộ máy. Số cán bộ chuyên trách phải có kiến thức công tác xã hội phải được đào tạo về khoa học công tác xã hội, coi như một nghề. Có phương pháp huy động được các nhà khoa học, các chuyên gia có đủ trình độ, năng lực để thực hiện sự giám sát và phản biện xã hội.

Ba là, có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của giám sát và phản biện xã hội đối với Đảng, Nhà nước và bản thân Mặt trận Tổ quốc. Đảng và Nhà nước cần coi giám sát và phản biện xã hội là một nhu cầu cần thiết như một đòi hỏi bắt buộc trong quá trình lãnh đạo, điều hành đất nước.

Bốn là, có cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện giám sát và phản biện xã hội một cách đúng đắn và có hiệu quả. Chỉ có tạo ra cơ chế để “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát*” thông qua tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân giám sát và phản biện thì quá trình dân chủ hóa xã hội mới có thể được thực hiện trên thực tế.

KẾT LUẬN

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng được thể hiện cô đọng nhất trong quan hệ giữa kinh tế và chính trị, trong đó kinh tế là cơ sở xuất phát của chính trị, quy định nội dung, kết cấu của chính trị. Khác với các yếu tố khác của kiến trúc thượng tầng, chính trị có quan hệ mật thiết hơn với kinh tế, chính trị là biểu hiện tập trung nhất của kinh tế, đó là: chính trị thể hiện một cách trực tiếp lợi ích kinh tế của các giai cấp, trước hết là lợi ích của giai cấp thống trị, đồng thời chính trị biểu hiện một cách sâu sắc bản chất giai cấp của các quan hệ kinh tế - quan hệ sở hữu. Kinh tế quyết định chính trị, chính trị tác động trở lại kinh tế.

Sự tác động của chính trị đối với kinh tế được thể hiện ở nhiều phương diện. Có thể thấy sự tác động của chính trị đến kinh tế được thể hiện ở những điểm cơ bản như: Chính trị có vai trò bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Quyền lực chính trị có thể kiểm soát được lực lượng kinh tế; Sự ổn định tình

hình chính trị có ảnh hưởng đến sự ổn định đời sống kinh tế, làm cho đất nước có sức hấp dẫn đối với đầu tư, có tác động đến tăng năng suất lao động, đến điều kiện và nội dung việc làm của người lao động; Chính trị đóng vai trò là công cụ điều tiết, kết hợp hay điều hòa các lợi ích kinh tế nhằm ổn định tình hình xã hội; Chính trị là lĩnh vực có tính độc lập tương đối với kinh tế, trong đó những người được lựa chọn để cầm quyền đưa ra các chỉ thị, mệnh lệnh, quyết định các phương án phát triển phù hợp; Chính trị đã đặt ra một cách rõ ràng nhất mục đích, đường lối phát triển kinh tế của đất nước, động viên và tổ chức lực lượng thực hiện đường lối đó.

Tác động của chính trị đối với kinh tế chịu sự quy định của các nhân tố: định chế chính trị, thiết chế tổ chức chính trị, cơ chế vận hành quyền lực chính trị và nhân tố con người chính trị. Nhận thức đúng và giải quyết thành công quan hệ giữa kinh tế và chính trị là vấn đề có ý nghĩa quyết định chiều hướng, nội dung, nhịp điệu, hiệu quả và mức độ bền vững của sự phát triển.

Ở Việt Nam hiện nay, Đảng Cộng sản khẳng định đổi mới từ kinh tế. Thực chất đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN... cùng những biến đổi kinh tế, chúng ta thực hiện đổi mới chính trị. Thực chất đổi mới chính trị hiện nay ở nước ta là đổi mới tư duy chính trị về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; đổi mới cơ chế, chính sách mà hạt nhân cơ bản là giải quyết hợp lý, hài hòa quan hệ lợi ích; đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị để xây dựng chế độ XHCN ngày càng vững mạnh, thực hiện tốt nền dân chủ XHCN nhằm phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và phát triển kinh tế - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trọng tâm của đổi mới chính trị là đổi mới hệ thống chính trị. Trong đổi mới hệ thống chính trị, *đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng có vai trò then chốt*. Đó là: đổi mới và hoàn thiện phong cách lãnh đạo của Đảng, tập trung vào phong cách của người đứng đầu các tổ chức đảng; đổi mới phong cách và lề lối làm việc ở từng cấp ủy đảng theo hướng thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm; tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện đường lối; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; đổi mới công tác cán bộ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương (1994), *Một số quan điểm và giải pháp chuyển sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta hiện nay*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
2. C.Mác & Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb.CTQG, Hà Nội.
3. ĐCSVN (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb.ST, Hà Nội.
4. ĐCSVN (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
5. ĐCSVN (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
6. ĐCSVN (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
7. ĐCSVN (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
8. Vũ Minh Giang (1993), *Quan hệ giữa các yếu tố truyền thống với hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta*, Tạp chí Thông tin lý luận, số 7.
9. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
10. GS, TS Nguyễn Phú Trọng (2006), *Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
11. TS. Nguyễn Quốc Tuấn (2009), *Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.

12. Ban Tuyên giáo TW (2007), *Tài liệu nghiên cứu các Nghị quyết Hội nghị TW5, khoá X*, Nxb.CTQG, Hà Nội.
13. Phan Diễn (2007), *Đồng chí Trường Chinh với công cuộc đổi mới đất nước*, Tạp chí Cộng sản, số 7, tháng 2.

thuvienso.dhcs.vn

